

# VẤN ĐÁP THIỀN VÀ PHẬT PHÁP

## Hòa Thượng Thích Duy Lực Giải Đáp

--o0o--

### LỜI NÓI ĐẦU

Nguồn gốc con người và vũ trụ vạn vật, kể cả pháp giới có chung một bản thể, cho nên gọi là bất nhị; đối với Thức thì có tên là Bản Thức, nói về Tâm thì xưng là Bản Tâm. Nhưng Bản Tâm, không ai có thể biết đến được, kể cả Phật Thích Ca! Tại sao? Vì Bản Tâm không phải sở biết.

Quyển sách này, Hòa thượng Duy Lực giải đáp thắc mắc cho các Phật tử vào khoảng giữa thời gian hồng pháp tại Hoa Kỳ. Ngài nói đi nói lại nhiều lần phá chấp tâm kiến lập sở biết, sở biết đã kiến lập thì năng biết phải có, năng biết và sở biết làm đối đãi với nhau là tác dụng của Vọng Tâm, vì thế cái biết của Bản Tâm không thể hiện ra toàn diện được.

Độc giả muốn biết rõ phương pháp làm cho cái biết của Bản Tâm không còn bị chướng ngại, nên theo dõi những câu hỏi và giải đáp dưới đây. Công việc biên chép từ lời nói chuyển qua văn tự, không khỏi sự sai sót, nếu các vị phát hiện, xin chỉ giáo cho.

Người thực hiện: Thích Đồng Thường.

### Mục Lục

#### Phần 1

- Thế nào là Tổ sư thiên?
- Hỏi câu thoại đầu muốn hiểu.
- Cùng tham thiền, tụng kinh, niệm Phật.
- Trí tuệ hay niềm tin?
- Niệm thoại đầu.
- Trả lời câu thoại.
- Gặp pháp thiên rồi tu.
- Lực lớn trùm lên lực nhỏ.
- Báo ân cha mẹ.
- Con quý ở trên cây.
- Dứt trừ tập khí.
- Thay đổi nhân quả.
- Đọc tụng thọ trì kinh.
- Niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp?
- Nhướm màu sắc của đạo Lão Trang.

- Con dơi không luyện tập có ra đa.
- Chó không ăn chay, bây giờ ăn chay!
- Trừ một phần vọng tưởng.
- Căn cơ thấp kém.
- Tưởng như bức tranh.
- Đến Niết bàn từng phần.
- Không năng sở.
- Ích lợi đã thiên thất.
- Cư sĩ thực hành đúng Thiên tông.
- Thế nào để thành một tu sĩ.
- Thần thức người chết đi về đâu?
- Làm tuần thất cho người chết.
- Câu thoại khởi lên thì hình ảnh hiện.
- Không biết nhìn sâu bằng cách nào?
- Nhìn thì công việc phải làm sao?
- Niệm câu thoại đầu.
- Thêm niệm không biết.
- Trả lời tiếp không biết.
- Tụng kinh cầu an cho hết bệnh.
- Kinh Dược Sư là phương tiện.

## **Phần 2**

- Đọc kinh để có lòng tin tự tâm.
- Không biết bỏ cái dễ lấy cái khó.
- Thiền thất Việt Nam và Trung Hoa.
- Cái khó của tông Tịnh Độ.
- Tịnh Độ ở đâu.
- Tịnh Độ chỉ đọc 3 cuốn kinh.
- Hành và nguyện.
- Niệm Phật của Đại Thế Chí.
- Niệm Phật như con nhớ mẹ.
- Nhiếp lục căn.
- Thế nào là Tam bảo?
- Trường hợp nào tâm không vọng động?

- Lúc chết, người nhà mời thầy cầu siêu.
- Tọa thiền để tâm tĩnh lặng.
- Thế nào là Tổ sư thiền.
- Làm thế nào phát nghi tình?
- Nhược dĩ sắc kiến ngã.
- Nghi tình.
- Phật không nghiệp quả.
- Nhứt thiết hiền thánh.
- Ý thức không suy nghĩ.
- Quỷ thân thuộc loài nào?
- Cái biết ở đâu?
- Tham thiền học thêm.
- Thế nào là Phật pháp?
- Khoa học tiến bộ.
- Nghi của Giáo môn?
- Giải thoát hết loài người.
- Thấy được giác tánh.
- Làm sao biết có tánh giác?
- Chân tâm là tánh giác.
- Pháp bất nhị.
- Tham thoại đầu bắt đầu từ đâu?

### **Phần 3**

- Chân tâm là vọng tâm.
- Phân biệt vô thị vô minh với tự tánh.
- Phá vô thị vô minh.
- Hạ căn sao theo được.
- Tự tâm ở đâu sanh ra.
- Con chó có Phật tánh không?
- Tuyệt bách phi.
- Thấy và nghe.
- A la hán.
- Khi ngộ rồi thì học nhân phải gì?
- Thường kiến và tin tự tâm.

- Sao nhiều Phật?
- Nhân đầu tiên.
- Vấn minh.
- Sao tu Tịnh Độ không vãng sanh?
- Cái hại chấp kinh điển.
- Tâm thức luân hồi.
- Khổ.
- Học tập Phật pháp.
- Bỏ phận truyền lại.
- Ngộ thấy gì còn sống?
- Tham thiền giúp qua cái sợ!
- Trách nhiệm là cái sợ.
- Kiếp trước và kiếp này liên quan.
- Tu thiền thì tâm phải tịnh.
- Chết gặp pháp thiền.
- Trợ niệm.

#### **Phần 4**

- Niệm Phật thấy dễ hơn tham thiền.
- Tu Tứ diệu đế.
- A la hán các lậu đã hết.
- Cách thực hành Tổ sư thiền.
- Sao gọi là từ nghi đến ngộ?
- Công việc không bị trở ngại.
- Phá vỡ nghi tình.
- Khắc phục dục tính.
- Ngồi thiền.
- Phá trừ được vô minh.
- Tu hành sai lầm.
- Rửa sạch nghiệp.
- Làm sao đến ngộ?
- Đến gần Ngài hay vào thiền viện?
- Mục đích tham thiền.
- Định tâm.

- Chỉ pháp tìm ra tánh?
- Lâm chung trả nghiệp.
- Tập trung tư tưởng.
- Cần ăn chay không?
- Giải thích thiền.
- Bị tẩu hỏa nhập ma.
- Tâm mình ở đâu?
- Nghe kinh là muốn khóc.
- Thấy linh hồn sống lại kiếp sau.
- Tu có hào quang.
- Giải nghiệp chướng người khác.
- Nghĩ và tín.
- Thần chú.
- Không chấp kinh điển.
- Hàng phục vọng tâm.

## **Phần 1**

### ***Hỏi: Thế nào là Tổ sư thiền?***

Đáp: Từ Tổ từ Tổ truyền xuống nên gọi là Tổ sư thiền, Đạt Ma từ Ấn Độ truyền sang Trung Quốc, người ta gọi là Đạt Ma thiền. Thiền này do đức Phật Thích Ca đích thân truyền, không qua văn tự lời nói, tất cả Phật nói trong kinh điển đều qua văn tự lời nói. Trong hội Linh sơn, Phật đưa cành hoa lên, Ca Diếp ngộ chỉ mỉm cười, Phật không nói gì nên pháp môn này là “giáo ngoại biệt truyền bất lập văn tự”.

Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền có 5 câu thoại đầu, tự mình chọn một câu nào thấy khó hiểu nhất để tham, cuối cùng Phật tánh hiện lên gọi là kiến tánh thành Phật. Vì trực tiếp từ địa vị phàm phu thẳng chứng quả Phật còn gọi là pháp thiền trực tiếp.

Cái biết bộ óc không cùng khắp không gian thời gian, về không gian thì biết chỗ này không biết chỗ kia, về thời gian có lúc biết có lúc không biết. Cái biết Phật tánh là chánh biến tri (chánh là đúng với thực tế, biến là phổ biến không gian và thời gian, tri là biết) cùng khắp không gian thời gian, không có lúc nào không biết, không có chỗ nào không biết.

Cái biết Phật tánh không bao giờ mất, nhưng bị cái biết bộ óc che khuất nên không hiện ra. Phật dạy mình tham thiền dẹp cái biết của bộ óc để cái biết Phật tánh hiện lên. Cái biết bộ óc về thời gian thì ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết. Cái biết Phật tánh thì ngủ mê vẫn biết, chết rồi cũng biết; nếu chết rồi không biết thì có gián

đoạn, nên không cùng khắp thời gian, không phải cái biết Phật tánh, không được gọi là chánh biến tri.

Cái biết bộ óc dụ cho tướng bệnh, cái biết Phật tánh là tướng mạnh; nếu tướng bệnh kéo dài thì tướng mạnh không thể hiện ra. Tại sao? Vì tướng bệnh là xanh vàng ốm yếu, tướng mạnh là hồng hào; bây giờ mặt mũi này xanh vàng ốm yếu, làm sao hiện ra hồng hào được? Phải hết xanh vàng ốm yếu thì hồng hào mới hiện ra. Cho nên, nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình để quét sạch cái biết của bộ óc, đặng cho cái biết Phật tánh hiện lên.

-Ông chọn câu thoại đầu nào để tham?

-Chọn câu: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng vật là cái gì?

-Bây giờ tôi thử hỏi ông có tham đúng hay không, như tôi nói muốn dẹp cái biết của bộ óc thì phải không cho bộ óc suy nghĩ, không cho bộ óc tìm hiểu, không cho bộ óc giải thích câu thoại đầu, chỉ đăm ngày giữ nghi tình (không biết), mặc áo, ăn cơm, đi cầu, làm việc... đều hỏi thăm trong bụng để khởi lên không biết.

Tôi vừa hỏi dứt thì trả lời ngay, nếu chậm một chút là bộ óc suy nghĩ có ý trả lời câu hỏi của tôi là không được, đó là hồ nghi, không phải chánh nghi. Chánh nghi cho tâm nghi chứ không cho tâm tìm hiểu, không cho bộ óc suy nghĩ.

Tôi hỏi ông hãy trả lời liền: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng vật là cái gì?

Không trả lời liền là qua bộ óc suy nghĩ rồi, muốn tìm để trả lời thì không được. Ông hỏi lại tôi đi!

Ông ấy hỏi: Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng vật là cái gì?

-Không biết.

Không biết là tham thiền, chỉ cần không biết chứ không được suy nghĩ tìm hiểu. Nếu tìm hiểu được là cái biết bộ óc, không phải cái biết Phật tánh. Cái biết Phật tánh thanh linh biết gọi là ngộ. Nghĩa chữ Phật là giác ngộ, giác ngộ là hiện Phật tánh của mình. Tham thiền là muốn hiện cái biết của Phật tánh thì phải diệt cái biết của bộ óc. Người ta nói “nếu dẹp cái biết bộ óc làm sao để làm việc?” Cũng làm việc bình thường.

Như cô Hằng Thiên là thợ may, khi tham thiền bộ óc không biết, cô cũng cắt xong cái áo vậy, cho đến người em hỏi mấy phân mấy tấc? Cô trả lời không biết. Vô lý! Không biết làm sao cắt? Nhưng sự thật người ta lại may, cô đo thước tấc ghi vào sổ, bắt đầu cắt thì khởi lên nghi tình nhưng cô vẫn cắt xong cái áo, khởi cần qua bộ óc; tức là dùng cái biết của Phật tánh để làm việc.

Chúng tỏ bộ óc không biết vẫn làm xong công việc, mà lại làm tốt hơn nữa. Như các kiểu quần áo mới phát minh, người khác cắt không được hay cắt được rất khó; còn đem lại cô khởi cần nghiên cứu, chỉ coi liền cắt vì không cần phải qua bộ óc. Chúng tỏ bản năng của mình cùng khắp không gian thời gian, cái gì cũng làm được.

Con dơi không có mắt mà bay không đụng các vật, vì nó có ra đa; nhà khoa học học cái ra đa của con dơi rồi làm ra cái ra đa. Hôm trước, tôi coi đài số 50 có nhà khoa học thử cái ra đa con dơi rất hay, dở sách nó cũng biết, đếm tiền nó cũng biết, trong nhà người ta ca hát ồn ào không bị ảnh hưởng công việc nó chụp con muỗi. Con dơi không có học và không có nghiên cứu, vì tạo nghiệp con dơi thì con nào cũng đều có ra đa.

Con ong có kiến trúc học, con chim ăn cá ở trên hư không, cá lội dưới biển có sóng lớn, mà ở trên hư không chụp ngay con cá. Con nào cũng như con nấy, không phải học mà biết, bản năng nó sẵn có. Bản năng sẵn có là chỉ theo cái nghiệp một chút xíu, ở trong Phật tánh của mình hiện ra vô lượng vô biên, không có cái nào không làm được.

Tham thiền là phát hiện bản năng của mình đem ra dùng, không phải thành một vị thần linh. Tham thiền cứ hỏi thăm câu thoại đầu trong bụng cảm thấy không biết là tham được rồi. Con nít 6, 7 tuổi cũng thực hành được, bà già 8, 9 chục tuổi đều tham thiền được. Bởi vì việc thế gian muốn biết rất khó, việc không biết ai cũng làm được. Nhưng tin tự tâm rất khó, phải tin tự tâm là tất cả năng lực thần thông trí huệ bằng như Phật Thích Ca, không có kém hơn một chút.

Nếu tham thiền đến kiến tánh, dứt hết tập khí phiền não từ từ cái dụng hiện ra, cuối cùng bằng như Phật Thích Ca. Lúc đó không có cái gì không biết, không lúc nào mà không biết, chứ không phải cái biết của bộ óc có hạn chế và không chân thật.

**Hỏi: Hỏi câu thoại đầu muốn hiểu, giải đáp ra thì như thế nào?**

Đáp: Tham thiền không dùng bộ óc tìm hiểu, cứ hỏi thăm trong bụng, có hỏi phải có đáp, hỏi không hiểu thì đáp không ra, tức lắm, hỏi nữa, khi nào thành linh đáp ra là kiến tánh. Đáp ra được không phải do bộ óc tìm hiểu mà đáp ra, đáp ra là thành linh bừng sáng khắp không gian thời gian, tức là hiện lên bản thể, không phải do lời nói mà đáp.

**Hỏi: Thiết nghĩ, con đã trôi lăn trong biển sanh tử nhiều kiếp tạo nghiệp sâu dày, nay tuy gặp chánh pháp, nếu chỉ có câu tham thoại đầu trừ vọng tưởng thì đủ giải thoát không? Lại nữa, chư Tổ dạy tụng kinh, niệm Phật, trì chú để chúng sanh bớt nghiệp chướng, tạo thêm phúc đức trợ duyên trên đường tu hành. Vậy con có nên cùng tham thiền và tụng kinh, niệm Phật, trì chú được không?**

Đáp: Nói tham thiền để trừ vọng là sai lầm, vì vọng tưởng là vô minh mới có; chứ không phải Phật tánh có vọng tưởng, Phật tánh là bất nhị, siêu việt số lượng. Bản thể Phật tánh cùng khắp không gian thời gian. Nếu nổi vọng tưởng là có số lượng, có nổi tâm trừ vọng tưởng là hai lớp vọng. Cho nên tu hành trừ vọng tưởng là sai lầm lớn. Tụng kinh là mục đích để biết ý của Phật dạy, mình theo đó để tu, chứ không phải tụng kinh để cho Phật nghe, mà nói là có công đức. Kinh là lời Phật dạy nên Phật đâu cần nghe!

Dùng niệm Phật, niệm chú để trừ vọng tưởng sẽ phát lên nguy hiểm, vọng tưởng được trừ, có sức định cao thì sẽ bị tâu hỏa nhập ma, phát điên, ói máu. Sự thật tôi gặp người tu ở Việt Nam rất nhiều trong những trường hợp này. Những người không biết ý của Phật dạy, tưởng là tu để trừ vọng tưởng, đó là sai lầm rất lớn; mà bây giờ rất phổ biến trong giới Phật tử, ấy rất nguy hiểm. Tu hành uổng công, có quả không tốt.

Phật dạy mình tin tự tâm, tất cả thần thông trí huệ bằng như Phật, không kém hơn Phật một chút nào. Tham thiền là phát hiện cái mình sẵn có cùng khắp không gian thời gian, không có cái nào mà làm không được. Con ơi có ra đa là bản năng đầu thai thành con ơi phải có ra đa, con ong có kiến trúc, nhà kiến trúc học kiến trúc của con ong. Kiến trúc của con ong không phải do học mà có, nó theo nghiệp mà có.

Tham thiền không phải để tiêu nghiệp, nghiệp vốn không có, vì tâm mình tạo mới có. Ngưng tâm không tạo nữa thì nghiệp ở đâu? Khỏi cần tiêu mà nó tự tiêu. Tâm tạo rồi tiêu, tiêu rồi tạo nữa, khi nào mới tiêu hết! Tu hành không phải để tiêu nghiệp, nghiệp khỏi cần tiêu, vọng tưởng khỏi cần trừ. Tự tánh mình là bất nhị, không có vọng tưởng,

không có nghiệp chướng. Thiên Tông nói “nghiệp chướng bồn lai không” (nghiệp chướng vốn là không). Kệ truyền pháp của 7 Phật trước Phật Thích Ca nói “không có nghiệp chướng”.

Trong Thiên Tông có công án:

Tăng hỏi Tổ kiến tánh: muốn trừ nghiệp chướng phải làm sao?

Tổ nói: nghiệp chướng bồn lai không.

Tăng hỏi: thế nào là bồn lai không?

Tổ nói: nghiệp chướng.

Tăng hỏi: thế nào là nghiệp chướng?

Tổ nói: bồn lai không.

Nếu thật có nghiệp chướng, mình từ vô thủy đến bây giờ đã tạo biết bao nhiêu nghiệp chướng, làm sao trừ cho hết! Nhưng khỏi cần trừ, ngộ là xong. Nghiệp chướng ở trong chiêm bao, thức tỉnh chiêm bao thì nghiệp chướng đi đâu tìm! Người ta thật sự không tu hành nên không hiểu được nghĩa này; tự mình không biết rồi lấy cái sai lầm dạy người khác, thành ra vĩnh viễn ở trong biển khổ không ra được. Vì vọng tưởng làm sao trừ, nghiệp chướng làm sao tiêu?

Tham thiền là phát hiện nghiệp chướng, vọng tưởng vốn không có. Không tạo nghiệp chướng, vọng tưởng thì không có nghiệp chướng, vọng tưởng. Do mình tạo nghiệp chướng, vọng tưởng nên mới có cái để trừ. Không có vọng tưởng để trừ và không có nghiệp chướng để tiêu. Cho nên chư Tổ nói “không cần phí sức”. Nếu đạt đến chỗ ít phí sức là được, có còn trừ vọng tưởng và tiêu nghiệp chướng là sai lầm lớn.

Tham câu thoại đầu mặc dù không tiêu nghiệp chướng và không trừ vọng tưởng, nhưng tự nhiên automatic trừ vọng tưởng và tiêu nghiệp chướng. Tại sao? Vì nghiệp chướng và vọng tưởng đều do bộ óc biết mới có, giữ không biết của bộ óc thì tự tiêu. Những người tụng kinh, niệm Phật cứ suy nghĩ hoài, tạo hoài, làm sao tiêu trừ được! Giữ được nghi tĩnh là không tạo nữa, khi nào ngộ thì vọng tưởng nghiệp chướng hết.

Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô vô minh diệt vô minh tận” (không có vô minh cũng không có hết vô minh), không có vô minh làm sao có vọng tưởng? Có vô minh nên có vọng tưởng, có vô minh nên có nghiệp chướng. Không có hết vô minh, nếu có vô minh mới có hết vô minh; tức là không có hết vọng tưởng nghiệp chướng, vì vọng tưởng nghiệp chướng vốn không có. “Vô lão tử diệt vô lão tử tận” (không có già chết cũng không có hết già chết), sanh tử là chúng sanh, hết sanh tử là Phật.

Kinh nói rõ ràng không chịu tin, cứ tạo nghịch lại cho là đúng! Mình đã sai, mà lại trách người đúng. Tại sao Giáo môn tụng kinh rồi tụng Bát Nhã? Vì sợ người ta tụng kinh xong chấp kinh đó. Cho nên sau cùng một thời kinh, tụng Bát Nhã để quét sạch vừa rồi tụng. Nhưng người tụng chỉ biết nhắm mắt tụng, chứ không biết kinh nói gì; cho là tụng kinh để tiêu nghiệp chướng. Tại sao tụng kinh rồi không y theo mà làm, lại nghịch với kinh? Nghịch với kinh đã có tội, lại trách người đúng. Người ta y theo kinh cho là sai, nghịch với kinh cho là đúng. Rất điên đảo!

**Hỏi: Người chứng ngộ thì trí tuệ đến trước hay niềm tin đến trước?**

Đáp: Không có thể nói là trí huệ hay không trí huệ, dùng bộ óc phân biệt thì có ngu si và trí huệ để đối đãi; bản thể Phật tánh không có đối đãi, nên không phải ngu si và trí huệ;



toàn thể hiện ra không có trước sau, nếu có trước sau là có đối đãi còn trong số lượng thời gian.

**Hỏi: Khi mình đọc thoại đầu, bỗng nhiên không còn nghi tình, mà nó giống như qua đi qua đi và trở thành trạng thái niệm thoại đầu. Như trong trường hợp đó phải như thế nào?**

Đáp: Niệm thoại đầu chỉ có thể trừ vọng tưởng, không đạt đến kiến tánh. Tham thiền không phải trừ vọng tưởng, vọng tưởng khỏi cần trừ. Niệm thoại đầu để trừ vọng tưởng là sai lầm. Nếu không phát khởi nghi tình, nhưng cũng phải hỏi hoài thì sẽ phát khởi nghi tình. Bởi vì câu thoại đầu là có dấu hỏi. Như câu “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Có trời có đất thì mình ngồi đây, chưa có trời đất mình ở đâu không biết, cái không biết là nghi tình tức tham thiền rồi, rất giản dị chỉ cần không biết, việc thế gian muốn biết rất khó, không biết thì dễ. Cho nên con nít 6, 7 tuổi cũng biết tham thiền.

Hỏi câu thoại chứ không phải niệm câu thoại, hỏi đến khi nào thành linh đáp ra được, gọi là kiến tánh (chứng ngộ). Nhưng khi đáp ra không phải có gì đáp ra, tức là bùng nổ phát hiện bản thể mình cùng khắp không gian thời gian, không có chỗ nào không biết, không có lúc nào không biết. Bộ óc ngu mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết; cái biết Phật tánh gọi là chánh biến tri thì ngu mê vẫn biết, chết rồi vẫn biết, chết giấc vẫn biết. Nếu chết rồi không biết thì không phải cái biết của Phật tánh.

Cái biết Phật tánh khắp không gian thời gian, khắp không gian không có chỗ nào không biết. Nếu có một chỗ không biết, không phải cái biết của Phật tánh. Tham thiền là phát hiện cái biết Phật tánh thì phải dẹp cái biết của bộ óc. Vì cái biết Phật tánh bị cái biết bộ óc che khuất nên không hiện lên được. Kinh Viên Giác thí dụ “vàng thật đã thành sẵn trong quặng, nhưng lộn với đất cát tạp chất, nên vàng thật không hiện ra; vì vậy phải luyện bỏ đất cát tạp chất, vàng thật mới hiện ra”. Nếu trong quặng không có vàng thật, luyện cách mấy cũng không có vàng thật hiện ra. Phật tánh của mình lộn với tham sân si, nên Phật tánh không hiện lên. Tham sân si là cái biết của bộ óc, dẹp hết tham sân si thì Phật tánh hiện lên.

**Hỏi: Tham thoại đầu thường hay tìm ra giải pháp để trả lời câu thoại, làm sao để tránh trường hợp đó xảy ra?**

Đáp: Phải thông thiết việc sanh tử, giải quyết việc sanh tử là cần nhất. Cái năng biết của bộ óc sau khi chết đem thiêu thành tro, đi chôn thành đất. Như vậy còn biết để làm chi? Biết bao nhiêu cũng hết. Cái biết Phật tánh không thể biến thành tro thành đất, vĩnh viễn như vậy gọi là như như bất động, luôn luôn cùng khắp không gian thời gian, không có biến đổi, không có tiêu diệt.

**Hỏi: Bảo rằng tìm Phật tánh thì không học, mà không học là mù; vậy liệu rằng trong trạng thái ngu dốt đó, có cơ hội học hỏi Phật pháp không hay chỉ để gặp pháp thiền này rồi tu?**

Đáp: “Không học là ngu”, cái ngu đó là do người ấy tạo. Phật tánh không có ngu dốt và trí huệ để đối đãi, vì cái gì cũng sẵn sàng. Như kinh Pháp Hoa nói “có hạt châu như ý mà không biết, tự cho mình nghèo khổ rồi đi ăn xin”. Chỉ cần gặp người trí chỉ cho biết thì không còn đi ăn xin nữa. Mình đã có đầy đủ sẵn có thần thông trí huệ thì đâu cần học! Như con dơi không cần học, mà lại có ra đa. Con chim từ trên hư không bắt cá ở dưới biển, có bản năng đó, đâu phải do học!

Nếu trừ hết tập khí phiền não của mình thì có bản năng vô lượng vô biên, không có cái nào không biết, không có cái nào mà không làm được. Còn cái học thì có cái học được, có cái học không được. Bởi vì không phải cái của mình sẵn có, nếu phát hiện cái của mình sẵn có thì không cần học. Sự thật tôi chứng tỏ cô thợ may Trì Hằng Thiên, bây giờ người ta phát minh kiểu mới, cô đâu cần học, kiểu mới đem lại cô cắt liền mà không cần nghiên cứu; đem đến người khác không cắt được, chứng tỏ là hơn học rồi.

**Hỏi: Con chim nhỏ đang đậu trên tảng đá, có con chim lớn đến đuổi con chim nhỏ để đậu, rồi một làn sóng phủ lên tảng đá làm cho chim lớn sợ bay đi. Lực lớn trùm lên lực nhỏ, hiện tượng đó có mang ý nghĩa nào không?**

Đáp: Tất cả hiện tượng thế giới đều do cái ngã tạo ra, bởi vì có ngã mới đuổi con chim kia. Nhưng con chim không có nhân chiếm được tảng đá thì không thể chiếm được tảng đá, nếu con chim lớn tạo nhân chết trên tảng đá, sóng biển có thể làm nó chết trên tảng đá.

Không có ngã làm sao tạo ra nhân quả? Có nhân quả là do cái ngã tạo ra, hiện tượng thế giới không có ngoài luật nhân quả. Gần đây bị bão làm chết bao nhiêu người là do cộng nghiệp.

Trong hoàng cung, Thái hậu mất một hạt châu rất quý, nhà vua bắt những người trong cung xét để tìm hạt châu.

Thái hậu nói: khỏi cần, ít bữa sẽ trở về.

Vua nói: sao Thái hậu biết?

Thái hậu (có tu, lại biết mấy chục kiếp trước) nói: tôi từ mấy chục kiếp trước đến nay không có ăn cắp đồ của người ta, nên đồ của tôi không thể mất, ít bữa sẽ trở về.

Ít bữa sau, Tôn giả A Nan lượm được đem lại trả cho vua, vua đưa cho Thái hậu.

Thái hậu nói: phải không!

Vua cười và nói: Do Tôn giả A Nan lượm được mới đem lại trả, nếu người khác lượm thì đâu có đem lại trả, mà nói trở về.

Thái hậu nói: nếu không tin thì muốn bỏ chỗ nào cũng được, rồi sẽ trở về.

Vua bỏ hạt châu nơi ngã tư người ta thường đi qua lại, cho người mặc đồ thường thay phiên giữ coi có ai lượm không; qua ba bốn ngày không có ai lượm, vua lấy về tự tay bỏ xuống biển để coi có trở về được không? Mấy bữa sau nhà bếp hoàng cung làm một con cá có hạt châu trong bụng. Chứng tỏ nhân quả không thể sai lầm, vì không tạo nhân mất đồ thì không mất đồ.

Có một vị chứng quả Bích chi phật ở trên núi phơi chiếc y đỏ, dưới núi có người mất con bò, thấy trên núi có người đốt lửa hơ chiếc y màu đỏ cho là da bò; rồi lên bắt ông ấy ở tù 12 năm, các đệ tử của ông tưởng ông mất tích. Qua 12 năm, có một đệ tử có dịp vô trong khám gặp thầy.

Đệ tử hỏi: sao Thầy không nói là không ăn cắp bò, mà phải bị tù 12 năm?

Thầy nói: không có bị oan.

Đệ tử hỏi: vậy ăn cắp bò của người ta sao?

Thầy nói: không có ăn cắp bò, vì kiếp trước tôi có làm oan người ta, làm cho người bị tù 12 năm. Bây giờ tôi phải ở tù 12 năm trả lại.

**Hỏi: Muốn báo ân cha mẹ, trong Phật pháp chúng con phải làm thế nào?**

Đáp: Trong Phật pháp có nói “nhứt thiết duy tâm tạo”, tâm lực mình mạnh có ảnh hưởng đến cha mẹ được sửa đổi tâm, mới là báo ân. Nếu tâm tham thiền, không những báo ân cha mẹ đời nay, mà báo ân cha mẹ nhiều kiếp trước. Tâm lực của mình yếu thì không thể báo ân, tụng kinh để báo ân thấy rất khó, ở thời Phật không có tụng kinh. Ngày xưa Phật bảo Mục Kiền Liên muốn báo ân mẹ, nên thiết trai cúng dường trai tăng 1.000 vị Tỳ kheo cúng quả A la hán. Việc ấy, Phật muốn người ta cúng dường chư Tăng để có thì giờ tu hành độ chúng sanh giải thoát khổ, nên sức đó mới lớn.

Trong nhà Phật có báo tứ ân: ân Phật, ân chúng sanh, ân sư trưởng, ân cha mẹ. Tại sao chúng sanh là ân? Vì tất cả chúng sanh đều là cha mẹ, vô lượng kiếp chúng sanh đều làm cha mẹ mình; chứ không phải chỉ có cha mẹ kiếp này. Sư trưởng dạy mình biết tu giải thoát. Phật cũng vậy, dạy cho mình biết tu giải thoát, cho nên gọi là tứ ân. Quyết tâm tham thiền thì tứ ân đều báo hết, nếu tụng kinh để báo ân là do người tụng kinh ấy có thật chân tu cảm ứng tâm người đó có thể sửa đổi.

**Hỏi: Trước nhà cô bạn có một cây lớn, con quỉ ở trên cây đó; ông chồng cura cây làm cho con quỉ về báo không có chỗ ở, làm cho vợ chồng cãi nhau ly dị; người chồng phải đến chỗ khác ở, chỉ có người vợ mới ở được. Một hôm cô ấy thấy một tay có lông thò vào cửa sổ. Vậy hiện tượng đó như thế nào?**

Đáp: Hiện tượng đó có thể có thật, trong Hư Vân Niên Phổ nói cây lâu năm có quỉ thần ở. Nhưng cũng ở trong nhân quả, chứ không ở ngoài nhân quả. Nếu tham thiền thì giải quyết tất cả vấn đề, không có vấn đề nào mà không giải quyết. Vì tất cả đều do tâm tạo, tham thiền làm tâm lực mạnh, việc sanh tử cũng sửa đổi được.

Như Kim Bích Phong đáng lẽ phải chết, Diêm La vương sai quỷ sứ lại bắt.

Bích Phong nói với quỷ sứ rằng: cho tôi thêm 7 ngày nữa.

Quỷ sứ nói: tôi không dám quyết định, tôi về báo lại, nếu cho thì 7 ngày tôi đến.

Bích Phong lúc trước vì bận việc chùa nên không tu được, trong 7 ngày Ngài vẫn ở chùa ra sức tinh tấn tham thiền có hào quang rực sáng.

Qua 7 ngày, quỷ sứ đến không thấy Bích Phong, thành ra sự chết có thể thay đổi được.

Hào quang cũng có người thấy được, ở Trung Hoa Dân Quốc, đời Duyên Thế Khải có một bộ trưởng ngoại giao Ngũ Đình Phương thấy hào quang của mọi người, ông thấy các hào quang của những người trong nội các rất yếu, biết nội các này không bao lâu sẽ sụp. Đúng như vậy, nội các này không bao lâu bị người ta lật đổ.

Ở chùa Nam Hoa có một cư sĩ thấy được hào quang của ngài Hư Vân. Mỗi lần ngài đi về chùa chưa vô cửa ngõ còn cách vách tường, nhưng ông ấy nói “Hòa thượng về rồi”. Một lần, ông thấy đội binh sắp ra trận có hào quang đen giống như quỉ, một tiếng sau đội quân này tử trận hết. Ông ấy gặp người ta đều biết người nào có tu hay không tu, hào quang có tu là hào quang trắng. Cho nên, tham thiền thì tất cả đều giải quyết, nhưng mình phải có lòng tin tự tâm.

**Hỏi: Có cách nào để dứt trừ tập khí?**

Đáp: Nghi tình là cây chổi automatic, không có tác ý quét nhưng tự động quét.

**Hỏi: Tại sao tham thiền thay đổi nhân quả?**

Đáp: Tất cả do tâm tạo, tâm tạo ra nhân phải chịu quả; nhưng tâm lực yếu thì nhân yếu, tâm lực mạnh thì nhân mạnh; nhân mạnh quả đến trước, nhân yếu quả đến sau. Ở Việt Nam, người ta đi vượt biển, người ở trên biển bị chết đói rất nhiều, đó là những người có tiền. Có tiền đâu có sợ chết đói! Nhưng họ tạo nghiệp chết đói nên phải bị chết đói. Kiếp này họ có tiền do có tạo nhân thiện, còn họ bị chết đói là do tạo người ta chết đói nên phải bị chết đói, hai việc này không thể trừ với nhau.

Kiếp trước không tu thì tâm lực yếu, ví dụ người thường 1 độ, thành Phật 1 triệu độ. Nhân 1 độ làm cho người ta chết đói, kiếp này không tu thì tâm lực vẫn 1 độ phải chịu quả chết đói. Nhưng biết tham thiền thì tâm lực từ 1 độ lên đến 10 độ được mạnh tuy nhân mới làm, cái quả sẽ đến trước; nhân 1 độ của kiếp trước sẽ kéo lại sau. Như người thiếu nợ phải trả nợ cho chủ nợ có thể lực mạnh, trả nợ sau cho chủ nợ có thể lực yếu. Nhân quả cũng vậy, nhân mạnh thì quả đến trước, nhân yếu nên quả đến sau.

Như bây giờ tâm lực mình mạnh mặc dù mới tạo, nhưng cái quả đến trước. Kiếp trước làm cho người ta chết đói, nhưng cái nhân yếu nên cái quả đến sau. Giả tỷ mình tham đến 10 độ, rồi ngưng tham thì cái quả của nhân 10 độ hết tới 9 độ, 9 độ hết đến 8 độ... đến 1 độ cũng phải chịu quả chết đói.

Tham thiền từ 10 độ tiếp tục tham đến 1 triệu độ là thành Phật, nhưng nhân chết đói vẫn còn, nên phải trở lại độ người đó. Người đó được thoát khổ, nhân đó được tiêu. Sửa đổi nhân quả là vậy, không phải khi không mà được.

### **Hỏi: Thế nào là đọc tụng thọ trì kinh?**

Đáp: Đọc tụng kinh là để hiểu lời Phật dạy, nên đọc tụng phải hiểu nghĩa; nếu đọc tụng không hiểu nghĩa giống như không có đọc tụng, hiểu nghĩa là hiểu ý Phật dạy mình thực hành. Hiểu được rồi mới lãnh thọ thực hành gọi là trì. Sau cùng của mỗi cuốn kinh đều có “thọ trì phụng hành”. Bây giờ người ta thường hiểu lầm tụng kinh cho là trì kinh, đó là sai lầm; tụng chỉ là đọc tụng chứ không phải trì, thực hành mới gọi là trì. Như trì giới là theo giới luật thực hành gọi là trì giới, nếu chỉ tụng giới thì không phải trì giới. Tụng giới cho là trì giới thì người ta phạm giới đâu có sao! Vì tụng là trì rồi.

Giáo môn ngày xưa tụng kinh là tùy duyên quán tưởng, tụng đến chỗ nào thì hiểu ý của Phật dạy mình cách tu như thế nào, rồi theo đó thực hành, nên gọi là tùy duyên khởi quán. Quán tưởng là pháp thiền của Giáo môn, dù qua văn tự trong kinh cũng là pháp thiền do Phật Thích Ca dạy gọi là thiền quán tưởng.

Ở Trung Quốc, thiền Giáo môn có 4 tông phái:

1-Tông Thiên Thai có chỉ quán thiền, căn cứ kinh Pháp Hoa gọi là tông Pháp Hoa, Tổ thứ 3 của tông Thiên Thai ở núi Thiên Thai nên gọi là tông Thiên thai. Bây giờ Việt Nam cũng có tông Thiên thai.

2- Tông Hiền thủ có Pháp giới quán thiền.

3- Tông Duy thức có Duy thức quán thiền.

4- Tông Tam luận có Tánh không quán thiền.

Mỗi tông phái đều có thiền riêng của tông phái đó, nếu muốn tu tông phái nào phải đúng tông chỉ của tông phái đó, sẽ có kết quả mới phát hiện công đức của tự tánh.

Tổ Đạt Ma nói “công đức ở nơi tự tánh”, tụng kinh để hiểu nghĩa tu hành phát hiện công đức của tự tánh sẵn có, chứ không phải tụng kinh có công đức.

Trì chú thuộc về Mật Tông . Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô ngũ uẩn”, nhưng người ta vì cuộc sống hằng ngày chấp ngũ uẩn là ta, chứ không phá chấp ngũ uẩn. “Vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý” là phá chấp lục căn; nhưng người tụng kinh không phá chấp lục căn, mà còn muốn thỏa mãn lục căn để tăng cường ngã chấp. Như mắt thích sắc đẹp, tai ưa khen ngợi, mũi ham ngửi mùi thơm...

Như vậy nói tụng kinh có công đức làm sao được! Phải thực hành theo kinh được phát hiện công đức, chứ không phải có công đức ngay đó. Lại nghịch với kinh làm sao có công đức?

**Hỏi: Niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng tội lỗi đã làm từ trước hay không?**

Đáp: Theo kinh bất liễu nghĩa cho là có nghiệp chướng thật đi! Nhưng cũng phải tu đúng theo tông chỉ Tịnh Độ, rồi phát hiện công đức của tự tánh được tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu niệm Phật mà tiêu trừ nghiệp chướng là phá hoại nhân quả (không có nhân quả), tức là mình làm bao nhiêu ác không sao. Tại sao? Vì niệm một tiếng Phật là tiêu trừ hết. Còn nói niệm một tiếng Phật là tiêu trừ 80 kiếp tội ác, vậy làm ác không có sao, thì không có nhân quả và mình cũng không cần tu hành.

Tự tánh vốn không có nghiệp chướng để tiêu trừ. Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô vô minh diệt vô vô minh tận”, tất cả phiền não nghiệp chướng đều từ vô minh tạo ra. Vô minh vốn không có, nếu tiêu trừ nghiệp chướng tức là vô minh hết. Vô minh vốn không có làm sao có vô minh hết! Kinh đã nói rõ ràng không có nghiệp chướng để cho mình trừ. Vô minh còn không có, vậy nghiệp chướng từ đâu ra? Phật đã dạy 84.000 pháp môn tu là để phát hiện công đức của tự tánh thì nghiệp chướng vọng tưởng vốn là không có, đâu cần tiêu trừ.

Ngài Nguyệt Khê lúc 22 tuổi thuyết pháp rằng “trừ một phần vọng tưởng, chứng một phần pháp thân”, bị Tăng nghe pháp chê cười.

Giảng xong, Ngài hỏi Tăng cười vừa rồi: Thầy thấy chỗ nào tôi giảng không đúng?

Tăng nói: Pháp sư giảng “trừ một phần vọng tưởng, chứng một phần pháp thân” là không đúng. Tại sao? Nếu vọng tưởng từ ngoài đến đâu có dính dáng với mình, vậy trừ làm chi! Nếu vọng tưởng từ bên trong ra giống như nguồn suối cứ ra hoài, biết bao giờ trừ cho hết.

**Hỏi: Thiền Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Hoa đã bị nhuộm màu sắc của đạo Lão Trang. Kính xin Thầy cho biết quan điểm về vấn đề này?**

Đáp: Lão Trang phủ nhận hiện thực (cho là không có thật), giống như Phật pháp nhưng chỉ là giống mà thôi, phải thì không phải. Phật pháp lấy Phật tánh làm chủ, Phật tánh siêu việt số lượng, bộ óc không có thể biết tới cái biết của Phật tánh, cho nên suy nghĩ không đến được và lời nói văn tự cũng không thể diễn tả. Những người dùng bộ óc để tìm hiểu vì không biết căn bản của Phật pháp. Cái hiểu được đều là tương đối, thuộc về phạm vi nhứt niệm vô minh. Vậy Lão Trang lọt vào không chấp.

Phật pháp là vô sở trụ, luôn cái không cũng phải quét; nhưng tác giả không hiểu căn bản Phật pháp rồi đem vũ trụ vạn vật phân tích cái gì cũng thành không.

Như con sâu dếp cỏ rất nhỏ chỉ là đơn tế bào, nó cách một ngày một đêm thì nứt thành 2 con, 2 con cách một ngày một đêm nứt ra thành 4 con, như vậy cứ nứt ra hoài tới 90 đời, tất cả con sâu bằng 1 thước khối, đến 130 đời thì thể tích bằng 1 quả đất.

Theo quả đất này đem xẻ 2, rồi đem xẻ 2 nữa, cứ xẻ đến 130 lần thì trở thành một con sâu dếp cỏ. Đem con sâu dếp cỏ xẻ thêm 130 lần, vật chất đã không còn; nhưng con số vẫn còn, số lượng đó là vô thị vô minh. Đó là vật chất chiếm không gian.

Nói về gian, một ngày đêm là 24 tiếng đồng hồ, 1 tiếng đồng hồ chia làm 60 phút, 1 phút chia làm 60 giây, 1 giây nhà Phật chia 60 sát na. Tôi chia 1 sát na bằng 60 A, 1 A chia bằng 60 B, 1 B chia bằng 60 C. Nếu chia 60 C thì thời gian mà bộ óc không nhận biết được, nhưng con số vẫn còn; 1 giây thì bộ óc còn có khái niệm tưởng tượng. Thời gian mà bộ óc không nhận biết được là vô thị vô minh, còn có số lượng. Nhưng bộ óc chỉ nhận biết số lượng không gian và số lượng của thời gian. Sự thật không gian thời gian tìm không ra. Học thuyết của Lão Trang cao nhất là đến vô thị vô minh, cũng không ngoài phạm vi tác dụng của bộ óc.

Phật tánh không có con số, nên bộ óc không thể nhận biết. Phật tánh biết được tác dụng của bộ óc, tác dụng bộ óc không biết tác dụng Phật tánh. Những học giả chỉ biết bộ óc, không biết Phật tánh, mà cho Phật tánh là bộ óc, thật điên đảo! Tại sao? Vì những người đó không có tu, chỉ là dùng bộ óc nghiên cứu theo danh từ lời nói của Phật cho là cao nhất, nói thì giống, nhưng thật thì chẳng phải.

Như ban đầu Phật Thích Ca thuyết phục Ấn Độ giáo và Ba la môn giáo quy y Phật, sau này họ đem giáo lý của Phật vào giáo lý Bà la môn; những danh từ giống như danh từ của Phật, người ta cho là cao bằng như Phật. Kỳ thật giáo lý của họ không được, tại sao? Vì Phật thuyết chỉ là tạm thời mượn để làm công cụ phá chấp của chúng sanh.

Phật có thí dụ: chúng sanh có bệnh giả thì dùng thuốc giả để trị bệnh giả, bệnh giả hết thì thuốc giả bỏ. Các vị ấy không biết Phật pháp lấy cái đã bỏ cho là quý coi là chân lý. Những lời của Lão Trang thì bộ óc hiểu được, bộ óc không thể hiểu Phật tánh. Đem Phật tánh vào học thuyết của Lão Trang là sai lầm lớn.

**Hỏi: Con chim có bản năng bắt cá rất giỏi, con dơi có ra đa bắt muỗi rất chính xác; còn con người có Phật tánh nhưng cần phải luyện tập thì Phật tánh mới phát hiện. Tại sao con dơi không có luyện tập mà có ra đa?**

Đáp: Mình tạo nghiệp con dơi thì đầu thai thành con dơi có ra đa, bất cứ con dơi nào cũng bằng nhau; tức là theo cái nghiệp hiện ra, chứ không phải luyện tập. Nghiệp của con người có bộ óc, bộ óc khác hơn các sinh vật khác, biết suy nghĩ, biết so đo tính toán; các con vật không bằng bộ óc con người, nên nhà khoa học bắt chước bộ óc con người làm ra máy điện toán. Cấu tạo tinh vi bộ óc của con người không phải học mà làm được. Vì có nghiệp con người nên có bộ óc của con người. Cấu tạo tinh vi của bộ óc do cha mẹ sanh là sẵn có, như con dơi sanh ra có ra đa.

Nhưng cái nghiệp của con người có thể tu hành phát hiện tất cả bản năng, con dơi con chim không thể tu phát hiện tất cả bản năng, nó chỉ theo nghiệp của bản năng đó thôi. Con người hơn 5 đạo kia, đạo cõi trời mặc dù có phước cao hơn con người, nhưng chỉ hưởng vui không có khổ, vì vậy họ không chịu tu để hiện tất cả bản năng của Phật tánh. Mấy đạo kia thì khổ cũng không tu được. Các con thú không có bộ óc như con người nên không tu được. Chỉ có con người có bộ óc con người mới tu được.

Tham thiền cũng dùng cái không biết của bộ óc để tu, tôi thuyết pháp cho các vị nghe để tu cũng phải dùng bộ óc. Nếu không có bộ óc thì tôi không dạy cho quý vị được, quý vị không thể nhận biết lời tôi dạy.

**Hỏi: Sư Phụ nói con vật không thể tu, nhưng con thấy con chó lúc trước không ăn chay được, mà bây giờ nó lại ăn chay?**

Đáp: Do mình tập cho nó thành thói quen, thực vật cũng thành thói quen mà nhà khoa học chứng tỏ. Thói quen của con người cho sáng là ban ngày, tối là ban đêm; cây thực vật cũng vậy, cho sáng là ban ngày, tối là ban đêm. Nhà khoa học muốn thí nghiệm thực vật phải làm sao? Ví như cây thực vật phải trải qua 30 ngày có hoa kết trái. Nhà khoa học đào hầm ở dưới đất không có ánh sáng, rồi nửa tiếng rọi ánh sáng thì thực vật cho ánh sáng đó là ban ngày, khi tắt đèn thì thực vật cho tối là ban đêm. Qua 30 tiếng đồng hồ, thực vật tưởng là trải qua 30 ngày nên có hoa kết trái.

Vì do thói quen, Phật pháp gọi là tập khí. Do tập khí biến hiện sự thật, nhà khoa học có thể rút 30 ngày thành 30 tiếng, thực vật cũng có trái. Có trái đó là do thói quen sáng là ban ngày, tối là ban đêm. Động vật cũng vậy, như con thỏ con chuột... phải 90 ngày có con, nhà khoa học cũng có thể rút lại 90 tiếng đồng hồ có con.

**Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị thêm “trừ một phần vọng tưởng, chứng một phần pháp thân”?**

Đáp: Lúc 22 tuổi, Nguyệt Khê nói “trừ một phần vọng tưởng, chứng một phần pháp thân”. Vậy pháp thân có chia xẻ từng phần thì đâu phải là Pháp thân! Pháp thân là Phật tánh bất nhị làm sao chia xẻ? Nguyệt Khê giảng có danh tiếng, nhưng bị Tăng hỏi không trả lời được, rồi xin Tăng ấy chỉ giáo, Tăng ấy giới thiệu đến gặp Hòa thượng Thiết Nghiêm đã kiến tánh ở núi Ngưu Đầu. Lúc đó trời tối, Nguyệt Khê không đợi trời sáng liền đi gặp Thiết Nghiêm, Ngài dạy tham thoại đầu, sau này được kiến tánh. Lúc trước, cứ ăn đàm giải của người khác cho là tốt, rồi dạy lại người ta.

**Hỏi: Căn cơ của mình thấp kém, không bằng chư Tổ; vậy đối với pháp môn tham thiền này làm sao tu?**

Đáp: Phật tánh làm sao có cao thấp! Phật tánh có thấp kém thì không phải Phật tánh. Có cao thấp là nhị, Phật tánh là bất nhị. Bất nhị làm sao có thấp kém? Thấp kém là do bệnh chấp của con người mới có. Nếu mình chấp thấp kém thì phải chịu thấp kém. Kinh Pháp Hoa thí dụ “có hạt châu như ý trong áo mà không biết, cho mình nghèo rồi đi ăn xin; người trí chỉ cho biết hạt châu thì giàu sang, đâu cần phải đi ăn xin nữa”. Vì không tin cái của mình sẵn có, cứ cho mình thấp kém, nghiệp chướng nặng. Cũng có người nghe nói “tu để thành Phật”, người ấy liền nói “sao dám nói tu thành Phật!”

Kỳ thật, mục đích đức Phật muốn mọi chúng sanh đều thành Phật, vì thành Phật mới được làm chủ chính mình, đạt đến tự do tự tại. Lại nghịch ý Phật, không cho người ta thành Phật; làm sao Phật độ chúng sanh? Mà cho mình nghiệp chướng nặng, thấp kém, không dám tu để thành Phật. Vậy đã phủ nhận Phật pháp của Phật Thích Ca. Lời nói trong kinh không chịu nghe theo, không chịu làm theo, cứ tự mình đặt ra ý của mình, lại phỉ báng kinh. Mặc dù mình chưa kiến tánh, nếu mình quyết tâm tham thiền thì tâm lực mạnh, hào quang sáng.

**Hỏi: Thay vì nhớ những lời, mà tưởng tượng như một bức tranh, đối với pháp Tổ Sư Thiền có được không?**

Đáp: Công án là một chuyện tích không có ý nghĩa, để cho mình phát nghi chấm dứt suy nghĩ của bộ óc; tức là không phải muốn cho mình hiểu, mà muốn cho mình không hiểu.

Có người hỏi Tổ: thế nào là Phật?

Tổ đáp: cục cứt khô.

Là không để cho mình giải thích.

**Hỏi: Tu đến Niết bàn từng phần có được không?**

Đáp: Niết bàn là bản thể của Phật tánh cùng khắp không gian thời gian, không thể chia xẻ thành từng bộ phận được. Vì ngoài không gian không có không gian, ngoài thời gian không có thời gian; nói là một còn không được, nên gọi là bất nhị; vì không sanh không diệt, đặt tên là Niết bàn; không có sự bắt đầu và không có sự cuối cùng, siêu việt số lượng, không cho bộ óc nghĩ tới.

**Hỏi: Công án đề ra là để giữ cân bằng giữa năng và sở, vậy làm sao đạt đến không còn năng sở?**

Đáp: Công án là một chuyện tích để khởi nghi tình, chính nghi tình là không có năng sở. Nếu dùng bộ óc tìm hiểu, không bao giờ đạt đến chỗ đó được. Giữ Nghi tình là không tác ý lấy hay bỏ, sẽ đưa mình đến chỗ Niết bàn.

Thực hành tham thiền là tối ngày sáng đêm, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, đi cầu ngủ nghỉ, làm công việc... hỏi thăm câu thoại đầu, giữ nghi tình; ngoài nghi tình không suy nghĩ cái gì khác nữa, chính câu thoại đầu cũng không cho tìm hiểu.

**Hỏi: Thế nào là yếu chỉ của Thiền Tông và sự ích lợi dự đã thiền thất như ngày hôm nay?**

Đáp: Yếu chỉ của Thiền Tông có 2 cơ bản: tin tự tâm và phát nghi tình.

Thế nào là tin tự tâm? Tin tâm mình đầy đủ tất cả thần thông biến hóa, trí huệ năng lực, bằng Phật Thích Ca, không có kém hơn Phật Thích Ca một chút nào. Mục đích tham thiền là muốn phát hiện năng lực của mình, để dùng như Phật Thích Ca vậy; mà tự giải quyết sự sanh tử, giải thoát tất cả khổ, làm chủ cho mình đạt đến tự do tự tại.

Muốn đạt đến tự do tự tại phải có phương pháp, phương pháp đó là phát nghi tình thì phải nhờ câu thoại đầu hoặc công án. Bây giờ tôi chỉ dạy người ta tham thoại đầu, rất đơn giản. Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền có 5 câu thoại đầu: Câu thứ nhất là “chưa có trời đất ta là cái gì?” Có trời đất thì ngồi đây, chưa có trời đất không biết mình ở đâu? Cũng không biết mình là cái gì? Không biết đó là tham thiền. Nhờ câu thoại đầu làm cho bộ óc cảm thấy không biết, không biết đó Thiền Tông gọi là nghi tình. Ngày đêm mình giữ nghi tình, rồi sẽ đến thoại đầu.

Thoại là một lời nói, đầu là trước tiên chưa có muốn nói; chưa khởi niệm muốn nói, gọi là thoại đầu. Hai chữ thoại đầu là một niệm chưa sanh khởi, cũng gọi là vô thi vô minh.

Như đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vi (đuôi). Nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, từ thoại vi đến thoại đầu là đường đi ý thức; khởi nghi tình là rời khỏi thoại vi, đang đi giữa đường ý thức đến thoại đầu. Đến thoại đầu là đường đi ý thức đã hết, nhưng chỗ này là nguồn gốc của ý thức, còn dính líu tác dụng của bộ não; phía trước chỗ này không còn đường đi, thấy thanh thanh tịnh tịnh; ngoại đạo hay Tiểu thừa tưởng là cuối cùng, nhưng Thiền Tông phải ở chỗ này (đầu sào trăm thước) tiến lên một bước, rời khỏi ý thức, sát na rời khỏi ý thức là kiến tánh.



Ngài Lai Quả nói “từ đầu sào trăm thước tiến lên một bước lọt vào hư không, té xuống cho chết rồi sống lại”, Thiền Tông có danh từ là ‘tuyệt hậu tái tô’. Nhưng cái chết đó có 2 thứ: tiểu tử tiêu hoạt và đại tử đại hoạt.

Tiểu tử là ngộ chưa triệt để, tức là chết rồi sống lại, nhưng còn cái xác; đại tử đại hoạt là ngộ triệt để, tức là chết rồi sống lại, không còn cái xác. Tại sao còn cái xác? Cái xác dụ cho chấp vào cảnh giới ngộ, không buông nên bị cái ngộ làm chướng ngại, cái dụng không thể dùng ra hết.

Đại tử đại hoạt là cái ngộ tan rã, nên Tổ sư nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Tại sao? Vì đã ngộ rồi hết mê, do mê mới có ngộ; vậy còn ngộ thì còn mê. Ngộ là đối với mê, mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Nếu đã ngộ mà còn ôm cảnh giới cho mình ngộ, tức là trụ nơi Niết bàn.

Cái dụng Phật tánh vô lượng vô biên, gọi là hoạt bát vạn năng; nếu có sở trụ thì hoạt bát vạn năng bị mất. Tham thiền khởi lên nghi tình là cây chổi automatic quét ra, khôi phục lại hoạt bát vạn năng. Trụ nơi không thì hoạt bát vạn năng cũng bị mất, nên cái không cũng phải quét, để khôi phục lại hoạt bát vạn năng của bản thể. Cho nên trụ nơi Niết bàn thì cái dụng bị chướng ngại. Đại ngộ là luôn cái ngộ cũng tan rã, hoạt bát vạn năng không chướng ngại, nên nói đại ngộ là cái xác tan rã vậy.

Tham thiền là phải tin tự tâm, nếu không tin tự tâm; mặc dù ngày đêm giữ được nghi tình không thể kiến tánh. Tại sao? Vì không tin tự tâm làm sao phát hiện tự tâm! Bởi tham thiền là muốn phát hiện tự tâm, không tin tự tâm làm sao tự tâm hiện ra. Cho nên, tin tự tâm và phát nghi tình là 2 cái cơ bản của tham Tổ sư thiền.

**Hỏi: Cư sĩ thực hành thế nào đúng tông chỉ Thiền tông?**

Đáp: Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền, điều thứ nhất phá ngã chấp là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Tham thiền thực hành được 9 chữ này là đúng tông chỉ Tổ sư thiền; nếu còn muốn đắc, muốn cầu, có sợ thì không đúng tông chỉ. Tin tự tâm đầy đủ cùng khắp không gian thời gian, tất cả tài sản đều của mình thì tự nhiên mình không muốn đắc, muốn cầu, có sợ nữa. Cho nên tin tự tâm là cần nhất, tin tự tâm được thì thực hành được 9 chữ đó. Nếu không tin tự tâm, muốn thực hành 9 chữ đó rất khó. Còn 9 điều kia quý vị tự xem.

**Hỏi: Khả năng như thế nào để thành một tu sĩ?**

Đáp: Muốn xuất gia làm một tu sĩ Phật giáo thì phải có chánh nhân. Chánh nhân là sao? Là phải vì mình giải quyết vấn đề sanh tử, rồi giải quyết sanh tử cho tất cả chúng sanh; đó mới là chánh nhân. Nếu chỉ vì sự nghiệp thất bại hoặc gia đình lộn xộn xuất gia thì không phải là chánh nhân, trong Phật giáo không có hoan nghênh những thứ đó. Xuất gia là việc đại trọng phu, rất tích cực vì mình, vì tất cả chúng sanh. Nhiều người hiểu lầm bỏ nhà cửa đi xuất gia là tiêu cực, đó là sai lầm. Nếu có chánh nhân thì những việc khác không thành vấn đề.

**Hỏi: Thần thức người chết đi về đâu? Trong thời gian 49 ngày, đồng tham đến nhà tham thiền trợ duyên, cần lập nguyện trước khi tham thiền không?**

Đáp: Bản thể của tâm cùng khắp không gian thời gian, đã cùng khắp thì không thể nói đi về đâu. Nhưng chấp thần thức đó rồi thì có một chỗ, mới nói là đi về đâu. Vì chấp thần thức nên đi đâu thai trong vòng sanh tử luân hồi. Thần thức đi về đâu là theo cái nghiệp,

nếu tạo nghiệp cõi trời thì sanh cõi trời, tạo nghiệp cõi người thì sanh cõi người, tạo nghiệp súc sanh thì sanh súc sanh, tạo nghiệp quý thì sanh loài quý. Người ta thường hiểu lầm người chết biến thành quý, ấy là không đúng; tạo nghiệp quý đầu thai thành quý, chứ không phải chết rồi biến thành quý.

Người tham thiền có người thân khi lâm chung, chỉ tựa lại tham thiền tọa hương đi hương. Hồi hướng là phá ngã chấp, nếu muốn cha mẹ giải thoát phải làm cho cha mẹ phá ngã chấp. Trái lại làm cho ngã chấp lớn thêm, giống như lấy dây buộc nhiều thêm cho chặt cứng; vậy làm sao giải thoát được? Ở Việt Nam có người chết hay mời các thầy tụng kinh thành thói quen, tham thiền vì người chết cũng có người không chịu; cho nên thuyết pháp trước linh cửu, do cái nhân người chết mà người sống được lợi ích.

Đầu tiên tôi thuyết pháp tại nhà xác Quảng Đông, những người làm việc ở đây lại nghe; có người nghe rồi, hôm sau đến chùa Từ Ân tìm tôi học thiền. Mặc dù không có tu cũng được gieo chánh nhân, sau này do chánh nhân ấy tu được giải thoát. Vì người chết mà người sống được nghe pháp. Chính gia quyến người chết không khi nào đi nghe pháp, nhưng vì người chết nên họ phải làm đám, nên họ cũng có dịp nghe được chánh pháp. Người chết có nhân đó, nếu nói có công đức thì cũng có công đức vậy.

**Hỏi: Làm tuần thất cho người chết, người tham thiền phải làm như thế nào?**

Đáp: Người tham thiền làm tuần thất cho người thân, mời Pháp sư thuyết pháp thay thế cho tụng kinh. Làm tuần từ tuần thứ nhất đến lần thứ bảy, vì người chết có thân trung âm. Người ta thường cho rằng người chết biến thành quý, nhưng không phải vậy. Nếu chưa đi đầu thai là có thân trung âm, thông thường ngày giờ chết đi đầu thai liền; lục đạo luân hồi có tam thiện đạo (cõi trời, cõi người, cõi a tu la) và tam ác đạo (súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục).

Nếu làm thiện nhiều hơn ác một chút thì sanh thiện đạo, làm ác nhiều hơn thiện một chút thì sanh ác đạo. Đã phân biệt rõ ràng là giây phút chết đi đầu thai liền, không còn thân trung âm. Nếu thiện và ác bằng nhau, chưa biết sanh thiện đạo hay ác đạo mới có thân trung âm. Tại sao gọi là thân trung âm? Âm là ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), thân ngũ uẩn này đã chết rồi, thân ngũ uẩn sau chưa sanh, ở giữa trước với sau gọi là trung âm.

**Hỏi: Khi tham thiền, câu thoại vừa khởi lên thì hình ảnh cũng hiện lên, chẳng hạn như câu “khi chưa có trời đất” thì hình ảnh của trời đất hiện ra, như vậy có đúng không? Khi sự việc đó xảy ra, ta điều chỉnh bằng cách nào?**

Đáp: Tham thoại đầu là mục đích phát khởi nghi tình, tức làm cho bộ óc chỉ có cái không biết, dùng cái không biết của bộ óc cắt đứt cái biết bộ óc. Nếu hiện ra cảnh, bộ óc biết cảnh, đó là sai, bất cứ biết cái gì đều sai là vọng tưởng; chỉ cần cái không biết, ngài Nguyệt Khê nói là hàm sâu vô minh, không biết chỗ đen tối là cái gì. Vì minh là sáng, vô minh là đen tối; tức là mình phải nhìn thẳng chỗ đen tối mịt mù, không biết chỗ mịt mù đen tối là cái gì? Không biết là cái gì? Tức là nghi tình.

**Hỏi: Ngài Nguyệt Khê luôn luôn khai thị phải nhìn sâu vào chỗ vô minh đen tối mịt mù phá tan, nhưng chúng con không biết nhìn sâu bằng cách nào?**

Đáp: Thông thường nhìn là dùng con mắt, con mắt gọi là nhãn căn; nhưng không phải là dùng con mắt để nhìn, mà dùng tịnh sắc căn. Con mắt như trái nho tươi gọi là phù trần căn (phù nổi lên bên ngoài, trần là bụi tức là có vật chất nổi bên ngoài), tịnh sắc căn (sắc

là vật chất, tịnh là không có; là thể tinh thần của nhãn căn). Nếu phân tích rõ là tịnh sắc căn của nhãn căn, thì dùng tâm nhìn chứ không phải dùng con mắt nhìn.

**Hỏi: Ngồi một chỗ nhắm mắt lại thấy màn đen tối, có thể nói là hầm sâu đen tối; hoặc nhìn xuống cái chiếu, mở mắt lim dim không nhìn thấy cái chiếu, cảnh ngoài không vào con mắt, gọi là hầm sâu vô minh, vì không thấu chủng tử. Nhưng nhìn việc làm thì phải làm sao?**

Đáp: Nếu có đối tượng để nhìn là sai, một niệm chưa sanh khởi gọi là thoái đầu (vô thị vô minh); một niệm chưa sanh khởi thì không có nhưt niệm vô minh để biết đối tượng đó. Có lấy cái gì để làm đối tượng cũng là sai, không có đối tượng. Cho nên chỉ nhìn không biết đó là cái gì, vì phối hợp với nghĩa vô minh cho là đen tối; chứ không có cảnh đen tối, nhưng vì lời nói không thể diễn tả. Vì vậy phải mượn văn tự lời nói để diễn tả chỗ mình không thể biết chỗ một niệm chưa sanh khởi.

Bởi vì một niệm sanh khởi rồi, mới lấy cái niệm này để biết. Còn cái này là một niệm chưa sanh khởi, phải nhìn chỗ một niệm chưa sanh khởi gọi là thoái đầu. Chỗ thoái đầu là vô thị vô minh, vô minh là đen tối, đen tối có cái nghĩa không biết là cái gì. Mịt mù đen tối là hình dung vô minh, nhưng không phải có cảnh đen tối.

Kỳ thật, cảnh đen tối không có ánh sáng là đen tối, chứ không phải hư không có sáng và tối (kinh Lăng Nghiêm có giải thích). Mặt trời chiếu sáng, hư không chưa từng sáng; không có mặt trời chiếu (đen tối), hư không chưa từng tối. Sáng và tối không có dính dáng với hư không, nhưng người thường cho hư không sáng, hư không tối là sai lầm. Sáng tối là pháp sanh diệt, còn hư không chưa từng sanh diệt; không có dính lúu với sáng tối, nhưng sáng tối phải ở trong hư không.

Bây giờ mình ở trong Phật tánh sanh tử, luôn cả hư không cũng ở trong Phật tánh. Nhưng mình không biết, mà còn phải đi tìm. Như mình đang ngồi trong thiền viện Minh Đăng Quang, lại còn muốn đi tìm thiền viện Minh Đăng Quang. Vậy làm sao tìm?

**Hỏi: Người mới tham Tổ Sư Thiền dùng lục căn làm việc, nhưng không nhìn được thoái đầu, chỉ niệm câu thoái có được không?**

Đáp: Lúc công phu chưa đến mức, mình cứ dùng lục căn; lúc dùng lục căn mà không giữ được nghi tình, giữ cái niệm cũng được. Rồi tập lần lần đến chừng thiết nghi tình giữ được thì cũng làm xong công việc vậy. Như Trương Quốc Anh, bác sĩ Thuận, cô Hằng Thiên, họ giữ được nghi tình thì cũng hoàn thành tác dụng của bộ óc; khỏi cần qua bộ óc nhưng làm xong công việc xài óc. Nếu công phu chưa đến mức đó, khi làm việc thì nghi tình phải tạm ngưng; chừng nào công phu đến mức thì nghi tình tự động khởi lên. Bộ óc không biết nhưng vẫn làm việc bình thường, lại nhanh hơn tốt hơn.

**Hỏi: Khi tham thoái đầu có niệm không hiểu thì chỉ giữ niệm không hiểu không biết hay ta giữ thêm niệm không biết nào đó nữa?**

Đáp: Cái không biết làm sao có hai! Một không biết đã đủ rồi. Hai không biết là biết, biết có hai là biết.

**Hỏi: Tham thoái đầu là cảm thấy không biết, mình tham tiếp hay tham câu thoái đầu rồi trả lời tiếp sau đó mình không biết?**

Đáp: Không cần trả lời. Tôi hỏi thử người ấy có tham đúng hay không? Thì người ấy mới trả lời. Nếu tự mình hỏi cảm thấy không biết, tức là trả lời không được. Có hỏi thì phải có

đáp, đáp là trả lời; nhưng không biết làm sao trả lời, không biết thì trả lời không ra; thỉnh linh trả lời ra là kiến tánh. Nói thỉnh linh trả lời là không phải trả lời, phát hiện bản thể cùng khắp không gian thời gian. Đó là thay cho trả lời.

Nói dùng lục căn (nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn) để tham đều là dùng tịnh sắc căn, chứ không phải dùng phù trần căn. Như lỗ tai giống như lá cuống, đó là phù trần căn. Tịnh sắc căn là nhĩ thức, nhãn thức...

**Hỏi: Con bị đau cổ, người ta nói “cô sao không đi tụng kinh cầu an cho hết bệnh!” Con nghĩ rằng “nếu tụng kinh cầu an hết bệnh thì các Tăng Ni trong chùa thường tụng kinh đã hết bệnh rồi, hay những người giàu mời các Tăng Ni tụng kinh cũng hết bệnh”, con đến đây cùng các bạn tọa hương đi hương. Kính xin Sư Phụ khai thị?**

Đáp: Nếu tạo nhân gì thì phải chịu quả nấy, kinh Pháp Hoa nói “như thị nhân như thị quả”. Cầu an cho khỏi bệnh, mà ai cũng biết cầu an! Nhưng những người cầu an cho người ta cũng bệnh vậy. Bây giờ mình bệnh là do kiếp trước tạo nhân bệnh, nên phải chịu cái khổ của bệnh. Phật Thích Ca xuất gia cũng vì cái khổ sanh lão bệnh tử của con người cần phải giải quyết. Nếu cầu an được thì không cần xuất gia làm chi nữa, sự thật có cầu an được là phá hoại nhân quả; không có nhân quả nên mình không cần tin Phật, không cần tu.

**Hỏi: Kinh Dược Sư là phương tiện an ủi gieo tín tâm cho người ta trong lúc đó phải không?**

Đáp: Kinh Dược Sư là kinh bất liễu nghĩa, trong đó cũng có pháp tu để cầu sanh cõi Đông Phương. Đền nhà Minh ở Trung Quốc có người hoằng dương Dược Sư Tịnh Độ. Ngài Thái Hư nói “người hiện tại đời thế kỷ hai mươi phần nhiều thích hợp Tịnh Độ Dược Sư, không thích hợp Tịnh Độ A Di Đà. Bởi vì người nào cũng sợ chết, mà ham kiếp sau làm phú quý; nên Tịnh Độ Dược Sư mới thích hợp, Tịnh Độ A Di Đà không thích hợp. Do người hoằng dương Tịnh Độ Dược Sư rất ít, thành ra Tịnh Độ A Di Đà thịnh hành.

Nhưng người ta hoằng không đúng tông chỉ Tịnh Độ A Di Đà, không bằng hoằng Dược Sư Tịnh Độ; để kiếp này hưởng ngũ dục của thế gian, kiếp sau đầu thai cũng hưởng phú quý nữa, rồi từ từ sanh đến Tịnh Độ Đông Phương. Có người hoằng dương 3 thứ Tịnh Độ: Tịnh Độ A Di Đà, Tịnh Độ Đâu Suất, Tịnh Độ Dược Sư. Người ta không biết, chỉ biết Tịnh Độ A Di Đà, lại không biết cách tu của Tịnh Độ A Di Đà, cho nên tạo ra nhiều nạn nhân chịu oan.

## Phần 2

**Hỏi: Pháp môn Tổ Sư Thiền chỉ cần một câu thoại đầu, hỏi lên khởi tâm không biết liên tục sẽ kiến tánh. Nhưng người chưa biết đạo Phật, con thiết nghĩ rất cần đọc kinh sách cho hiểu để có lòng tin tự tâm. Kính xin Thầy khai thị?**

Đáp: Cơ bản tham Tổ Sư Thiền là tin tự tâm và phát nghi tình. Đối với những người chưa tin tự tâm phải cần coi kinh sách để tăng cường lòng tin tự tâm. Cho nên, tôi hoằng Tổ Sư Thiền cũng dịch kinh viết sách, để cho những người chưa đủ lòng tin tự tâm được tin, thì họ thực hành mới mau đạt đến kiến tánh. Mặc dù, Phật Thích Ca truyền pháp môn ‘từ

nghi đến ngộ' này là bất lập văn tự, nghĩa là tự tánh khỏi cần qua văn tự, không phải phé bỏ phương tiện văn tự.

Nếu phé bỏ văn tự tại sao Phật có đủ thứ kinh điển để làm gì? Mà chư Tổ có ngữ lục, ngài Tăng Xán có Tín Tâm Minh, Lục Tổ có Pháp Bảo Đàn Kinh, làm sao bỏ văn tự! Chỉ là không chấp vào văn tự. Lợi dụng văn tự để cho mình hiểu Phật tánh vốn lìa văn tự. Tất cả kinh sách đều là phương tiện, tất cả lời nói của chư Phật chư Tổ đều là phương tiện.

Mình biết là phương tiện, không nên chấp vào chỗ đó. Khi đã tin tự tâm thì những thứ ấy không cần nữa, nhưng không phải phé bỏ; mình không cần mà người khác cũng còn cần, vô lượng vô biên chúng sanh vẫn còn cần; đâu phải mình không cần mà người khác không cần! Phật thuyết pháp 49 năm dù nói không có nói một chữ, nhưng kinh sách lưu hành trên thế gian mênh mông, xem suốt đời không thể hết. Vì vậy nói không cần kinh sách là không đúng.

***Hỏi: Theo chư tôn đức hoằng pháp môn Tịnh Độ chỉ cần niệm Phật đến nhứt tâm bất loạn, khi lâm chung đức Phật A Di Đà rước về cõi Tây Phương Cực Lạc; thậm chí không cần niệm đến nhứt tâm bất loạn, chỉ cần niệm được 10 câu, như Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu nhờ niệm được 10 câu cũng về được Tây Phương Cực Lạc. Vậy pháp môn quá dễ dàng, giống như chiếc thuyền buông xuôi theo dòng nước; mà lại theo pháp môn lạ lùng là pháp môn Tổ sư thiền, không biết bỏ cái dễ lấy cái khó, uổng phí một kiếp tu hành không?***

Đáp: Phật nói ra 48.000 pháp môn làm phương tiện, mỗi pháp đều có tông chỉ riêng, người tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó. Pháp môn Tịnh Độ có muôn muôn ngàn ngàn, có Tịnh Độ A Di Đà, có Tịnh Độ Đâu Suất, có Tịnh Độ Dược Sư, 3 Tịnh Độ này người Trung Quốc có hoằng dương. Nếu theo đúng tông chỉ Tịnh Độ thì lâm chung một niệm cũng được vãng sanh, khỏi cần phải 10 niệm.

Nếu không đúng tông chỉ dù có được nhứt tâm bất loạn cũng không được vãng sanh, chỉ có thể đầu thai cõi người cõi trời chứ không được vãng sanh. Bởi vì không đúng với tông chỉ Tịnh Độ đó thì không được vãng sanh Tịnh Độ đó. Như mình muốn đến mục đích ấy phải đi đúng con đường ấy mới tới, nếu mình đi sai đường làm sao tới được! Mặc dù có phát nguyện đến chỗ ấy, nhưng lại đi lầm đường thì đi đến nơi khác, không đi lại nơi ấy.

Người ta chỉ biết Tịnh Độ dễ, mà những cái khó lại bỏ đi. Chư Tổ Tịnh Độ dạy cách thực hành mà những cái khó bỏ, những cái dễ lại kể. Không có cái khó làm sao có cái dễ? Cái khó thực hành được thì cái dễ mới nói là dễ. Vậy là đi sai đường làm sao đến nơi! Cho nên, muốn thành tựu pháp môn của mình tu thì phải đi đúng pháp môn đó, không đi đúng mà nói dễ thì không phải. Nói được mấy niệm khi lâm chung được vãng sanh, vậy ai chứng tỏ?

Năm 1974, tôi đi Bangkok gặp sư Tích Lan nói “Tích Lan là nước Phật giáo, làm quan phải là Phật giáo đồ”, đại sư Tích Lan thấy tu sĩ rất kính trọng, họ không biết có Phật A Di Đà, hướng là cách thực hành đến cõi Tây Phương Cực Lạc! Người ta nói 10 câu, chỉ lấy 1 câu còn 9 câu bỏ cho là dễ. Nếu 10 câu lấy hết để thực hành không phải dễ. Nói theo Phật tánh không có cái nào dễ cũng không có cái nào khó. Vì không có tương đối nên không có khó dễ, cái khó dễ do mình dùng bộ óc phân biệt.

Thiền Tông phải nhờ tha lực và tự lực, Tịnh Độ cũng vậy. Nếu chỉ nhờ tha lực mà được thì không có nhân quả, nên mình khởi tu cũng được. Vậy không có nhân quả làm sao có Phật pháp? Cho nên, bất cứ pháp môn nào đều phải nhờ tự lực và tha lực.

Nhà khoa học, triết học ở thế gian cũng phải có nhân quả, nhân duyên mới được thành tựu; huống là pháp xuất thế gian khỏi cần nhân, mà chỉ cần duyên là được! Phật pháp nói nhân duyên, có nhân phải có trợ duyên, cái nhân là phải tự làm, tự mình gieo nhân gì thì được quả nấy; không gieo nhân mà cầu Phật cho mình cái quả làm sao được? Rồi cho dễ là vô lý.

***Hỏi: Chúng con không biết chương trình đã thiền thất ở Việt Nam và Trung Hoa. Xin Thầy nói rõ cách đã thiền thất hai nơi?***

Đáp: Đã thiền thất ở Trung Hoa, ngài Lai Quả giải thích rất kỹ từ thất thứ nhất đến thất thứ mười, từ cạn vào sâu. Đã thiền thất rất nghiêm khắc, giống như đi thi cử, trước kia đã học sẵn, vô thiền thất là phải thi đậu (kiến tánh).

Tôi hoảng thiền ở Việt Nam thì khác, là vô trong thi trường mới tập học biết chữ, chứ không phải đã học sẵn đến thi. Đó là phải theo phương tiện ấy, vì Tổ Sư Thiền đã bị thất truyền từ nhà Lê cách nay đã hơn 200 năm. Tôi là người đầu tiên khôi phục hoàng dương lại. Người ta không biết đường lối thực hành và không tin pháp môn này. Cho nên, tôi mở đã thiền thất là dạy cho người ta tập thực hành tham Tổ sư thiền, chứ không phải người thực hành sẵn mà vào thiền thất để tu kiến tánh. Hôm nay chúng ta đã thiền thất cũng là tập tham thiền.

***Hỏi: Kính xin Sư Phụ nói rõ cái khó của tông Tịnh Độ?***

Đáp: Cái khó của pháp môn Tịnh Độ là phát đại nguyện và thực hành đại nguyện của mình phát. Trong kinh A Di Đà nhấn mạnh phát đại nguyện, nói đến ba bốn lần; đã phát nguyện là đã vãng sanh, nay phát nguyện là nay vãng sanh, vị lai phát nguyện là vị lai vãng sanh. Bởi vì quyết định vãng sanh hay không vãng sanh là do cái nguyện, nhưng cái nguyện gồm có đại nguyện và tiểu nguyện.

Nếu nguyện chỉ cầu cho mình được vãng sanh thì không hợp với nhân quả, vì sanh Tịnh Độ thì không đi đầu thai, ở đó tu đến thành Phật. Không đi đầu thai thì không trả cái quả, nếu cầu một mình vãng sanh thì phải thiếu nợ của mọi người. Nợ thịt nợ mạng khởi trả sao? Theo nhân quả phải đi đầu thai trả trước. Cho nên, tiểu nguyện không hợp nhân quả thì không được vãng sanh.

Phải phát đại nguyện. Làm sao phát đại nguyện? Mặc dù, mình không có tiền trả, nhưng mình ký ngân phiếu hẹn sau này thành Phật trả. Mình làm việc gì đều vì tất cả chúng sanh (cái nghĩa hồi hướng), muốn độ hết tất cả chúng sanh, tức là tôi và tất cả chúng sanh cùng nhau vãng sanh. Nếu người nào chưa vãng sanh, tôi thành Phật trở lại độ những người ấy. Bởi vì sanh Tịnh Độ không còn chết, ở đó tu đến ngày thành Phật.

Khi đã phát đại nguyện, tức là đã ký ngân phiếu này; nhưng trương mục của mình ở trong ngân hàng không có tiền, hay tiền không đủ trả cho người ta. Mỗi ngày mình phải làm công đức gì đều hồi hướng cho chúng sanh, như nạp tiền vô ngân hàng để chủ nợ cầm ngân phiếu đến ngân hàng lấy.

Nếu mình không thực hành đại nguyện của mình phát, làm sao được vãng sanh! Tức là mình không có nạp tiền vô ngân hàng. Đến khi người ta cầm ngân phiếu vô ngân hàng

lấy không được, thì ngân phiếu này là giả nên phải bị tội. Bởi vì, nguyện suông nguyện giả, mình chỉ tâm nghĩ, miệng nói nhưng không có làm. Cái khó là phát đại nguyện và thực hành đại nguyện của mình phát.

Nếu thực hành đại nguyện của mình phát thì phải coi chúng sanh bình đẳng, mình và chúng sanh không khác. Người đối với người, mình cũng chưa bình đẳng; huống là đối với tất cả loài vật! Nếu không bình đẳng là nguyện suông nguyện giả thì không thể vãng sanh. Nếu không thực hành đại nguyện của mình phát thì phải đi đầu thai để trả nợ.

**Hỏi: Con nghe nói “tâm tịnh Phật độ tịnh”. Vãng sanh về Tịnh Độ, vậy Tịnh Độ ở đâu?**

Đáp: Sự thật, Phật nói pháp môn Tịnh Độ là bất đắc dĩ để độ những chúng sanh quá chấp thật, nên nói có cõi Tịnh Độ, đặc biệt có Tịnh Độ này Tịnh Độ kia. Nếu mình tin tự tâm thì Tịnh Độ không ở ngoài tâm, vì tâm cùng khắp không gian thì ngoài không gian đâu có không gian để lập cõi Tịnh Độ! Tịnh Độ ở trong tâm, cho nên Kinh nói “ngoài tâm không có Phật”. Người Tịnh Độ cũng biết: “chúng sanh, tâm và Phật đều không sai biệt”. Nhưng bệnh chấp của người Tịnh Độ quá nặng, thành ra có cái nói đúng, có cái nói sai, rất mâu thuẫn.

Nói tóm lại, mình muốn tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, chứ đừng nói pháp môn này dễ, pháp môn kia khó. Tu đúng thì cái khó cũng thành dễ, mà tu không đúng thì dễ cũng thành khó. Bởi vì dễ mà không được thành tựu là khó rồi.

**Hỏi: Tại sao ngài Ấn Quang cho người tu Tịnh Độ chỉ đọc 3 cuốn kinh: Quán Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ và A Di Đà?**

Đáp: Tổ Tịnh Độ muốn người tu Tịnh Độ được thành tựu vãng sanh, nhưng người tu Tịnh Độ không nghe lời Tổ Tịnh Độ, tự cho mình thực hành đúng hơn Tổ Tịnh Độ, vậy làm sao được vãng sanh? Minh tu Tịnh Độ phải theo lời dạy của tổ Tịnh Độ, rồi nói cái khác cho Tịnh Độ là dễ, việc này rất khó nói. Trước kia tôi hoằng Tịnh Độ mười mấy năm cảm thấy rất khó, nên sau này tôi chuyển sang Tổ sư thiền.

**Hỏi: Đa số chúng con hiểu pháp môn Tịnh Độ như thế này: “hành và nguyện” thì mình nguyện về cõi Tây Phương Cực Lạc, rồi cái hành là niệm danh hiệu Phật A Di Đà, niệm riết. Đó là phát đại nguyện. Kính xin Thầy khai thị?**

Đáp: Tín, nguyện, hành mà tôi đã giảng nhiều lần là 3 thứ tín, 2 thứ nguyện và 2 thứ hành. Cách niệm Phật: Tổ 13 là ngài Ấn Quang dạy ghi nhớ niệm Phật. Quyết định được vãng sanh hay không được vãng sanh là do cái nguyện. Nếu cái nguyện không đúng thì niệm đến nhứt tâm bất loạn cũng không được vãng sanh, chỉ là được sanh cõi người hay sanh cõi trời.

Tịnh Độ A Di Đà có 3 cấp: Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật, Trì danh niệm Phật. Thật tướng niệm Phật thì Tịnh Độ trong tâm, khỏi cần đi vãng sanh, tâm tịnh là Phật độ tịnh. Việc ấy, người Tịnh Độ biết hay không biết, nhưng chỉ dạy người ta những điều dễ, mà không dạy các điều khó. Đó là làm hại cho người ta.

**Hỏi: Nhân Sư Phụ nói dạy điều dễ mà không dạy điều khó, trong kinh Lăng Nghiêm nói cách niệm Phật của Đại Thế Chí dường như rất khó hơn cách niệm Phật của ngài Ấn Quang. Kính xin Sư Phụ chỉ cho cách niệm Phật của Đại Thế Chí như thế nào?**

Đáp: “Thâu nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục” nghĩa là nhiếp được lục căn thì trong sạch liên tục. Vậy làm sao nhiếp lục căn? Mắt nhìn sắc không phân biệt xấu đẹp là nhiếp được nhãn căn, tai nghe tiếng không phân biệt khen chê thì nhiếp được nhĩ căn, lưỡi ăn thức ăn không phân biệt ngon dở là nhiếp được thiệt căn... Nếu nhiếp không được thì niệm không trong sạch là không phải tịnh niệm. Tịnh niệm không được chắc chắn không được vắng sanh. Cái khó mà người ta không biết tới, chỉ là nói những cái dễ. Nhưng cái dễ mà vô lý như “niệm Phật một câu bao nhiêu tội ác đều tiêu hết”. Vậy người ta làm ác đâu có sao?

**Hỏi: Niệm Phật như con nhớ mẹ là sao?**

Đáp: Niệm Phật như con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con; nhưng cái niệm đó phải trong sạch. Nếu niệm Phật như con nhớ mẹ mà không trong sạch cũng không được, nên cần phải nhiếp cả lục căn liên tục trong sạch thì tâm niệm đó mới được, dùng tâm niệm đó niệm Phật. Nhiếp được lục căn thì không còn vọng tưởng, vì không nhiếp được lục căn nên có vọng tưởng. Niệm mà còn vọng tưởng thì cái niệm ấy không trong sạch.

**Hỏi: Cách nhiếp lục căn của Đại Thế Chí giống như tham thiền, nhưng khác là không có cái nghĩ. Vậy có đúng không?**

Đáp: Phải rồi. Cách nhiếp khó hơn, ngài Ân Quang nhiếp bằng ghi nhớ niệm Phật, tập trung ở trong cái nhớ đó.

**Hỏi: Thế nào là Tam bảo?**

Đáp: Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Phật là giác ngộ, tức giác ngộ biết được chính mình, tự làm chủ thì đạt đến tự do tự tại. Cho nên, Phật muốn tất cả chúng sanh đều được giác ngộ đạt đến tự do tự tại, dứt hết thảy khổ gọi là Phật bảo.

Muốn đạt đến giác ngộ phải có phương pháp, tôi dạy phương pháp tham thiền đưa mình đến giác ngộ, đạt đến tự do tự tại, dứt hết tất cả khổ, đó gọi là Pháp bảo.

Tăng tiếng Ấn Độ gọi là Tăng già, dịch nghĩa hòa hợp chúng; theo quy định nhà Phật là 4 vị tu sĩ Phật giáo trở lên hợp lại thành Tăng. Tại sao Tăng cũng là bảo? Bởi vì, nếu không có Tăng bảo từ đời từ đời trực tiếp giáo hóa chúng sanh, dù có Phật bảo và Pháp bảo ở thế gian cũng không có Phật pháp. Cho nên, Phật pháp mới thường trụ ở thế gian, chúng sanh được giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại.

Quy Tam bảo có hai thứ: Thường trụ Tam bảo và Tự tánh Tam bảo.

Bây giờ quy y là quy y Thường trụ Tam bảo. Thường trụ Tam bảo là gì? Tượng Phật thay mặt cho Phật bảo, vì Phật Thích Ca đã nhập diệt. Pháp bảo là tất cả kinh điển thay mặt cho Pháp bảo. Chúng tôi là tu sĩ Phật giáo thay mặt cho Tăng bảo. Phải có mục tiêu để cho người thế gian thấy thường trụ tại thế gian, nên gọi là Thường trụ Tam bảo.

Nhờ sự giáo của Thường trụ Tam bảo ngộ nhập Tự tánh Tam bảo. Tự tâm của mọi người đều đủ Tam bảo.

**Hỏi: Có 3 trường hợp: 1- Thấy bông cúc màu vàng biết nó vàng. 2- Tâm khởi ý thức thấy bông cúc vàng đẹp là biết đẹp thể thôi. 3- Tâm biết bông cúc vàng đẹp ưa thích ham muốn. Ba trường hợp trên, trường hợp nào tâm không bị vọng động?**



Đáp: Theo pháp thiên trực tiếp của Phật Thích Ca đích thân truyền thì 3 trường hợp này đều nghịch với Tổ sư thiên. Tại sao? Tổ Sư Thiên là muốn bộ óc không biết, không biết nhiều chừng nào tốt chừng nấy, còn cái này thì muốn biết; muốn biết là tác dụng của bộ óc, còn ý của Phật Thích Ca cho cái biết của bộ óc không đúng với thực tế, có giới hạn, không bằng cái biết của Phật tánh.

Cái biết bộ óc là tướng bệnh, cái biết của Phật tánh là tướng mạnh. Ý của Phật Thích Ca muốn quét sạch tướng bệnh để tướng mạnh hiện lên. Nếu còn giữ tướng bệnh thì tướng mạnh ẩn trong tướng bệnh, không thể hiện ra. Tại sao? Vì tướng mạnh và tướng bệnh cũng mặt mũi này, không phải mặt mũi khác. Tướng bệnh là xanh vàng ốm yếu, tướng mạnh hồng hào. Khi mình đang xanh vàng ốm yếu thì hồng hào làm sao hiện ra? Cần phải trị hết bệnh và không còn xanh vàng ốm yếu thì hồng hào của tướng mạnh hiện ra. Nhờ cái không biết của bộ óc quét sạch tất cả cái biết của bộ óc; ban đầu quét tìm hiểu biết, tiếp theo quét ghi nhớ biết, rồi quét luôn tùy duyên biết.

Thế nào gọi là tùy duyên biết? Tùy duyên là không cần tìm hiểu cũng biết, như ngồi không tìm hiểu cũng biết ngồi, đi không tìm hiểu cũng biết đi, mặc áo ăn cơm không cần tìm hiểu cũng biết mặc áo ăn cơm... những cái này gọi là tùy duyên biết. Sau cùng tùy duyên biết quét sạch luôn, lúc đó sắp kiến tánh là đến thoại đầu.

Thoại đầu là trước khi chưa muốn nói một lời nói, nếu muốn nói mà miệng chưa nói ra là thoại vị; thoại đầu (vô thi vô minh) là một niệm chưa sanh khởi, một niệm sanh khởi là nhứt niệm vô minh. Thiên Tông muốn phá tan vô thi vô minh, gọi là kiến tánh. Nếu kéo dài cho bộ óc biết hoài là tướng bệnh kéo dài thì tướng mạnh không hiện ra. Vì vậy pháp này khác, không những khác 3 trường hợp đó, mà khác hơn tất cả thiên, luôn các thứ thiên của Phật dạy trong kinh.

**Hỏi: Người sống không biết đạo Phật, chưa từng nghe kinh kệ và không thích; lúc chết, người nhà mời thầy tu đến cầu siêu, phóng sanh... Vậy người chết có cảm ứng kinh kệ, phóng sanh và được phước đức không?**

Đáp: Phật dạy mình phải tin nhân quả, nhân nào quả nấy, kinh Pháp Hoa nói “như thị nhân như thị quả”; gieo nhân thiện thì được phước quả, gieo nhân ác thì chịu khổ quả. Nếu tụng kinh được phước thì làm ác cũng không sao, vậy nghịch với nhân quả. Tụng kinh là cách tu của Giáo môn, Giáo môn ngày xưa tùy duyên khởi quán, đọc đến chỗ nào quán theo duyên đó, gọi là tu, chứ không phải tụng suông. Bây giờ người ta tụng suông, không quán theo kinh.

Bởi vì cái nhân là do mình tạo, muốn sửa đổi nhân quả cũng được; nhưng phải tự mình sửa đổi, chứ người khác không thể sửa đổi cho mình, nếu người khác sửa đổi giùm mình thì bây giờ hết chúng sanh. Tại sao? Vì Phật Thích Ca rất từ bi, nếu Phật Thích Ca làm được thì đâu còn chúng sanh; có hằng hà sa số chư Phật thì bây giờ cũng không còn chúng sanh, vì Phật nào cũng có đại từ đại bi. Vậy tin Phật phải tin nhân quả thì tạo nhân lành mới được phước quả. Nếu không có nhân quả thì Phật pháp không có, không cần lập chùa.

Phật nói “nhứt thiết duy tâm tạo” thì nhân quả là tâm mình tạo. Làm sao sửa lại nhân quả? Những người vượt biên trên biển chết rất nhiều, mà những người đó đều có tiền. Có tiền thường không bị chết đói, nhưng tạo cái nhân chết đói; cho nên có tiền vẫn bị chết

đói, vì nhân quả không trừ với nhau được. Làm thiện được phát tài nên có tiền đi vượt biên, làm ác tạo cái nhân chết đói nên vượt biên có tiền cũng bị chết đói.

Thành Phật là siêu việt số lượng, thí dụ người không tu thì tâm lực 1 độ, tu đến thành Phật thì tâm lực 1 triệu độ. Kiếp trước mình tạo cho người ta chết đói là tâm lực 1 độ, kiếp này không có tu, tâm lực cũng 1 độ, cho nên có tiền phải chịu quả chết đói. Nếu bây giờ biết tu thì tâm lực từ 1 độ lên đến 10 độ, tuy tâm lực 10 độ mới làm nhưng cái nhân mạnh nên cái quả đến trước, còn tâm lực 1 độ là cái nhân yếu nên cái quả đến sau. Tại sao? Như thiếu nợ, chủ nợ có thể lực mạnh phải trả trước; chủ nợ có thể lực yếu thì trả sau.

Tâm lực của 1.000 A la hán cảm ứng đến tâm bà Thanh Đề được sửa lại, bà thoát khỏi cảnh ngã quý, tâm bà Thanh Đề sửa mới được, có nhân sẽ có quả. Nếu tâm bà Thanh Đề không sửa, Phật cũng không cứu được. Chính tâm mình tạo thì tự mình sửa, chứ không phải người khác sửa giùm. Nếu người khác sửa giùm được thì Phật Thích Ca và chư Bồ tát sửa giùm thì mình không cần tu.

**Hỏi: Trong khi tọa thiền chế ngự không cho suy nghĩ để tâm tĩnh lặng trống rỗng, nhưng thầy Phật Thích Ca ngồi thiền 49 ngày tìm ra đạo; như vậy suy nghĩ của Ngài lúc đó rất nhiều, đối với pháp thiền này có khác nhau như thế nào?**

Đáp: Tổ Sư Thiền do đức Phật Thích Ca đích thân truyền là không cho bộ óc suy nghĩ, không cho bộ óc tìm hiểu. Vì cái biết của bộ óc là tướng bệnh, cho nên Bát Nhã Tâm Kinh nói ban đầu là vô ngữ uẩn, tiếp theo là vô lục căn. Sự hiểu biết của lục căn, Phật dùng chữ vô quét sạch. Lục căn, lục trần, lục thức cho đến Tứ Diệu Đế, Thập Nhị Nhân Duyên của Phật dạy cũng quét luôn. Phạm do bộ óc nhận biết được không phải chân thật, chỉ tạm thời. Tại sao? Vì bộ óc sau khi chết đem thiêu thành tro, đi chôn thành đất. Bộ óc biến thành đất thì những cái bộ óc biết được cũng biến thành đất.

Phật tánh vĩnh viễn không biến đổi, vô thi vô chung, không sanh không diệt nên có tên là Niết bàn. Vì không sanh nên Phật nói không có sự bắt đầu. Nếu có sanh thì có bắt đầu nên có cuối cùng, người chứng quả là chứng pháp vô sanh gọi là chứng vô sanh pháp nhẫn. Tịnh Độ cũng nói là “hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”.

Tại sao nói không có bắt đầu? Vì tất cả vũ trụ vạn vật đều không thành lập nghĩa bắt đầu. Truy cứu con gà có trước trứng gà được không? Không được. Vì không có trứng gà thì không ấp ra con gà. Trứng gà có trước con gà được không? Không được. Vì không có con gà thì không sanh ra trứng gà. Con gà và trứng gà đều không bắt đầu, cho nên gọi là nghĩa vô sanh, vũ trụ vạn vật cũng đều như thế.

Trung Quán luận nói sanh tử không có bắt đầu. Các vị tin sanh là bắt đầu, ngài Long Thọ nói sanh bắt đầu là không đúng. Ngài nói “nếu sanh bắt đầu được thì khỏi cần tử có sanh, nếu khỏi cần tử có sanh thì sanh lia tử độc lập, sanh rồi khỏi tử nữa”. Nhưng sự thật bất cứ động vật thực vật sanh rồi phải tử, không có cái nào sanh mà không tử! Luôn cả Phật Thích cũng vậy, sanh rồi phải tử.

Sự thật chứng tỏ sanh bắt đầu không được, sanh bắt đầu là vô lý; sanh phải dính líu với tử, không thể độc lập; như con gà và trứng gà không thể lia nhau. Con gà làm nhân cho trứng gà, trứng gà cũng làm nhân cho con gà, gọi là nhân duyên. Sanh làm nhân cho tử, tử cũng làm nhân cho sanh; sanh tử làm nhân với nhau, nên có sự luân hồi. Tất cả đều không có bắt đầu, Phật nói trắng ra là vô thi, tức cái nghĩa vô sanh.

Tổ Sư Thiên cần cái không biết, không biết nhiều chừng nào tốt chừng nấy. Bởi vì không biết nhiều là đại nghi, đại nghi sẽ được đại ngộ. Nhà khoa học cũng do nghi được ngộ, nhưng nhà khoa học do đi nghiên cứu tìm hiểu, nên gọi là hồ nghi; hồ nghi chỉ phát minh việc thế gian, có giá trị thế gian; họ không phát minh chính tâm mình, nên không làm chủ được tâm mình, không được tự do tự tại, không giải thoát tất cả khổ.

Tham thiền là chánh nghi, không cho bộ óc tìm hiểu mới ngộ và làm chủ được chính mình, nên được tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ vĩnh viễn, không phải chỉ kiếp này, cũng không phải kiếp sau, cũng không phải muôn ngàn kiếp sau. Bởi vì thành Phật không trở lại làm chúng sanh.

**Hỏi: Thế nào là Tổ sư thiên?**

Đáp: Tổ Sư Thiên là từ trong hội Linh Thứu Sơn, đức Phật đưa cành hoa lên trước đại chúng, hơn 1 triệu người ngơ ngác không biết, chỉ có ngài Ca Diếp mỉm cười, đức Phật ấn chứng cho ngài Ca Diếp ngộ đạo. Từ đó ngài Ca Diếp làm sơ tổ, rồi truyền cho A Nan làm nhị tổ, A Nan truyền cho Thương Na Hòa Tu làm tam tổ. Từ Tổ từ Tổ truyền xuống Bồ Đề Đạt Ma làm Tổ thứ 28 ở Ấn Độ, Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Quốc truyền cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho Hoàng Nhãn, Hoàng Nhãn truyền cho Huệ Năng, cho đến đời tôi là thứ 89.

Nhưng tôi chưa phải là Tổ sư, vì tôi chưa kiến tánh. Tôi chỉ biết đường lối thực hành đúng theo tông chỉ của Tổ Sư Thiên rồi tôi mới truyền lại cho quý vị. Nếu thực hành đúng sẽ được kiến tánh, như ngài Lai Quả kiến tánh, mà thầy của ngài Lai Quả chưa kiến tánh; ngài Hư Vân kiến tánh, nhưng thầy của ngài Hư Vân chưa kiến tánh. Thầy dạy phương pháp tu cho trò, trò có thể kiến tánh trước thầy. Trong lịch sử Thiền Tông có đề từ kiến tánh trước, thầy đánh lễ trò để làm thầy, thầy trở lại làm trò. Nếu quý vị kiến tánh trước tôi thì tôi đánh lễ quý vị làm thầy. Đó là chuyện thường.

**Hỏi: Làm thế nào phát nghi tình để chấm dứt cái biết của bộ óc?**

Đáp: Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên có đề ra 5 câu thoại đầu, câu thoại đầu rất nhiều kẻ không hết. Câu thứ nhất: khi chưa có trời đất ta là cái gì? Như có trời có đất thì chúng ta ngồi đây, khi chưa có trời đất ta là cái gì?

Không cho bộ óc suy nghĩ, không cho bộ óc tìm hiểu, khi tôi vừa hỏi dứt thì ông trả lời ngay, nếu trả lời chậm là muốn tìm câu trả lời cho tôi là không đúng. Tôi hỏi ông: khi chưa có trời đất ông là cái gì? Không biết. Vậy là đúng, tức tham thiền được rồi. Tham thiền chỉ cần không biết, ngày đêm giữ cái không biết và hỏi câu thoại đầu để kích thích niệm không biết. Tham thiền khởi lên không biết rất dễ, việc thế gian muốn biết rất khó; còn không biết ai cũng làm được, cho nên con nít 6, 7 tuổi và bà già 6, 7 chục tuổi đều tham thiền được.

Hiện nay có đứa bé 3 tuổi tham thiền, bảo nó tham thiền đi. Nó liền hỏi “ta là cái gì?” Nó mới 3 tuổi vẫn tham thiền được vậy! Vì chỉ cần không biết. Ngày đêm đi đứng ngồi nằm, mặc áo ăn cơm, đi cầu ngủ nghỉ, làm việc... cứ hỏi như vậy thôi. Có hỏi thì phải có đáp, nhưng không hiểu thì đáp không ra, tức lăm phải hỏi nữa, hỏi đến chừng nào đáp ra là kiến tánh. Đáp ra không phải đáp ra đáp án, đáp ra là phát hiện bản thể cùng khắp không gian thời gian. Cái dụng cũng cùng khắp không gian thời gian. Chính phát hiện đó là cái đáp án, tức trả lời câu hỏi, nên gọi là kiến tánh siêu việt số lượng.

Tất cả do bộ óc nhận biết đều nằm trong số lượng, mặc dù những cái không thấy, không còn vật chất, không còn thời gian nhưng vẫn còn số lượng, còn số lượng thì bộ óc nhận biết được. Nói về thời gian, một ngày 24 tiếng, 1 tiếng chia làm 60 phút, 1 phút chia làm 60 giây, 1 giây nhà Phật chia làm 60 sát na. Tôi chia 1 sát na làm 60 A, 1 A chia làm 60 B, 1 B chia làm 60 C. Tôi nói chưa dứt thì đã qua bao nhiêu C thời gian rồi, nếu chia nữa vẫn còn số lượng mà bộ óc nhận biết được, nên gọi là pháp hữu vi.

Phật tánh không có hình tượng và cũng không có số lượng, thành ra bộ óc không thể nhận biết được. Bộ óc không nhận biết nên không thể diễn tả để cho quý vị biết... Vì vậy, Phật Thích Ca nói “tôi thuyết pháp 49 năm mà chưa từng nói một chữ”, “không có pháp để thuyết mới là thuyết pháp”, “ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phi báng Phật”, vì nói không được.

Nếu như Phật Thích Ca nói được nhưng chúng sanh không nhận biết. Bởi lời nói của thế gian là do bộ óc lập ra. Nên truyền pháp môn Tổ Sư Thiên không qua lời nói, vì lời nói không thể nói được. Vậy nói bất lập văn tự, chứ không phải phế bỏ văn tự.

**Hỏi: Kính xin Thầy khai thị bài kệ?**

***Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã.  
Thị nhân hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như lai.***

Đáp: Bài kệ này trong kinh Kim Cang diễn tả dùng lục căn không thể được, trong này nói “nếu dùng sắc thấy ta (Phật tánh), dùng âm thanh cầu ta”; sắc là thuộc lục trần, thanh cũng thuộc lục trần. Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp”, là phủ nhận lục trần, làm sao còn lấy lục trần để thấy Phật tánh! Nếu làm như vậy không đúng, nên nói là người ấy hành tà đạo. Làm đúng mới được kiến tánh, làm không đúng làm sao kiến tánh? Dùng bộ óc để nhận biết Phật tánh không thể được, cho nên nói là chẳng thể thấy Như lai.

Bởi vậy, Phật truyền pháp môn Tổ Sư Thiên không qua bộ óc, lại chấm dứt tất cả biết của bộ óc, cuối cùng không biết của bộ óc (nghi tình) bùng vỡ, lúc đó biết và không biết đều sạch hết thì cái biết của Phật tánh (chánh biến tri) hiện lên cùng khắp không gian thời gian.

**Hỏi: Nghi tình có phải trong “Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến” không?**

Đáp: Nghi tình là không biết của bộ óc, nhưng khác hơn không biết của ngủ mê, không biết của chết giấc, không biết của bệnh tâm thần. Nhờ câu thoại đầu khởi lên không biết đụng với tánh ham biết của bộ óc mới tự thành nghi tình. Tham, sân, si, mạn, nghi khác xa với nghi tình.

**Hỏi: Con tin Phật không còn nghiệp quả, vậy trong đời của Phật có những lần đau bệnh, có phải Phật muốn cho chúng sanh biết ở đời đã mang thân người đều phải qua 4 giai đoạn sanh, lão, bệnh, tử không?**

Đáp: Phải rồi! Phật thị hiện có sanh phải có tử, có sanh tử thì có bệnh có già, như tôi bây cũng già rồi, không biết ngày nào sẽ chết. Sanh với chết làm nhân với nhau, không lìa nhau được. Bây giờ mình chưa chết phải giải quyết vấn đề chết, nên nói “sanh tử là việc

lớn”. Người đời không giải quyết sanh tử chính mình, lại muốn phát tài, có thể lực mạnh. Nhưng thể lực mạnh hay có nhiều tiền sau khi chết không còn. Thấy người ta chết không biết sợ, đến chừng mình gần chết mới biết sợ.

Như bác sĩ nói mình bệnh ung thư 3 tháng sau chết, lúc đó rất sợ, ăn ngủ không yên. Sự thật, người nào cũng mang bệnh ung thư. Tại sao? Vì có sanh đờ ngày chết, như bệnh ung thư là đờ ngày chết vậy. Mình đâu biết mình ngày nào chết, có khi người bệnh ung thư chưa chết; mà mình lại chết trước. Có người hôm nay thấy gặp, ngày mai bị đụng xe chết. Cho nên trước khi chết, mình phải giải quyết vấn đề chết; đừng để gần chết rồi sợ, vậy đâu kịp! Phật Thích Ca truyền pháp môn Tổ Sư Thiên muốn dạy mình giải quyết trước khi chết, nếu đờ đến lúc lâm chung làm sao giải quyết?

**Hỏi: Như lai nói “nhứt thiết hiền thánh giai dĩ vô vi pháp đẳng hữu sai biệt”. Kính xin Thiên sư giải thích?**

Đáp: Pháp vô vi là quả cùng tốt, tức là Phật tánh; vì không có số lượng, không có hình tướng, gọi là pháp vô vi. Tu là phát hiện Phật tánh không có hình tướng, không có số lượng. Nhưng trên đường tu có nhiều giai cấp (Giáo môn), theo Giáo môn đi tới quả Phật (Diệu giác) có 52 cấp. Thập tín có 10 cấp, Thập trụ có 10 cấp, Thập hạnh có 10 cấp, Thập hồi hướng có 10 cấp, Thập địa có 10 cấp, tổng cộng là 50 cấp thêm Đẳng giác và Diệu giác là 52 cấp. Có 52 cấp sai biệt, đến cùng tốt không còn sai biệt. Nên có câu “vì có pháp vô vi nên có sai biệt”.

**Hỏi: Năm thức chuyển Thành sở tác trí, ý thức chuyển Diệu quan sát trí. Vậy khi khởi nghi tình, ý thức không suy nghĩ có trái nghịch Diệu quan sát trí không?**

Đáp: Tại sao gọi là Diệu? Tức là không qua suy nghĩ mới gọi là Diệu, chữ Diệu trong kinh là bất khả tư nghi (không thể suy nghĩ). Hai chữ Bát Nhã là không qua bộ óc suy nghĩ mà làm qua, đó là trí huệ Phật tánh, không phải là trí huệ bộ óc. Trí huệ bộ óc phải thông qua suy nghĩ mới dùng ra được. Trí huệ Phật tánh không dịch ra trí huệ, mà dịch nguyên âm là Bát nhã, vì không phải trí huệ của thế gian; trí huệ của thế gian là dùng bộ óc suy nghĩ để làm được.

**Hỏi: Quỷ thần thuộc loài nào trong sáu loài?**

Đáp: Cõi trời cao nhất trong sáu loài (lục đạo), hạng nhì là cõi người, hạng ba là a tu la, hạng tư là súc sanh, hạng năm là quỷ, hạng sáu là địa ngục. Thần là làm quan ở đạo quỷ, như người làm quan ở cõi người cũng là người, bất quá thể lực lớn hơn người thường, khi nào miễn chức giống như người thường.

Người ta cho rằng người chết biến thành quỷ là sai lầm, do tạo nghiệp quỷ nên phải đầu thai quỷ. Nếu người chết đều biến thành quỷ làm sao có lục đạo luân hồi? Tạo nghiệp nào thì sanh ở cõi đó. Ai có phước đầu thai trong đạo quỷ gọi là thần, cho nên thường nói là quỷ thần. Đáng lẽ quỷ thần là cấp thứ năm, con người hạng nhì; quỷ thần lạy con người mới phải, trái lại con người lạy quỷ thần! Quỷ thần theo nghiệp hiện ra một chút thần thông.

**Hỏi: Một người đang hiểu biết chích một mũi thuốc bị bất tỉnh không biết gì hết, vậy cái biết người đó ở đâu?**

Đáp: Người ấy chết giấc hôn mê thì không biết cũng là tác dụng của bộ óc. Người tham thiền mượn không biết của bộ óc để chấm dứt hết tim hiểu biết, ghi nhớ biết, tùy duyên

biết của bộ óc là đến thối đầu. Nhưng vẫn còn cái không biết (nghi tình), đến chừng nghi tình bùng vỡ, cái không biết tan rã, không còn tác dụng của bộ óc. Người bị chích thuốc mê còn không biết của bộ óc, khi kích thích lên một niệm gọi là nhất niệm vô minh.

**Hỏi: Tham thiền có học thêm kiến thức không?**

Đáp: Nếu học thêm là học ở ngoài, không tin tự tâm; bởi vì học là phải biết, tham thiền cần không biết, không cho biết. Học là muốn biết là nghịch với nghi tình, chướng ngại công phu của mình tham thiền. Tin tự tâm cùng khắp không gian thời gian, không gian không có ngoài.

Trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền điều thứ nhất phá ngã chấp là “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”. Không cho đắc, không cho cầu là muốn người ta tin tự tâm cùng khắp không gian. Muốn đắc là đắc ở ngoài, ngoài còn không có thì mình đắc cái gì? Ngoài còn không có lấy cái gì để cầu? Tức là không có cái ở ngoài để cho mình đắc mình cầu, chứ không phải có đắc có cầu mà tôi không cho.

Như trong Pháp Hoa nói “có hạt châu như ý trong áo mà không biết, cho mình nghèo khổ đi ăn xin khắp nơi, đến chừng người ta chỉ trong áo có hạt châu thì giàu sang liền”. Tin Phật tánh mình sẵn có đầy đủ, thì tạo nghiệp để làm chi phải chịu luân hồi sanh tử trong lục đạo!

**Hỏi: Thế nào gọi là Phật pháp?**

Đáp: Người ta hường hiểu lầm Phật là một thần linh, chữ Phật là tiếng Ấn Độ dịch nghĩa là giác ngộ, nên gọi Phật pháp là pháp giác ngộ để đưa tất cả chúng sanh đến chỗ giác ngộ. Tại sao cần phải giác ngộ? Nếu không giác ngộ thì không được đến chỗ tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Như mình ở trong nhắm mắt chiêm bao phải chịu cái khổ trong chiêm bao, nếu mình ở trong chiêm bao thức tỉnh là giác ngộ thì tất cả khổ trong chiêm bao tự nhiên được giải thoát.

Lục tổ Huệ Năng nói trong Pháp Bảo Đàn “Phật pháp là pháp bất nhị, thiên định giải thoát chẳng phải Phật pháp”. Tại sao nói thiên định giải thoát chẳng phải Phật pháp? Vì có thiên định phải có tán loạn để đối đãi, có giải thoát phải có trói buộc để đối đãi. Phạm có đối đãi đều ở trong phạm vi tương đối là tác dụng của bộ não, cái nào qua bộ não đều có tương đối. Có tương đối thì có lợi và có hại, thường thường cái hại nhiều hơn cái lợi.

Chánh pháp của Phật pháp muốn mình từ cửa tương đối bước vào cửa tuyệt đối, tức là muốn mọi chúng sanh hưởng hạnh phúc chung, mà không có sự biến đổi tai họa, không có phiền não, không có khổ. Như chiếc bè đưa mình từ bờ sông bên này phiền não đến bờ sông bên kia hết phiền não. Tác dụng của Phật pháp là như thế.

Thế nào là khoa học? Khoa học là dùng bộ não đi tìm hiểu nghiên cứu phải ở trong tương đối thì có lợi và có hại. Cho nên, Phật Thích Ca dạy pháp thiên trực tiếp để đưa mình từ cửa tương đối đến cửa tuyệt đối.

**Hỏi: Khoa học mỗi ngày tiến bộ, đến một ngày nào thì bị sụp đổ, như nền văn minh trong quá khứ, lúc đến cực thịnh rồi suy tàn biến mất. Kính xin Thầy khai thị?**

Đáp: Định luật theo nhà Phật có thành, trụ, hoại, không. Bây giờ là thời kỳ đang trụ, qua thời trụ từ từ hoại, hoại rồi mất. Khoa học cũng ở trong vũ trụ này, vũ trụ biến mất thì các thứ trong vũ trụ cũng mất luôn. Nhà khoa học biết quả đất này sẽ bị tiêu diệt.

**Hỏi: Giáo môn cũng phải đi từ nghi tới ngộ, vậy cái nghi của Giáo môn ra sao?**

Đáp: Giáo môn ở Trung Quốc có 4 tông: Thiên thai, Hiền thủ, Tam luận, Duy thức. Những người tu chỉ quán là tu pháp thiền của tông Thiên thai. Chỉ quán của tông Thiên Thai gồm có tam chỉ tam quán. Tam chỉ là Hệ duyên chỉ, Tùy duyên chỉ, Thễ chơn chỉ. Tam quán là Giả quán, Không quán, Trung quán. Ban đầu quán tất cả pháp đều là giả, nhưng quán riết thấy giả không phải thật giả thì quán không, quán không chẳng phải thật không, rồi quán trung, mà trung không có chỗ trung thì phát nghi gọi là Thễ chơn chỉ; tức là thễ cứu chỗ chân thật, chỗ chân thật không thễ biết được.

Biết được là cái giả, cái không, cái trung; nhưng những cái đó đều không phải, tự động phát nghi, nên gọi là Thễ chơn chỉ. Đó thuộc về Giáo môn, tức là qua Hệ duyên chỉ (hệ là cột tâm ở dưới đan điền, duyên như con khỉ nhảy qua lại, rồi đem cột một chỗ), sau rồi Tùy duyên chỉ cũng như Giả quán, coi cái này cái kia không phải thật thì tâm không bị dính mắc, được ngưng tâm phan duyên. Đến Thễ chơn chỉ là tự nhiên phát nghi.

Nhưng Thiên Tông bước đầu đã phát nghi, nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình; còn Giáo môn cuối cùng mới phát nghi, do nghi đến ngộ là chứng quả. Người tu Tịnh Độ được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc chuyển qua tham thiền phát nghi được ngộ. Bởi vì tất cả ngộ đều phải do nghi, chữ Phật là nghĩa giác ngộ, muốn giác ngộ phải nghi. Nghi là nhân, ngộ là quả; có nhân phải có quả, tất cả pháp môn nào và nhà khoa học đều cũng vậy.

Như Newton thấy trái bôm từ trên cây rớt xuống đất, ông phát nghi “tại sao trái bôm từ trên cây không rơi lên trời, mà rớt xuống đất?” Ông phát minh được hấp dẫn lực của vạn hữu. Nhưng nhà khoa học dùng bộ óc đi tìm hiểu, nghiên cứu vẫn còn ở trong tương đối, ông chỉ phát minh pháp thế gian, không phát minh chính mình thì không làm chủ cho mình, nên không được tự do tự tại và không giải thoát tất cả khổ.

Nghi tình của Phật pháp là nhờ hỏi câu thoại đầu khởi lên không biết của bộ óc chấm dứt cái biết của bộ óc, để cái biết Phật tánh hiện lên cùng khắp không gian thời gian, không còn chỗ nào mà không biết, không lúc mà không biết. Như cái biết của bộ óc không cùng khắp thời gian thì ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết. Cái biết của Phật tánh thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc vẫn biết, chết rồi vẫn biết. Nếu chết rồi không biết thì có gián đoạn, không cùng khắp thời gian, không phải cái biết của Phật tánh.

**Hỏi: Đạo Phật có giải thoát hết cả loài người không? Đạo Phật có thể làm cho toàn thể thế giới này hết sự khổ đau không?**

Đáp: Phật pháp là muốn cho mình giác ngộ, khi giác ngộ thì tự mình chứng tỏ hiện tượng thế giới này, tất cả đều do tâm mình tạo ra; chúng sanh do tâm mình tạo đều độ hết; tức là dùng tự tánh Phật độ tự tánh chúng sanh. Đây trong Pháp Bảo Đàn có giải thích. Bây giờ do bộ óc nhận thức mình cho tất cả đều là thật, đối với Phật pháp chỉ là chiêm bao. Tất cả chúng sanh, vũ trụ đều ở trong chiêm bao. Theo Duy thức học có hai thứ chiêm bao: nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao.

Ban đêm ngủ chiêm bao, thấy thân chiêm bao tiếp xúc thế giới chiêm bao, tiếp xúc cái tách, cái bình... đều có thật; tiếp xúc nóng lạnh biết lạnh nóng, thân chiêm bao bị người ta đánh biết đau. Giả sử trong chiêm bao có thiện tri thức thuyết pháp rất hay, giải thích cái tách, cái bình đều không thật, luôn cả thân không thật; mà thân chiêm bao không thễ

tin. Tại sao? Vì tiếp xúc cái nào cũng thấy thật, sao nói không thật! Sao nói thân tôi không thật mà người ta đánh tôi biết đau? Khi thức tỉnh khỏi cần thiền tri thức nói, tự mình chứng tỏ những thật chất ở đâu? Luôn cả thân chiêm bao không tìm ra. Đó là nhắm mắt chiêm bao, người nào cũng có kinh nghiệm.

Tôi đang giảng và các vị đang nghe là mở mắt chiêm bao, tiếp xúc cái gì cũng thấy có thật. Bát Nhã Tâm Kinh nói “ngũ uẩn, lục căn, lục trần, lục thức, Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên, Trí huệ Bồ tát, Niết bàn đều không thật”. Nếu theo pháp môn thiền trực tiếp do Phật đích thân truyền mà thực hành sẽ đến chỗ giác ngộ. Lúc giác ngộ là ở trong chiêm bao thức tỉnh thì tự mình chứng tỏ, gọi là chứng ngộ. Như nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh vậy, chứng tỏ những cái mình tiếp xúc được là không thật. Nếu chứng tỏ tất cả đều ở trong chiêm bao thì tất cả chúng sanh đều được độ.

Kinh Kim Cang nói “độ tất cả chúng sanh, nhưng không thấy một chúng sanh nào được độ”, tức tự tâm Phật độ tự tâm chúng sanh. Người nào chưa ngộ phải chịu sanh tử luân hồi, là từ chiêm bao này qua chiêm bao khác không ngừng. Nếu người đã ngộ thì không còn trở lại trong chiêm bao. Nhắm mắt chiêm bao ngủ đã tự thức, có thể đem sau chiêm bao lại; mở mắt chiêm bao không bao giờ tự thức, phải tham thiền đến giác ngộ mới thức tỉnh. Thành Phật không trở lại làm chúng sanh.

**Hỏi: Thượng tọa nói “Phật nghĩa là giác ngộ, Phật pháp đưa con người đến chỗ giác ngộ, giác tánh của mỗi người đều giống”. Vậy làm thế nào thấy được giác tánh đó?**

Đáp: Phật Thích Ca nói “tôi thuyết pháp 49 năm, nhưng chưa từng nói một chữ”. Tại sao? Vì Phật thuyết trong kinh điển đều phải qua văn tự lời nói, qua văn tự lời nói đều là tác dụng của bộ óc, không phải là giác tánh (giác ngộ). Qua bộ óc suy nghĩ là không phải giác ngộ, giác ngộ không qua bộ óc suy nghĩ. Cho nên, cuối cùng Phật truyền pháp thiền trực tiếp là Tổ sư thiền.

Tại sao gọi là Tổ sư thiền? Phật truyền cho Ma Ha Ca Diếp làm sơ tổ, Ma Ha Ca Diếp truyền cho A Nan là nhị tổ, A Nan truyền cho Thương Na Hòa Tu làm tam tổ; từ Tổ từ Tổ truyền xuống Bồ Đề Ma là Tổ thứ 28. Bồ Đề Đạt Ma qua Trung Quốc làm sơ tổ, rồi truyền cho Huệ Khả làm nhị tổ, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán làm tam tổ, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín làm tứ tổ, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn làm ngũ tổ, Hoằng Nhẫn truyền cho Huệ Năng làm lục tổ.

Đến Lục Tổ là người không biết chữ, mà danh tiếng cùng khắp. Bởi vì nơi tự tâm sẵn có, không phải do học; những gì qua bộ óc học không bằng Lục Tổ tự ngộ. Muốn phát hiện giác tánh của mình phải tham Tổ sư thiền. Ngày xưa chư Tổ dùng các cơ xảo cho người tham thiền mau được chứng ngộ.

Các chùa Việt Nam phần nhiều thuộc dòng Lâm Tế, nhưng không biết thiền Lâm Tế, ngài Lâm Tế trước kia ở trong hội Hoàng Bá, thầy truyền pháp là Hoàng Bá, ở trong hội 3 năm không có học hỏi gì.

Thủ tọa Mộc Châu là người kiến tánh triệt để, biết Lâm Tế là một pháp khí, sau này sẽ thành tựu lớn, nên bình thường đối với Lâm Tế rất tốt. Một hôm, gặp Lâm Tế hỏi: Đền đây ở bao lâu rồi?

Lâm Tế đáp: được 3 năm.

Mộc Châu hỏi: có hỏi Phật pháp với Hòa thượng Hoàng Bá không?

Lâm Tế đáp: không.



Mộc Châu hỏi: tại sao không đi hỏi?

Lâm Tế đáp: không biết hỏi cái gì.

Mộc Châu nói: hỏi “thế nào đại ý của Phật pháp?”

Lâm Tế đến hỏi Hoàng Bá: thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì bị đánh đập đuổi ra, lúc đó đã phát khởi nghi tình, đang tham thiền nhưng tự mình không biết, cứ nghi “tại sao hỏi Phật pháp đâu có lỗi gì mà bị đánh đập đuổi ra?” Đó là cơ xảo của Tổ Sư Thiền tông.

Hôm sau đi gặp Mộc Châu, Mộc Châu hỏi: có đi hỏi không?

Lâm Tế đáp: có.

Mộc Châu hỏi: thế nào?

Lâm Tế đáp: khi câu hỏi vừa dứt bị đánh đập đuổi ra, không biết lỗi chỗ nào?

Mộc Châu nói: hãy đi hỏi nữa đi.

Lâm Tế nói: đã hỏi bị đánh đập đuổi ra, còn hỏi gì nữa!

Mộc Châu nói: kỳ này khác, hãy đi hỏi nữa đi.

Lâm Tế đến hỏi Hoàng Bá: thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt, bị đánh đập đuổi ra.

Hôm sau gặp Mộc Châu, Mộc Châu hỏi: như thế nào?

Lâm Tế đáp: cũng như kỳ trước, bị đánh đập đuổi ra.

Mộc Châu nói: hãy đi hỏi lần nữa!

Lâm Tế nói: thôi thôi, hỏi hai lần bị đánh đập đuổi ra còn hỏi gì nữa!

Mộc Châu nói: làm việc gì cũng phải 3 lần, hãy đi hỏi lần nữa đi.

Kỳ này, Lâm Tế ráng đến hỏi Hoàng Bá: Thế nào là đại ý của Phật pháp?

Câu hỏi vừa dứt thì bị đánh đập mạnh đuổi ra, Lâm Tế liền đi gặp Mộc Châu, nói: Tôi không muốn ở đây nữa (lúc đó nghi tình muốn bùng vỡ mà tự mình không biết).

Mộc Châu nói: muốn đi hãy đến từ giả Hòa thượng.

Lâm Tế đến từ giả Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi: muốn đi đâu?

Lâm Tế đáp: chưa biết.

Hoàng Bá nói: bây giờ khởi cần đi chỗ khác, đi lại chỗ Thiền sư Đại Ngu ở Cao An Thăng sẽ có lợi ích.

Lâm Tế không biết cơ xảo của thầy, nên muốn bỏ đi chỗ khác, đến Cao An Thăng gặp Đại Ngu. Đại Ngu hỏi: từ đâu đến?

Lâm Tế đáp: từ Hoàng Bá đến.

Đại Ngu hỏi: Hoàng Bá có dạy bảo gì không?

Lâm Tế đáp: 3 lần hỏi Phật pháp, 3 lần bị đánh đập, không biết lỗi ở chỗ nào?

Đại Ngu nói: Hoàng Bá từ bi đối với ông như vậy, mà còn hỏi lỗi ở chỗ nào!

Lúc ấy Lâm Tế nghe ngộ liền triệt để.

Bởi vì nghi tình đến mức, được Đại Ngu nói trắng ra thì ngộ liền. Lập tức trở lại Hoàng Bá. Hoàng Bá hỏi: sao trở về mau vậy? Có đi Đại Ngu không?

Lâm Tế đáp: có.

Hoàng Bá hỏi: Đại Ngu nói thế nào?

Lâm Tế kể chuyện gặp Đại Ngu. Hoàng Bá nói: Đại Ngu sao nhiều chuyện quá, sau này gặp sẽ cho bặt tai.

Lâm Tế nói: khỏi cần sau này, bây giờ cho liền. Lâm Tế liền đánh một bạt tai Hoàng Bá. Hoàng Bá cười lên.

Tại sao đánh bạt tai Hoàng Bá mà Hoàng Bá lại cười? Vì Hoàng Bá biết Lâm Tế đã ngộ và có một pháp tử được nối huệ mạng của Phật, cho nên thấy vui mà cười. Cơ xảo của Tổ trong Thiền Tông rất nhiều, kể trong Truyền Đăng Lục có 1.700 công án.

**Hỏi: Tánh giác toàn thể ai ai cũng có, nhưng chúng con vẫn mơ hồ chưa rõ. Tánh giác là cái gì, làm sao biết mình có tánh giác?**

Đáp: Tánh giác là giác ngộ, khi giác ngộ mới biết; chưa giác ngộ có đoán mò cũng là bộ óc, cái biết của bộ óc không thể biết cái biết của giác tánh. Tại sao? Vì cái biết của bộ óc không cùng khắp, nên không đúng sự thật, theo Phật pháp là cái biết bệnh; cái biết của giác tánh cùng khắp không gian thời gian là tướng mạnh.

Tham thiền là muốn hiện ra tướng mạnh, nếu còn tướng bệnh thì tướng mạnh không hiện ra. Tại sao? Vì tướng bệnh là xanh vàng ốm yếu, tướng mạnh là hồng hào; khi còn xanh vàng ốm yếu thì tướng hồng hào làm sao hiện ra? Phải hết xanh vàng ốm yếu thì hồng hào hiện ra. Cho nên, dùng tướng bệnh không thể đi tìm tướng mạnh, càng tìm càng xa. Vì tướng bệnh còn thì tướng mạnh không có dịp hiện ra.

Pháp thiền trực tiếp của Phật Thích Ca truyền là muốn đóng bít tác dụng của bộ óc, tức là cho tướng bệnh sạch hết rồi tướng mạnh tự hiện ra. Lúc tướng mạnh hiện ra là thấy tánh thành Phật (thấy được giác tánh) cùng khắp không gian thời gian. Bây giờ mình chưa giác ngộ thì không thể hiểu được, nếu chỉ theo lời Phật để hiểu là sai lầm. Tại sao?

Phật trong kinh có thí dụ: Người mù bẩm sinh (chưa ngộ) không thấy mặt trời hỏi người mắt sáng (ngộ rồi). Người mắt sáng diễn tả mặt trời tròn với nóng, người mắt sáng nói đúng nhưng người mù cho tròn với nóng là sai. Vì tròn với nóng đâu phải mặt trời.

Tôi quen biết với ông Trương, quý vị không gặp ông Trương nên không biết mặt mũi ông Trương ra sao. Tôi diễn tả hình dáng của ông Trương rất kỹ, nhưng các vị gặp ông Trương ngoài đường cũng không biết. Khi nào gặp ông Trương, tôi giới thiệu trước mặt cho các vị thì sau này các vị gặp ông Trương liền biết. Vì qua lời nói là không đúng sự thật.

Nếu nói giác tánh như thế nào cho mình biết thì mình khỏi tu, khỏi cần ngộ. Do nói không được, nói là không phải; nói là qua văn tự lời nói, nên Phật nói trong kinh đều không phải. Vì vậy, Phật nói “tôi thuyết pháp 49 năm, nhưng chưa từng nói một chữ”. Mục đích Phật muốn tất cả chúng sanh trị hết bệnh mù, tự mình đích thân thấy. Mặc dù, Phật đã ngộ nói cho người mù biết cũng không thể được.

**Hỏi: Có phải chân tâm là tánh giác không?**

Đáp: Phải! Chân tâm là tánh giác, tức là bản tâm chân thật của mỗi chúng sanh. Tại sao gọi là tánh giác? Vì có tánh giác ngộ, giác ngộ là tự mình tự thấy tự biết; cho nên gọi là tánh giác.

**Hỏi: Phật pháp là pháp bất nhị, con không hiểu rõ pháp bất nhị là pháp gì? Có phải pháp bất nhị là pháp không hai, nếu là không hai thì còn một. Vậy Phật pháp là pháp một, vì có một nên có hai để đối đãi, như thế nghĩa là sao?**

Đáp: Bất nhị là không có tương đối, không phải một; nếu kiến lập một thì có hai có ba, cho đến muôn ngàn. Nhị là tương đối, không có tương đối thì không có đồng và khác. Tại sao? Nếu có đồng phải có cái này đồng với cái kia, có hai mới đồng được; rồi nói khác phải có hai, cái này khác với cái kia. Bất nhị không có tương đối, không có tương đối thì không có đồng, không có khác. Nói một tức là đồng, không được. Số 1 là con số đầu tiên, có 1 có 2 có 3 có con số muôn ngàn.

Chân tâm của mình là siêu việt số lượng, cùng khắp không gian thời gian; cùng khắp không gian thì không có số lượng. Tại sao? Vì ngoài không gian không còn không gian nữa, không có hai không gian; không gian không có biên giới, siêu việt số lượng không thể nói là một, không thể nói là nhiều. Chính bản thân số lượng không thể nói con số nào lớn nhất hay nhỏ nhất. Vì số lượng không có bản thể nên không có cái gì để tính toán để có số lượng. Giác tánh không có hình thể, là thể tinh thần cùng khắp không gian thời gian.

Như ánh sáng của đèn, những người học khoa học biết ánh sáng cùng khắp không gian; ánh sáng có hình tướng, mình thấy nhưng cùng khắp không gian mà không có số lượng; hướng là giác tánh mình thấy không được. Ánh sáng của đèn có đèn lớn đèn nhỏ, đủ thứ đèn phát ra ánh sáng cùng khắp không gian, không thể chỉ ra ánh sáng nào thuộc cây đèn lớn, ánh sáng nào thuộc cây đèn nhỏ; không thể phân biệt được, vì ánh sáng cùng khắp, siêu việt số lượng, nên không thể chỉ.

Giác tánh của mình cũng vậy, vì muôn dùng lời nói của thế gian để nói; cho nên chỉ nói là bất nhị, không có tương đối chứ không phải là một.

**Hỏi: Các vị Tổ sư ngày xưa chỉ thẳng vào tâm thấy tánh thành Phật, như ngài Đạt Ma chỉ bày pháp an tâm, ngài Huệ Năng chỉ luận kiến tánh khế hiệp ngộ ý là xong, chứ đâu có tham thoại đầu như ngày nay. Vậy thưa Thiền sư tham thoại đầu bắt đầu vào thời kỳ nào? Và Tổ sư thứ mấy đặt ra và vì sao mà đặt ra?**

Đáp: Trước đời nhà Tống có cuốn Truyền Đăng Lục ghi lịch sử Thiền Tông chưa ra đời thì không có tham công án tham thoại đầu, tất cả Tổ sư đều dùng cơ xảo, như vừa rồi tôi kể ngài Lâm Tế hỏi pháp bị đánh đập đuổi ra là cơ xảo của Tổ sư.

Thiền sư Sùng Tín làm thị giả cho Đạo Ngộ được 3 năm, mà thầy không dạy bảo, không khai thị gì hết. Lúc đó Sùng Tín bắt đầu nghi “tôi xuất gia là muốn cầu giải thoát, thầy không dạy gì làm sao giải thoát?” Đã khởi lên nghi tình mà tự mình không biết, cứ nghi trong bụng hoài, nghi tức là tham thiền. Đó là cơ xảo của thầy mà Sùng Tín không biết, nghi tình quá mạnh muốn bùng vỡ, lại từ giả thầy, nói “bây giờ con muốn đi chỗ khác học Phật pháp”.

Đạo Ngộ hỏi: sao vậy?

Sùng Tín nói: con ở đây 3 năm, nhưng thầy không dạy bảo gì làm sao được giải thoát?

Đạo Ngộ nói: ngày nào tôi cũng khai thị, tại sao nói không khai thị?

Sùng Tín nói: Thầy khai thị gì đâu?

Đạo Ngộ nói: người bới cơm thì tôi ăn, rót trà thì tôi uống, đánh lễ tôi gật đầu, chỗ nào không khai thị!

Sùng Tín nghe liền ngộ.

Đó là cơ xảo của thầy, vì thầy chỉ làm cho trò phát nghi tình; không dạy bảo, không khai thị cũng là cơ xảo của Tổ sư. Lúc đó không cần tham công án tham thoại đầu, tham công

án tham thoại đầu là bất đắc dĩ. Tại sao? Bởi do cuốn đầu tiên là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, tức lịch sử Thiền Tông được ghi từ thời vua Cảnh Đức đời nhà Tống. Đáng lẽ Tổ sư khai thị không cho học trò ghi, nhưng nhiều người ham tri kiến ghi lén, sau này tập trung lại tất cả cơ xảo của Tổ sư ghi trong đó. Những người tham thiền đọc biết cơ xảo, Tổ sư có đánh đập, chửi mắng... cách mấy cũng không phát lên nghi tình.

Nếu không nhờ câu thoại đầu phát lên nghi tình thì không thể đến ngộ, nhờ câu thoại đầu là biết mình tham thiền rồi, muốn đạt đến chỗ chân tham rất khó. Ngài Lai Quả nói “vô tham mới là chân tham”, vô tham không phải là không có tham, là mình đang tham mà mình không biết mình tham. Cơ xảo của Tổ làm cho mình tham nhưng không biết mình tham.

Như ngài Sùng Tín và ngài Lâm Tế đang tham nhưng không biết mình tham, cho nên bước đầu tiên là đến chân tham. Bây giờ dạy tham công án tham thoại đầu đã biết mình tham, muốn đạt chỗ chân tham phải qua năm mươi năm mới có thể được. Cho nên đời sau người tham thiền kiến tánh rất ít.

Lục Tổ có 43 người kiến tánh, Mã Tổ có 139 người kiến tánh; lúc ấy Trung Quốc phần nhiều là Tông lâm có người kiến tánh rất nhiều. Còn dùng cơ xảo, Thiền Tông có chia làm 5 phái (Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng, Vân Môn). Sau này cơ xảo dùng không được thì 5 phái hợp lại thành một, tông phái nào cũng tham thoại đầu, tham công án. Nhờ công án thoại đầu phát khởi nghi tình, rồi từ nghi đến ngộ. Phật Thích Ca truyền pháp môn này là từ nghi đến ngộ.

### **Phần 3**

**Hỏi: Trong câu “duy tâm sở hiện và nhất thiết duy tâm tạo”, chữ tâm đó vừa là chân tâm cũng là vọng tâm phải không?**

Đáp: Nói “duy tâm”, tâm này là vọng tâm cũng là tác dụng của bộ óc. “Nhất thiết duy tạo” đều là do bộ óc nhận thức sai lầm, mới có hiện tượng thế giới vũ trụ vạn vật này. Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô vô minh diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”, không có già chết làm sao có già chết hết, già chết hết là Niết bàn; vô minh vốn không có làm sao hết vô minh, hết vô minh thành Phật. Phật nói không có sanh tử, nhưng thấy sanh tử rõ ràng, người nào cũng có sanh tử. Tại sao Phật nói không có sanh tử? Vậy Phật nói gạt mình sao! Vì sanh tử đó là do vọng tâm hoạt động mới có.

Như thân mình xoay phải thấy căn nhà xoay, tâm mình hoạt động phải thấy sanh tử luân hồi; muốn căn nhà ngưng xoay thì thân ngưng xoay, muốn sanh tử không còn thì tâm ngưng hoạt động. Tâm hoạt động ban đêm tạo ra cảnh nhắm mắt chiêm bao, trong Duy thức gọi là độc đầu Duy thức biến hiện. Một mình ý thức biến hiện ra nhắm mắt chiêm bao.

Ban đêm ngủ, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân (ngũ căn), 5 thức này ngưng hoạt động, chỉ có một mình thức thứ 6 hoạt động biến ra cảnh nhắm mắt chiêm bao. Cho nên mình ngủ trong phòng mà không thấy đồ vật trong phòng, nhưng thấy xa thấy Việt Nam, bên Tây, bên Tàu... đó gọi là pháp trần. Đối với ngũ căn gọi là tiền trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Lúc ngũ căn trước ngưng hoạt động thì ngũ trần trước không thấy được, chỉ là thấy pháp trần; tức là thấy ở xa, thấy quá khứ, thấy vị lai. Như chứng quả A la hán thấy được 80 muôn kiếp trước và 80 muôn kiếp sau đều do tâm mình. Tâm mình hoạt động tự nhiên thấy có sanh tử luân hồi.

Mở mắt chiêm bao gọi là đồng thời ý thức biến hiện. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, 5 thức này hoạt động bình thường và thức thứ 6 cùng hoạt động. Nhĩ thức nghe tiếng nhưng nhĩ thức không phân biệt tiếng người lớn, tiếng con nít, tiếng đàn ông, tiếng đàn bà..., phải có thức thứ 6 đồng thời nổi lên, mới phân biệt tiếng đàn ông, tiếng đàn bà... được rõ ràng. Nếu chỉ có thức thứ 6 không nghe được tiếng thì lấy gì để phân biệt. Cho nên, phải hai thức hợp tác đồng thời nổi lên biến hiện ra mở mắt chiêm bao.

Do vọng tâm biến hiện, tức là bộ óc nhận biết sai lầm mới có. Như mình thấy một bức tranh đẹp, thấy có cao thấp rõ ràng thành một bức tranh đẹp là do có cảm giác sai lầm, nếu dùng tay sờ thì biết không có cao thấp; không có cao thấp thì không thành bức tranh. Mình coi chiếu phim giống như thật, do cảm giác sai lầm nên thành tựa cuốn phim. Nếu không có cảm giác sai lầm thì cuốn phim đó thành những bức tranh chết.

Hiện tượng thế giới vũ trụ vạn vật, muôn ngàn sai biệt là do nhận thức sai lầm của bộ óc; cho nên gọi là nhất thiết duy tâm tạo. Nếu mình ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì sai lầm hết là đến chỗ chân thật (chân tâm), nên tất cả tai họa phiền não không còn. Chỗ chân thật không có tương đối, nếu các chúng sanh đi đến chỗ giác ngộ, như tất cả đèn đều chung một ánh sáng; tức là hưởng cùng một hạnh phúc chung, chứ không còn xảy ra tai họa. Như bây giờ chiến tranh Trung đông ảnh hưởng khắp thế giới, người trực tiếp ảnh hưởng bị chết, người gián tiếp chịu cuộc sống nặng nề thêm.

#### ***Hỏi: Làm sao phân biệt vô thi vô minh với tự tánh?***

Đáp: Vô thi vô minh mà bây giờ tôi nói tham thoại đầu. Tại sao gọi là thoại đầu? Thoại là một lời nói, đầu là trước khi một lời nói; mình muốn nói một lời nói phải khởi niệm lên rồi nói ra. Thoại đầu là chưa khởi niệm muốn nói, nếu khởi niệm muốn nói nhưng chưa nói ra miệng gọi là thoại vi. Tham thiền gọi là tham thoại đầu, dùng nghi tình là một niệm chưa sanh khởi, chỗ đó gọi là vô thi vô minh.

Ví dụ trên đầu cây viết là thoại đầu, dưới đầu cây viết là thoại vi; đề câu thoại đầu lên như “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không hiểu không biết. Không biết này là nghi tình cũng là đường đi của ý thức, dùng không biết của ý thức đang đi giữa đường, một ngày kia đến thoại đầu thì đường đi ý thức đã hết, trước thấy thanh thanh tịnh tịnh không còn gì nữa, chỗ đó là thoại đầu cũng là vô thi vô minh. Ngoại đạo và Tiểu thừa đến chỗ này cho là đến cứu cánh Niết bàn. Sự thật chỗ này còn dính líu ý thức, chỗ này là nguồn gốc của ý thức. Chính chỗ này là vô thi vô minh, nổi lên một niệm gọi là nhất niệm vô minh.

Bây giờ mình sống hằng ngày trong tương đối đều là nhất niệm vô minh, từ nhất niệm này qua nhất niệm kia ngày đêm không ngừng; ban đêm hiện ra cảnh giới nhắm mắt chiêm bao, ban ngày hiện ra cảnh giới mở mắt chiêm bao. Tham thiền là dùng nhất niệm vô minh đi đến chỗ vô thi vô minh. Thiền Tông gọi là đầu sào trăm thước, từ đầu sào trăm thước bước lên một bước là kiến tánh, tức là rời khỏi ý thức. Sát na rời khỏi ý thức là kiến tánh, tức là phá vô thi vô minh.

Kiến tánh của Thiền Tông cũng có tiểu ngộ và đại ngộ:

Tiểu ngộ gọi là tiểu tử tiểu hoạt, như ngài Lai Quả nói “từ đầu sào trăm thước tiến lên một bước lọt vào hư không té xuống cho chết rồi sống lại”. Mặc dù té chết nhưng còn cái xác, sống lại gọi là tiểu tử tiểu hoạt. Đại tử đại hoạt là té chết mà cái xác tan rã hết rồi sống lại. Cái xác đó dụ cho cảnh giới ngộ, cũng như Tiểu thừa chứng quả A la hán còn

ôm quả A la hán cho là thật, không buông; cho nên bị Phật quở “tiêu nha bại chủng” (hạt lúa cháy không làm hạt giống).

Đại ngộ không trụ nơi cảnh giới ngộ, cho nên nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Tại sao? Vì có mê mới có ngộ, nếu ngộ triệt để thì không có mê; hết mê phải hết ngộ, vì không có sự mê ngộ làm tương đối. Tiểu ngộ còn ôm cái ngộ, tức là trụ nơi ngộ thì còn mê để tương đối. Lúc đại ngộ thì luôn cái ngộ cũng không còn, nếu còn có ngộ nên còn có mê; tức là cái xác cũng tan rã, không còn cái gì nữa. Tự tánh mình cùng khắp không gian thời gian, không trụ ở chỗ nào. Như kinh Kim Cang nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” là không trụ nơi nào gọi là vô sở trụ.

Ví dụ cái tay cho chân tâm hoạt bát vạn năng, lấy cái tách, cây viết, cái bình... đều được; nếu trụ cây viết thì lấy cái gì không được, nên cần buông cây viết để khôi phục cái dùng của tay. Cây viết này là pháp có, lại tự làm nắm tay thì cái dùng của tay bị mất nên lấy thứ gì cũng không được. Vì vậy, nắm tay cũng phải buông mới khôi phục cái dùng của tay. Hoạt bát vạn năng của giác tánh là chân tâm mình sẵn có như vậy.

Có sở trụ thì cái dụng bị mất, trụ nơi có hay nơi không đều bị mất cái dụng; trụ nơi Niết bàn hoặc Phật cũng vậy. Vì thế, phải đại ngộ, còn tiểu ngộ bị cái ngộ chướng ngại, cái dụng không hoạt bát vạn năng. Cho nên nói “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, sanh kỳ tâm là dụng của giác tánh; phải vô trụ mới hoạt bát vạn năng thì dụng khắp không gian thời gian, gọi là Phật pháp vô biên. Lục Tổ nói “lấy vô trụ làm gốc”, nghĩa vô trụ bất nhị là nghĩa vô thi vô sanh.

**Hỏi: Pháp vô thi vô minh bằng cách nào?**

Đáp: Tham thoại đầu một ngày nào sẽ đến vô thi vô minh (thoại đầu) thì câu thoại tự mất, nhưng nghi tình ngày đêm không giây phút gián đoạn; muốn buông bỏ nghi tình cũng không buông bỏ được, tức là công phu đã thành khối 24/24. Từ thoại đầu tiến tới nữa là kiến tánh; có người bị đánh bạt tai, đi vấp té, nghe người ta hát... được kiến tánh; bất cứ thấy cơ duyên gì cũng kiến tánh, vì công phu đã đến mức (thoại đầu).

Tham thoại đầu là mục đích đến thoại đầu, đến thoại đầu rồi mình không muốn kiến tánh cũng không được. Bởi vì, đã đến nơi mà nói chưa đến làm sao được! Cứ tham thiền miên mật hỏi câu thoại đầu, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Hỏi khít khít đừng cho có kẻ hở, hỏi rồi cách một hồi nữa là có kẻ hở thì vọng tưởng nổi lên. Khi phiền não vọng tưởng nổi lên thì nghi tình bị gián đoạn, hỏi khít khít gọi là công phu miên mật không có kẻ hở, vọng tưởng phiền não không nổi lên.

Tham thiền không có kẻ hở, tham một phút thì một phút không phiền não, tham một tiếng thì một tiếng không có phiền não, tham được một ngày thì một ngày không có phiền não, như vậy liên tiếp sẽ đưa mình đến chỗ giác ngộ.

**Hỏi: Pháp môn Tổ Sư Thiền dành cho thượng căn, chúng con phàm phu hạ căn làm sao dám theo được?**

Đáp: Giác tánh vốn bất nhị không có cao thấp, không có thượng căn với hạ căn. Tâm chấp thật nên có thượng căn hạ căn. Tổ Bác Sơn của tông Tào động nói “tham thiền có thể chuyển mạt pháp thành chánh pháp, chuyển hạ căn thành thượng căn”. Giáo môn nói chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 1.000 năm và mạt pháp 10.000 ngàn năm; bây giờ là thời kỳ mạt pháp. Nói mạt pháp chuyển thành chánh pháp mà tôi chưa chứng tỏ, còn hạ căn chuyển thành thượng căn, tôi ở Việt Nam đã chứng tỏ.

Nhiều người tham thiền tự cho là hạ căn, do coi kinh Phật không hiểu, theo tôi tham thiền nửa năm một năm phát được trí huệ coi kinh hiểu. Đầu năm 1980, tôi và một số Phật tử tham đến Phật Học Viện hỏi các vị học Tăng, có cái trả lời được, có cái trả lời không được. Những học Tăng hỏi lại Phật tử thì Phật tử đều trả lời được. Chứng tỏ chuyển hạ căn thành thượng căn. Tại sao? Phật pháp là pháp bất nhị không tương đối, làm sao có hạ căn và thượng căn! Có thượng căn và hạ căn do chấp tâm mới có.

Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền có 2 cơ bản: tin tự tâm và phát nghi tình. Tin tự tâm mình có tất cả thần thông biến hóa, trí tuệ bằng Phật Thích Ca, không kém một chút nào. Nếu kém một chút là có cao thấp, không phải bình đẳng; có cao thấp là nhị, không phải lời của Phật Thích Ca nói “Phật tánh của chúng sanh và Phật tánh của chư Phật bình đẳng bất nhị”. Nếu không tin tự tâm làm sao phát hiện tự tâm? Phật pháp mục đích phát hiện tự tâm, gọi là kiến tánh thành Phật.

Tôi có đề ra 3 đứa bé gái: Long nữ 8 tuổi kiến tánh, cô bé họ Trịnh 13 tuổi kiến tánh, cô bé họ Tô 15 tuổi kiến tánh. Kinh Pháp Hoa nói “người nữ không thể thành Phật”, nhưng sự thật trong kinh Pháp Hoa có Long nữ 8 tuổi thành Phật. Không phải tu lâu hay mới tu mà nói là thượng căn hạ căn. Lục Tổ là người không biết chữ mà kiến tánh, người ta nói là Bồ tát tái lai. Chư Tổ nói “ai nói Bồ tát tái lai là vọng”. Vì, Phật tánh của mình, Phật tánh của Bồ tát và chư Phật đều bằng nhau. Kiếp trước đã gieo trồng thiện căn thì kiếp này mau kiến tánh.

Cho nên, đừng tin Lục Tổ là Bồ tát tái lai, chư Tổ cũng đã phủ nhận. Tất cả Bồ tát tái lai là tâm tạo, hiện tượng thế giới đều do tâm tạo. Ban đêm ngủ tạo ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày tạo ra mở mắt chiêm bao. Người đời chỉ cho nhắm mắt chiêm bao là chiêm bao, còn mở mắt chiêm bao không phải chiêm bao. Nhưng sự thật mở mắt chiêm bao cũng là chiêm bao. Tại sao? Vì một thức biến hiện và hai thức biến hiện đều là thức. Thức (tâm) biến hiện là chiêm bao, nên Phật nói “tất cả do tâm tạo”.

Tâm tạo nên không phải thật, vì vậy Phật dạy pháp thiền trực tiếp để đến chỗ giác ngộ, tự mình chứng tỏ. Như nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh, chứng tỏ nhắm mắt chiêm bao không thật; mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì chứng tỏ mở mắt chiêm bao cũng không thật, chỉ do tâm tạo. Đó là mục đích Phật độ chúng sanh.

**Hỏi: Kinh Viên Giác nói “thân và tâm của tất cả chúng sanh đều như huyễn”. Vậy tự tâm ở đâu sanh ra?**

Đáp: Phật đã nói là “vô thi” (không có bắt đầu), nếu thật có bắt đầu là sanh, không bắt đầu là vô sanh, cho nên người chứng quả ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Pháp đã vô sanh làm sao có câu hỏi trên? Vậy không thể nói từ đâu sanh ra! Truy cứu tất cả vũ trụ vạn vật không cái nào có lý bắt đầu.

Như con gà và trứng gà, nói con gà trước tiên được không? Không được. Tại sao? Vì không có trứng gà thì không ấp ra con gà. Trái lại, nói trứng gà bắt đầu được không? Cũng không được. Tại sao? Không có con gà thì không đẻ ra trứng gà. Hai cái đều không có bắt đầu là nghĩa vô sanh.

Cái bàn làm bằng cây, nói cây bắt đầu được không? Không được. Không hạt cây làm sao mọc lên cây! Nói hạt cây bắt đầu được không? Không được. Không có cây thì không sanh ra hạt cây. Cũng như con gà và trứng gà vậy.

Người cho sanh là bắt đầu, chết là cuối cùng. Ngài Long Thọ là Tổ 14 của Thiên Tông có một cuốn Trung Quán Luận, trong đó có một bài kệ để thuyết minh sanh tử không có bắt đầu. Tại sao? Giả tỷ sanh là bắt đầu thì khỏi cần tử có sanh, tức lia tử, độc lập. Nếu sanh đã lia tử độc lập thì sanh khỏi tử. Nhưng bây giờ có người nào có sanh mà khỏi tử không? Không có sinh vật nào có sanh mà không có tử. Sanh với tử không thể lia nhau được, nên nói sanh bắt đầu là không đúng. Sanh tử không có bắt đầu thì tất cả đều không có bắt đầu, vì tất cả do sanh tử mới có.

**Hỏi: Kính xin Thiền sư giải thích con chó có Phật tánh không?**

Đáp: Đây là công án của Triệu Châu:

Tăng hỏi Triệu Châu: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: có.

Tăng khác hỏi: con chó có Phật tánh không?

Triệu Châu đáp: không.

Tại sao người hỏi thì nói có, người hỏi thì nói không? Vì chư Phật chư Tổ nói, ý không phải trong lời nói; chỉ dùng phương tiện phá chấp của đương cơ. Người chấp có Phật tánh thì nói là không, dùng cái không để phá chấp có. Người chấp không thì nói có, dùng cái có để phá chấp không. Đó là nghĩa vô sở trụ, kinh Lăng Già nói “lia tứ cú, tuyệt bách phi”. Tứ cú là gì? Có là cú thứ nhất, không là cú thứ nhì, cũng có cũng không là cú thứ ba, chẳng có chẳng không là cú thứ tư.

Chúng sanh chấp cái có thì Phật nói không, dùng cái không làm công cụ để phá; chúng sanh chấp cái không thì Phật thấy bệnh chấp vẫn còn, dùng cái có làm công cụ để phá; chúng sanh thấy Phật phá có phá không cho là chẳng có chẳng không thì chấp chẳng có chẳng không nên bệnh chấp vẫn còn, Phật phải dùng cũng có cũng không để phá; cuối cùng cho cũng có cũng không là chân lý, chấp cũng có cũng không cũng là bệnh nên Phật trở lại dùng chẳng có chẳng không để phá.

Như vậy tứ cú đều phá hết, có cũng phá, không cũng phá, chẳng có chẳng không cũng phá, cũng có cũng không cũng phá, gọi là lia tứ cú; tức là không trụ nơi có, không trụ nơi không, không trụ nơi chẳng có chẳng không, không trụ nơi cũng có cũng không, là nghĩa vô sở trụ. Nghĩa vô sở trụ của Phật tánh là hoạt bát vạn năng, cái dụng vô lượng vô biên. Nếu có sở trụ thì cái dụng bị mất.

Cho nên, người chấp có thì Triệu Châu nói không, người nói không thì Triệu châu nói có. Đó chỉ là dùng để phá chấp, sự thật chẳng phải có, chẳng phải không, cũng không phải chẳng có chẳng không, cũng không phải cũng có cũng không. Việc này phải tự ngộ mới biết, chưa ngộ cứ dùng bộ óc truy cứu thì ở trong tương đối hoài. Vì vậy, Phật không thể nói ra, kinh Kim Cang nói “ai nói Phật có thuyết pháp, người ấy phi báng Phật” và “không có pháp nhất định để cho Như lai thuyết” mà cũng nói “vô pháp khả thuyết gọi là thuyết pháp”.

**Hỏi: “Tuyệt bách phi” nghĩa là gì?**

Đáp: Phi là sai lầm, sai là đối với đúng cũng là tương đối, vì có đúng mới có sai và có sai mới có đúng. Nếu vô sở trụ là lia tứ cú thì tất cả đúng cũng phải lia, sai cũng phải lia. Nếu cho là sai phải có đúng để tương đối, còn nằm trong tương đối là có sở trụ, trụ chỗ sai.



Có người hỏi ngài Nguyệt Khê: tôi ăn cơm không chấp trước ăn cơm, mặc áo không chấp trước mặc áo, nói chuyện không chấp trước nói chuyện, cái gì cũng không chấp trước. Vậy có đúng với phương pháp của Thiên Tông không?

Nguyệt Khê nói: không đúng. Ông nói không chấp trước tức là đã chấp trước rồi. Nếu không chấp trước tại sao còn biết mặc áo ăn cơm? Còn biết không chấp trước? Biết không chấp trước là đã chấp trước. Bây giờ phải dùng không chấp trước để nhìn ngay vô thì vô minh mà tham cứu, tức tham thoại đầu. Sau khi ngộ tự nhiên không chấp trước. Dùng bộ óc phân biệt không chấp trước là chấp trước.

**Hỏi: Ngồi thiền nghe tiếng và thấy Phật, vậy đúng chánh pháp không? Vì Phật nói trong kinh Kim cang “nếu thấy hình và nghe tiếng cho là Phật, người ấy hành tà đạo”. Kính xin Thầy chỉ dạy?**

Đáp: Giác tánh không có hình tướng, làm sao thấy! Cho nên, kinh Kim Cang nói “nếu dùng sắc để thấy ta hay dùng âm thanh để cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy được Như lai”. Nếu có âm thanh Phật để nghe, có hình tướng Phật để thấy đều nghịch với chánh pháp. Nếu dùng cái này để dạy người thì phải bị đọa địa ngục, không những thầy đọa địa ngục mà trò cũng đọa theo (trong 50 thứ ma ngữ âm của kinh Lăng Nghiêm nói rõ).

**Hỏi: A la hán không còn sanh tử, có thể trả quả sát sanh trong lúc tu hành khi đã tạo hay vô tình tạo không?**

Đáp: Giác tánh là bất nhị, không có tương đối.

Kinh Hoa Nghiêm nói:

Nhược nhân dục liễu tri,  
Tam thế nhất thiết Phật.  
Ứng quán pháp giới tánh,  
Nhứt thiết duy tâm tạo.

Đã nói nhứt thiết duy tâm tạo thì tâm tạo mới có, tâm tạo ban đêm là cảnh giới nhắm mắt chiêm bao, tâm tạo ban ngày là cảnh giới mở mắt chiêm bao. Chiêm bao thì không thật, cho nên nói tất cả đều huyền hóa. Sát sanh ở trong chiêm bao, nếu không ra ngoài chiêm bao phải chịu nhân quả trong chiêm bao. Trong chiêm bao được thức tỉnh thì thân chiêm bao không còn, ai còn chịu quả chiêm bao?

Mười mấy năm nay người ta đi vượt biên, có nhiều tiền mới đi vượt biên được. Ở trên biển ăn hết lương thực phải chịu chết đói. Những người có tiền đâu nghĩ mình bị chết đói! Vì kiếp trước họ đã gieo nhân chết đói, đã làm cho người ta chết đói thì kiếp này phải chịu quả chết đói, có tiền cũng phải chịu chết đói.

Phật nói “nhứt thiết duy tâm tạo”, tâm lực yếu tạo nhân yếu thì cái quả kéo lại sau, tâm lực mạnh tạo nhân mạnh thì quả đến trước. Như người thiếu nợ nhiều người, chủ nợ thế lực mạnh phải trả trước, chủ nợ thế lực yếu trả sau.

Thí dụ người không có tu tâm lực 1 độ, người tu đến thành Phật tâm lực 1 triệu độ. Kiếp trước tạo cho người ta chết đói, không có tu tâm lực 1 độ, kiếp này không có tu thì tâm lực cũng 1 độ, có tiền cũng bị chết đói. Cho nên, mười mấy năm nay vượt biên chết đói biết bao nhiêu là những người có tiền, vì họ gieo nhân chết đói.

Tham thiền từ 1 độ lên 10 độ, mặc dù nhân mới làm thiện thì cái quả sẽ đến trước, nhân làm cho người ta chết đói kéo lại sau. Giả tỷ tâm lực 10 độ, mình không tham thiền nữa thì quả 10 độ hết đến tâm lực 1 độ cũng phải chịu quả chết đói. Nếu từ 10 độ mà mình không ngưng tham thiền, tiếp tục tham cho đến 1 triệu độ thành Phật. Phật nào cũng phải độ chúng sanh, những người mình làm chết đói thì có quyền ưu tiên độ trước. Tuy đã thành Phật nhưng nhân vẫn còn, mình phải trở lại độ người ấy giải thoát tất cả khổ.

**Hỏi: Khi ngộ rồi thì học nhân phải gì?**

Đáp: Lúc đó người ngộ tự biết, như nói “người uống nước lạnh nóng tự biết”. Bây giờ mình chỉ lo việc đi đến chỗ ngộ thì lúc ngộ tự biết, như Phật Thích Ca đã ngộ, ở Trung Quốc có 7.000 Tổ ghi trong lịch sử Thiền Tông đã ngộ, các vị không thể nói cho mình biết, chỉ dạy đường lối thực hành để cho mình tự ngộ. Nếu nói được thì Phật Thích Ca đã nói cho mình biết, mình khỏi cần tu, khỏi cần ngộ; việc đó người ngộ tự biết.

**Hỏi: Chấp thường kiến của ngoại đạo và tin tự tâm bất sanh bất diệt của đạo Phật khác nhau như thế nào?**

Đáp: Thường kiến của ngoại đạo là có sở trụ, Phật pháp là vô sở trụ. Thường kiến ngoại đạo chấp cái có là thật, đoạn kiến là chấp cái không là thật; tức là thường kiến ngoại đạo trụ nơi có, đoạn kiến ngoại đạo trụ nơi không. Phật pháp không trụ nơi có, cũng không trụ nơi không. Ngoại đạo và đạo Phật khác nhau là có sở trụ và vô sở trụ.

**Hỏi: Tại sao có nhiều Phật?**

Đáp: Vì có nhiều chúng sanh nên có nhiều Phật, vô lượng vô biên chúng sanh thì phải có hằng hà sa số chư Phật.

**Hỏi: Xin Thầy giải thích nguyên nhân đầu tiên, nói một cách khác là ai tạo thiên lập địa?**

Đáp: Tất cả các tôn giáo khác, ngoài đạo Phật thành lập có chỗ bắt đầu và kiến lập chân lý; còn Phật Thích Ca đã nói là vô thi, tức không có sự bắt đầu; cho nên nói là vô sanh, người chứng quả ngộ pháp vô sanh.

**Hỏi: Văn minh Do Thái, Thiên Chúa chủ trương khoa học, nhờ vậy nhân loại ngày nay càng ngày càng tốt đẹp hơn, đời sống dài hơn, phương tiện tốt hơn; tức là con người thể hiện dùng sức thần thông, Phật giáo cho là càng ngày càng xấu hơn, tuổi thọ ít hơn cho đến khi Phật Di Lặc ra đời. Kính xin Thầy giải thích?**

Đáp: Bây giờ mình thấy xã hội trước mắt: khi chưa phát minh một cái máy, phải cần 100 người làm việc để đủ một số sản phẩm, khi phát minh một cái máy chỉ cần 3 người làm việc thì sản xuất đủ một số sản phẩm, cho nên 97 người thất nghiệp. Sản xuất đồ này tiêu thụ trong thị trường, 97 người thất nghiệp thì sự tiêu thụ bớt lại, vì họ không có tiền. Nhưng đồ sản xuất lại tăng thêm, sức tiêu thụ giảm bớt.

Đó trở thành mâu thuẫn tương đối, phát minh máy móc nhiều chừng nào thì thất nghiệp nhiều chừng nấy. Những người thất nghiệp không có nghề chân chánh để sống, nên họ phải làm nghề lường gạt để sống hay có khi làm loạn trật tự xã hội. Những người có trách nhiệm giữ trật tự cũng không giữ nổi.

Lại, phát minh là tiện cho giao thông, mà bây giờ xe hơi nhiều quá làm cho giao thông thường bị tắc nghẽn. Thống kê toàn nước Mỹ mỗi ngày tai nạn xe hơi chết trên năm mươi mấy người, bị thương chưa kể đến, sau này tai nạn có thể tăng lên nữa.

Thuốc men tiến bộ trị bệnh mau hết, nhưng các bệnh khác phát triển còn nhanh hơn; dù dùng thuốc mới để trị cũng không trị hết bệnh. Vì ở trong tương đối có lợi phải có hại, tất cả tai họa do bộ óc làm chủ thì có ngã chấp, cái gì tôi cũng phải hơn ông, nên giành giật lợi ích của cá nhân để thỏa mãn dục vọng của cá nhân.

Vì vậy phải có sự xung đột đấu tranh với nhau, có hơn thua, thắng bại. Bên thất bại có thể bị chết hay quyền lợi tài sản tổn thất nặng nề, bên thắng lợi mặc dù khỏi chết cũng phải bị thương, không tổn thất nặng cũng phải tổn thất nhẹ. Bên thắng và bên thất bại, hai bên đều bị tổn thất. Từ cá nhân, chủng tộc, quốc gia... thắng và bại đều phải tổn hại từ sinh mạng cho đến tài sản, mà khắp thế giới đều bị ảnh hưởng.

Khoa học tiến bộ nhiều chừng nào thì vũ khí giết hại nhiều chừng nấy, khoa học sản xuất để cho mình dùng thì có lợi. Để đáp ứng dục vọng của mình, sản xuất ra nhiều vũ khí tối tân bảo thủ quyền lợi của mình thì phải có sự đấu tranh. Phật Thích Ca biết những lỗi đó là do bộ óc chấp ngã. Hết ngã chấp thì khoa học tiến bộ đem lại hạnh phúc cho con người chỉ có lợi không có hại. Nếu cho bộ óc làm chủ điều khiển thì tai hại mãi mãi.

Phật pháp chuyển chủ quyền của bộ óc để cho giác tánh, nếu giác tánh được làm chủ sai khiến bộ óc làm việc, thì khoa học tiến bộ mới đem lại cho con người được hạnh phúc không giới hạn. Đó cũng là mục đích của Phật pháp độ chúng sanh.

### ***Hỏi: Tại sao người tu Tịnh Độ không thể vãng sanh?***

Đáp: Người tu Tịnh Độ nếu được vãng sanh có thể tu tiếp thành Phật, nhưng muốn được vãng sanh phải tu đúng tông Tịnh Độ. Tham Tổ Sư Thiên phải đúng tông chỉ Tổ sư thiên, người tu chỉ quán phải đúng tông Thiên thai. Theo tôi biết người tu Tịnh Độ không có một người tu đúng tông chỉ Tịnh Độ. Tại sao tôi dám nói vậy? Vì tôi trước kia có hồng Tịnh Độ mười mấy năm, chưa có gặp người nào tu đúng theo tông chỉ Tịnh Độ.

Tông chỉ Tịnh Độ là cái gì? Là tín, nguyện, hạnh. Thế nào gọi là tin? Có 3 thứ tin. Thế nào gọi là nguyện? Có 2 thứ nguyện. Thế nào gọi là hành? Có 2 thứ hành. Trước kia tôi ở Việt Nam hỏi người dạy Tịnh Độ: Thế nào là 3 thứ tin, 2 thứ nguyện, 2 thứ hành? Họ trả lời không được. Người dạy còn không biết, người học làm sao biết được?

Trong kinh Di Đà nói cái nguyện ba bốn lần, quyết định được vãng sanh là do cái nguyện; mà cái nguyện chân thật là do cái tin, tất cả tông phái nào đầu tiên là phải tin. Như Thiên Tông nói “tín mười phần thì cái nghi được mười phần, nghi mười phần thì cái ngộ được mười phần”. Người tu Tịnh Độ không có người nào đi đúng theo tông chỉ Tịnh Độ. Tại sao? Họ không thực hành đại nguyện của mình phát.

Cái nguyện có hai thứ: tiểu nguyện và đại nguyện.

Tiểu nguyện là chỉ cầu cho một mình được vãng sanh thì không đúng với nhân quả, không hợp nhân quả, cho nên không được vãng sanh. Bởi vì vãng sanh là không đi đầu thai để trả nợ. Vì vậy phải phát đại nguyện, nhân lành được phước báo, nhân ác phải chịu khổ báo. Trước kia mình từ nhỏ đến lớn có giết chết một con muỗi, một con kiến không? Có ăn thịt gà, thịt heo không? Nếu có phải đầu thai để trả nợ, làm sao được vãng sanh! Muốn vãng sanh kiếp sau trả thì phải phát đại nguyện.

Hai chữ hồi hướng người ta cũng hiểu lầm, hồi hướng là phá ngã chấp; hồi hướng của người ta hiểu là tăng cường ngã chấp, tức các việc làm là công đức của tôi; thương người này hồi hướng cho người này, thương người kia hồi hướng cho người kia. Đó là bác ái của ngoại đạo chứ không phải từ bi của Phật pháp. Hồi hướng của Phật pháp là các công đức tôi làm chung cho chúng sanh, bất quá tôi chỉ là một trong chúng sanh, không phải của tôi để cho người này người kia.

Cho nên, Giáo môn phá hết ngã chấp thập hồi hướng mới lên sơ địa Bồ tát. Minh làm tất cả công đức đều là chung của tất cả chúng sanh, vì chúng sanh đều là chủ nợ của ta. Minh phát nguyện tất cả chúng sanh cùng mình đều được vãng sanh. Những người chưa được vãng sanh, mình trở lại độ họ được vãng sanh, tức là chủ nợ thịt nợ mạng của mình đều độ hết. Nếu phát nguyện như vậy phải xem tất cả chúng sanh bình đẳng. Nhưng mình chỉ phát nguyện là miệng nói tâm nghĩ, không có thực hành cái đại nguyện của mình phát, gọi là nguyện suông nguyện giả. Nguyện suông nguyện giả thì không thể vãng sanh.

Như mình có trương mục ngân hàng không có tiền hay tiền ít quá không đủ trả họ, chủ nợ rất nhiều. Nhưng mình không có tiền rồi ký ngân phiếu hẹn năm năm mười năm trả (hẹn thành Phật trả), mỗi ngày mình gửi tiền vô ngân hàng (thực hành đại nguyện của mình phát, đại nguyện là ngân phiếu), sau này người vô ngân hàng lãnh tiền. Nếu mình ký ngân phiếu giả, như trương mục của mình trong ngân hàng không có tiền. Người ta đến ngân hàng lấy tiền không có thì phải bị tù (không có công đức làm sao được vãng sanh, vì cái nguyện giả).

Đối với người không có bình đẳng hướng là đối với các loài thú vật. Con chó đến gần mình liền đá cho nó đi, làm sao coi nó bình đẳng! Muốn thực hành đại nguyện của mình phát không dễ. Tôi biết không có một người nào đi đúng theo tông chỉ của Tịnh Độ, tu còn không có làm sao được vãng sanh? Tu đúng tông Tịnh Độ, chỉ cần một niệm được vãng sanh, khỏi cần 10 niệm. Nếu tu không đúng thì muôn triệu ngàn niệm cũng không được vãng sanh, cho đến niệm nhứt tâm bất loạn cũng không được vãng sanh, chỉ có thể sanh cõi người hoặc cõi trời phải chịu nhân quả.

Thực hành đại nguyện được chấm dứt nhân quả, vừa rồi tôi có thí dụ chết đói. Nếu mình không vãng sanh làm sao độ chúng sanh, vãng sanh rồi thành Phật mới độ chúng sanh. Cho nên, Tịnh Độ khó chỗ thực hành đại nguyện của mình phát.

**Hỏi: *Cái hại chấp trước kinh điển, chấp trước chân lý là như thế nào?***

Đáp: Chấp trước đều là tác dụng của bộ óc là tướng bệnh, Phật pháp muốn hiện giác tánh của mình là tướng mạnh. Nếu cứ đuổi theo tướng bệnh để tìm tướng mạnh thì càng tìm càng xa tướng mạnh; vì tướng bệnh kéo dài nên tướng mạnh ẩn. Muốn tướng mạnh hiện lên phải chấm dứt tướng bệnh. Tham Tổ Sư Thiên là chấm dứt tướng bệnh để cho tướng mạnh chánh biến tri hiện lên.

Nếu đuổi theo lời nói của Phật, dùng bộ óc suy tìm trong kinh điển, Trí Giả Đại Sư nói “học pháp thành ngoại đạo”, Ngài nói có 3 thứ ngoại đạo:

1-Chánh thức ngoại đạo: không dùng bản hiệu Phật giáo, dùng bản hiệu ngoại đạo, họ tu sanh lên cõi trời, nhưng không được ra khỏi sanh tử luân hồi.

2-Hành pháp ngoại đạo, lấy bản hiệu Phật giáo: để cho người ta hiểu lầm tà pháp cho là chánh pháp, làm hại người ta, những người đó phải đọa địa ngục.

3-Học Phật pháp thành ngoại đạo: đuổi theo lời nói của Phật, cho lời nói của Phật là chân lý, hiểu lầm ý của Phật; nghe Phật nói có cho có là chân lý, nghe Phật nói không cho không là chân lý. Phật nói có là dùng có để phá không, Phật nói không là dùng không để phá có; khi Phật nói có thì ý của Phật không trụ nơi có, lúc Phật nói không thì ý của Phật không trụ nơi không. Nghĩa của Phật là vô sở trụ, nhưng người học Phật pháp không hiểu nghĩa của Phật, lấy ý của mình cho lời nói của Phật là chân lý thì lọt vào ngoại đạo.

Chấp thường gọi là thường kiến ngoại đạo, chấp không gọi là đoạn kiến ngoại đạo, cũng nằm ở trong tương đối. Cho nên, nói Pháp chỉ giảng được hai câu thì pháp sư phải đọa địa ngục, nhưng Pháp sư giảng thấu ba câu (vô sở trụ) mà người nghe hiểu lầm là do lỗi người nghe, không phải lỗi Pháp sư. Những người chấp theo lời nói của Phật cho là thật để dạy chúng sanh, gọi là học Phật pháp thành ngoại đạo.

Phải hiểu ý của Phật, tại sao Phật nói như vậy? Lời của Phật, Tổ đều không phải ở trong văn tự lời nói, chỉ mượn văn tự lời nói để phá chấp đương cơ của chúng sanh; tức là dùng thuốc giả để trị bệnh giả, nếu bệnh giả hết thì thuốc giả phải bỏ; như nhờ chiếc bè đưa qua sông, nếu qua bờ bên kia thì chiếc bè cũng phải bỏ, chứ không được vác chiếc bè trên vai đi chơi. Đó là nghĩa vô sở trụ.

**Hỏi: Khoa học chứng minh như thế nào về sự tái sinh tâm thức luân hồi của nhà Phật?**

Đáp: Sanh tử vốn không có bắt đầu thì luân hồi cũng không có bắt đầu, do tâm hoạt động, ban đêm hoạt động tạo ra cảnh giới nhắm mắt chiêm bao, ban ngày hoạt động tạo ra cảnh giới mở mắt chiêm bao. Chiêm bao không có sự bắt đầu, như thân xoay cảm thấy căn nhà xoay; căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay dụ cho cứu kính Niết bàn. Nhưng căn nhà vốn không xoay, làm sao có sự ngưng xoay!

Cho nên, Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô vô minh diệt vô vô minh tận, vô lão tử diệt vô lão tử tận”, vốn không có vô minh, làm sao có vô minh hết! Vô minh là chúng sanh, vô minh hết là Niết bàn; vốn không có lão tử, làm sao có lão tử hết! Tất cả đều là việc chiêm bao. Nói theo bản thể giác tánh vốn không có tái sanh, chỉ là do cảm giác sai lầm mới có. Vì vậy, Phật nói trắng ra là vô thi, vô sanh; nếu là vô sanh làm sao có tái sanh?

Theo sự hiểu lầm của người đời có tái sanh (sanh tử luân hồi). Nói theo bất liễu nghĩa thì có sanh tử luân hồi, gọi là tam thế nhân quả; tức là kiếp trước tạo nhân gì thì kiếp này được quả nấy, như gieo nhân chết đói phải chịu quả chết đói. Khoa học không chứng tỏ được việc tái sanh, khoa học ở trong Phật pháp, Phật pháp không thuộc về khoa học. Khoa học chứng tỏ những cái có hiện tượng, không thể chứng tỏ chỗ bắt đầu. Vì có chỗ bắt đầu nên có tái sanh, sanh không có bắt đầu làm sao có tái sanh! Cũng như khoa học không thể bắt đầu được.

Những việc khoa học chưa biết cho là tự nhiên, nhưng Phật trong kinh Lăng Nghiêm đã phủ nhận không phải tự nhiên và phủ nhận nhân duyên. Tại sao? Như con gà sanh trứng gà, trứng gà ấp ra con gà, đó là nhân duyên; con gà làm nhân cho trứng gà, trứng gà cũng làm nhân cho con gà; con gà là quả của trứng gà, trứng gà cũng là quả của con gà. Con gà và trứng gà làm nhân duyên với nhau.

Nếu nói nhân duyên là thật thì phải có nhân đầu tiên, không có nhân đầu tiên thì không thể nói là bắt đầu, nên cái lý nhân duyên không thể thành lập. Rồi nói là tự nhiên khi không có con gà hay trứng gà, trứng gà khỏi cần con gà sanh hay con gà khỏi cần trứng

gà ấp! Nếu tự nhiên là thật, bây giờ mình thấy con gà hay trứng gà tự nhiên mà được không? Không được.

**Hỏi: Xin Thầy giảng về khổ?**

Đáp: Tác dụng của Phật pháp đều muốn cho tất cả chúng sanh đạt đến tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Con người sanh ra ở đời có đủ thứ khổ, trong kinh Phật nói tứ khổ là sanh, già, bệnh, chết. Nói tám khổ là thêm ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc và ngũ uẩn âm xí.

Những người thù oán với mình không muốn gặp nhưng hay gặp hoài, nên thấy tức giận khó chịu. Những người mình yêu mến lại chia ly đi xa hoặc là sanh ly tử biệt. Có muốn cầu mà cầu không được cũng là khổ, được rồi sợ mất nên cũng khổ. Nếu thân này không giải thoát thì thân này sang thân kia, thân người sang thân thú, kiếp này sang kiếp khác khổ hoài. Nói vi tế có 84.000 thứ khổ, nếu không nhờ Phật pháp để tu hành đến chỗ giác ngộ không thể dứt được. Mục đích đức Phật độ chúng sanh đều được giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn.

Khoa học phát minh đồ dùng cũng là có ích cho nhân loại, nhưng chấp ngã của bộ óc thì có lợi phải có hại; vì ngã chấp nên tranh giành với nhau, phát minh đồ dùng có ích mà tranh đấu phát minh vũ khí làm hại cho loài người. Như bây giờ chiến tranh Trung Đông một ngày không biết chết bao nhiêu người, những người trực tiếp bị chết, những người bị ảnh hưởng gián tiếp thì đời sống khó khăn thêm.

Muốn không có sự tương đối, để hưởng hạnh phúc phải nhờ Phật pháp. Nếu người nào cũng theo lời dạy của Phật, rồi thực hành phá được ngã chấp không còn đấu tranh, cái khổ do đấu tranh sanh ra tự nhiên sẽ hết. Không có đấu tranh thì thần kinh không căng thẳng. Cuộc sống làm cho thần kinh căng thẳng sanh ra đủ thứ bệnh. Đấu tranh là ông muốn hơn tôi, tôi muốn hơn ông, phải có xung đột đổ máu thì bên thắng hay bại đều bị tổn hại sanh ra đau khổ. Mình làm theo lời Phật dạy dần dần được giải thoát tất cả khổ.

**Hỏi: Học tập Phật pháp nghiên cứu kinh điển và cứu độ chúng sanh. Hai trong bốn đại nguyện của người Phật tử Đại thừa là: “Pháp môn vô lượng thế nguyện học, chúng sanh vô lượng thế nguyện độ”. Như vậy quan niệm Phật tử tu theo pháp môn Tổ Sư Thiên thì hai vấn đề này như thế nào?**

**Theo ý nghĩ riêng con dù tu Tổ sư thiên, không phân biệt xuất gia hay tại gia, đều học hỏi Phật pháp nghiên cứu kinh điển, để đi đúng đường đúng hướng rồi chỉ dẫn cho người đi theo sau. Người Phật tử nói tu Tổ Sư Thiên hay lắm, bảo là tham đi, không cần tìm hiểu thiên là gì? Vì tìm hiểu là bộ óc. Nếu không cần biết Tổ Sư Thiên là gì, yếu chỉ thế nào, tác dụng ra sao, mà cứ nhắm mắt tu theo, có phải tu mù không! Như Tổ sư nói “tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đầy sách”. Kính xin Thiên sư khai thị?**

Đáp: Phật pháp có Giáo môn và Thiên môn, Giáo môn là nghiên cứu kinh điển rồi theo trong kinh điển thực hành, biết tới đâu thực hành tới đó. Tôi hoàng dương thuộc về Thiên môn, Thiên môn là muốn phát hiện bản thể giác tánh của mình (bản tâm); bản thể cùng khắp không gian thời gian, tất cả lời nói kinh điển đều bao gồm trong đó. Tại sao? Vì bản thể cùng khắp không gian thì không có cái nào ở ngoài không gian, tất cả lời nói trong kinh điển đều ở trong bản tánh mình sẵn có.

Trước Phật Thích Ca không có kinh Phật, Phật Thích Ca ngộ rồi nói ra, đời sau ghi lại lời Phật mới thành kinh. Nếu ngộ được bản tâm của mình thì cũng nói ra thành kinh vậy. Kinh Phật nói không phải muốn tụng hay nghiên cứu, là muốn mình theo đó thực hành. Thí dụ Phật nói ăn cơm được no, làm sao mình kiếm được cơm rồi ăn; không phải đem lời của Phật tụng cho Phật nghe, cứ tụng “ăn cơm được no, ăn cơm được no”, vậy làm sao no được!

Hay là nghiên cứu trong cơm có bao nhiêu chất dinh dưỡng, có bao nhiêu vitamin, viết ra một cuốn sách rất hay; phân tích trong cơm bao nhiêu chất bột, bao nhiêu vitamin, phân tích rất kỹ; nhưng không ăn, làm sao no được! Nếu mình tin lời Phật cứ ăn cơm thì được no, không có cơm phải đi kiếm cơm để ăn. Những người ăn cơm được chất bột, nếu nhỏ ra nước miếng cũng có chất bột. Không nghiên cứu cũng ăn no được vậy, ăn vô thì tất cả dinh dưỡng là của mình.

Trước khi người ta chưa tin phải nhờ kinh điển để chứng tỏ, chứng tỏ lời của Phật không lừa gạt mình, mình mới chịu theo lời Phật mà thực hành, đó là cách tu của Giáo môn. Nhưng tụng niệm, nghiên cứu cũng cần phải thực hành mới được. Còn Thiền môn không tụng niệm, không nghiên cứu, chỉ thực hành liền được kết quả mau hơn; lại phát hiện cái của mình đã sẵn có, không có qua bộ óc, nhưng cũng làm xong công việc dùng bộ óc.

Tất cả kinh Đại thừa liễu nghĩa, Phật nói trong kinh đó đều là phá tư tưởng chấp thật, để phát hiện của mình sẵn có, chứ không phải nói giáo lý cao siêu để nghiên cứu. Đó là nhiều người không biết, hiểu lầm, tưởng là học giáo lý mới biết giáo lý. Những giáo lý đó là phá chấp thật của mình.

Như vừa rồi tụng Bát Nhã Tâm Kinh là vô ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), vô lục căn (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý), vô lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), vô lục thức (từ nhãn thức cho đến ý thức giới), vô khổ, tập, diệt, đạo (Tứ diệu đế), vô thập nhị nhân duyên (từ vô minh đến lão tử), Trí huệ của Bồ tát cũng vô, đều dùng chữ vô để phá tư tưởng chấp thật của mình.

Bởi chấp thật nên chướng ngại cái dụng sẵn có của mình, nếu ngộ được bản tâm thì tự động dùng ra. Như ánh sáng đèn cùng khắp không gian thời gian, bản thể giác tánh cũng cùng khắp không gian thời gian. Bao nhiêu cây đèn, đèn lớn đèn nhỏ, mỗi cây đèn đều phát ra ánh sáng; nhưng đều cùng chung một ánh sáng, không thể phân biệt ánh sáng nào thuộc cây đèn nhỏ, ánh sáng nào thuộc cây đèn lớn.

Vô lượng vô biên chúng sanh, mỗi người đều phát huy năng lực của mình sẵn có, mà cùng chung một hạnh phúc, không phân biệt người cao người thấp, người lớn người nhỏ; cũng như nhiều đèn cùng chung một ánh sáng vậy. Lúc đó khoa học mới đem hạnh phúc cho loài người, mà không có tai họa, không có cái khổ. Đó là mục đích Phật độ chúng sanh.

Mặc dù Thiền Tông không học kinh điển, nhưng đi đúng theo kinh điển, tức là thực hành đúng theo lời dạy trong kinh điển, chứ không phải khác hay nghịch với kinh điển; chỉ là cách thực hành khác. Phật vì trình độ chúng sanh muôn ngàn sai biệt, cho nên Phật thuyết 84.000 pháp môn để thích ứng căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh. Nhưng bất cứ pháp môn nào, mục đích cuối cùng cũng giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại. Bản tánh của mình sẵn là như vậy.

Nếu mình theo lời Phật dạy sẽ phát hiện được bản tánh cùng khắp không gian thời gian, vốn hạnh phúc, không còn khổ; đó mới là lòng từ bi của Phật, chứ không phải chấp theo lời nói của Phật rồi tụng cho Phật nghe hay nghiên cứu lời nói của Phật có chân lý trong đó, ấy là sai lầm, nghịch với ý của Phật.

**Hỏi: Theo thiên ý của con, nếu không đi học Phật pháp, thấy rằng theo pháp Tổ Sư Thiên hay, đem lại hạnh phúc cho tự thân. Con nghĩ rằng phải có bổn phận truyền lại cho những người sau, mà Thầy và Tổ đã dạy muốn cho mọi người được an lạc hạnh phúc, đó cũng là cách trả ơn Thầy với Tổ, như thế Phật giáo mới trường tồn và pháp môn không bị gián đoạn. Kính xin Thầy khai thị?**

Đáp: Truyền dạy là tất nhiên rồi! Gọi là nối tiếp huệ mạng của Phật. Phật tử quy y Tam bảo, vậy Tam bảo là gì? Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo.

Thế nào gọi là Phật bảo? Chữ Phật là tiếng Ấn Độ, dịch là giác ngộ; tức là tất cả chúng sanh phải minh tâm kiến tánh (giác ngộ), mới được giải thoát tất cả khổ, cũng như người trong chiêm bao chịu đủ thứ khổ; từ trong chiêm bao được thức tỉnh thì khổ trong chiêm bao tự dứt, trong chiêm bao thức tỉnh là giác ngộ. Cho nên, Phật muốn mỗi chúng sanh đều được giác ngộ, không phải thành một thần linh.

Thế nào gọi là Pháp bảo? Muốn giác ngộ giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại, phải có phương pháp; phương pháp đó đưa mình đến chỗ giác ngộ gọi là Pháp bảo. Phật nói trong kinh điển có 84.000 pháp môn, nhưng Phật không có trực tiếp truyền dạy; Phật trực tiếp truyền dạy Tổ Sư Thiên gọi là pháp thiên trực tiếp truyền đến ngày nay. Đó là Tổ Sư Thiên mà tôi đang hoằng dương.

Thế nào gọi là Tăng bảo? Chữ Tăng tiếng Ấn Độ gọi là Tăng già, dịch là hòa hợp chúng; tức là theo quy định từ 4 vị tu sĩ Phật giáo trở lên hòa hợp lại mới thành Tăng, nói theo danh từ gọi là Tăng đoàn. Tại sao nói Tăng cũng là bảo? Nếu chỉ có Phật bảo, Pháp bảo, không có Tăng bảo từ đời từ đời truyền xuống để trực tiếp giáo hóa chúng sanh, thì có Phật bảo, Pháp bảo vô dụng, Phật pháp cũng tiêu diệt.

Cho nên 3 thứ bảo, cần nhất là Tăng bảo. Do có Tăng bảo thì Phật pháp mới thường trụ tại thế gian, rồi giáo hóa người thế gian giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại. Tu sĩ đều có bổn phận đó, đem Phật bảo, pháp bảo để truyền dạy cho chúng sanh. Vì vậy, có nói “hạt gạo của thí chủ, lớn bằng núi tu di; nếu không tu giải thoát, mang lông đội sừng trả”. Chúng tôi là tu sĩ thọ của cúng dường mười phương, phải có bổn phận đem Pháp bảo để truyền dạy cho chúng sanh, để nối tiếp huệ mạng của chư Phật.

Nhưng phải hoằng dương chánh pháp, pháp này giác ngộ giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại mới đúng. Nếu dạy người ta chỉ tụng niệm hay nghiên cứu, như nghiên cứu hạt gạo mà không ăn thì không no; người khác ăn là chất bổ của họ, không phải của mình. Nghe lời Phật bảo nên ăn, chứ không ăn thì không no; con có hiếu ăn giùm cho cha mẹ không được, hay cha mẹ thương con không thể ăn giùm cho con. Người nào ăn người ấy no.

Cho nên, lời Phật dạy rất đúng, rất có lợi ích, đưa mình đến giải thoát tất cả khổ được tự do tự tại. Nhưng mình phải thực hành mới được, chứ theo trong kinh điển để nói không có lợi ích, hay là theo trong kinh điển để nghiên cứu biết để dạy học trò, học trò biết rồi dạy học trò thì tác dụng giải thoát không còn, đối với Phật pháp cũng không có lợi ích.



Cần nhất là giữ chánh pháp đưa mình đến tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ; đó mới là mục đích chánh của Phật Thích Ca để độ chúng sanh, không phải mình học biết giáo lý chứa đầy bụng để làm thầy dạy lại học trò; hay thuyết pháp cho người ta nghe, mà không thực hành làm sao có lợi ích! Như nói ăn mà không ăn thì không no.

**Hỏi: Tham Tổ Sư Thiên là đến ngộ, vậy Thượng tọa cho biết khi ngộ rồi thì hành giả thấy gì làm gì lúc còn sống, thấy gì làm gì sau khi chết?**

Đáp: Lịch sử Thiên Tông Trung Quốc có 7.000 Tổ kiến tánh được sanh tử tự do, những người đó có người làm vua, sau khi kiến tánh cũng làm vua; thừa tướng kiến tánh rồi vẫn làm thừa tướng, thượng thư (bộ trưởng) kiến tánh rồi vẫn làm thượng thư; cho đến người dân, bà già, tay bưng, vai gánh đi rao ngoài đường đều kiến tánh.

Có một Thiên sư ở trên núi kiến tánh được sanh tử tự do, tiếng tăm truyền tới kinh thành, vua nghe rồi sai quan lớn lên núi thỉnh Thiên sư về kinh thành để vua hỏi pháp. Thỉnh một lần Ngài không đi, thỉnh hai lần cũng không đi; vua có oai quyền, đến lần thứ ba vua phát giận, nói với quan lớn rằng: nếu kỳ này thỉnh Thiên sư không đi thì đem cái đầu ông ấy về kinh thành.

Quan lớn lên núi nói với Thiên sư: kỳ này lại khác hơn hai kỳ trước, hai kỳ trước không đi thì không có sao, kỳ này nếu thỉnh Ngài không đi là không được. Tại sao? Tôi không dám lấy đầu của Ngài, nhưng tôi về không, vua sẽ lấy đầu của tôi, Ngài hãy thương tôi mà đi.

Thiên sư nói: đi thì đi. Hỏi các đệ tử bây giờ tôi muốn đi rồi, có ai muốn theo tôi đi không?

Có một đệ tử ra nói: con theo thầy đi.

Thiên sư hỏi: một ngày đi được mấy dặm?

Đệ tử đáp: 50 dặm.

Thiên sư nói: không được.

Đệ tử khác nói: con theo thầy đi.

Thiên sư hỏi: một ngày đi bao nhiêu dặm?

Đệ tử đáp: 70 dặm.

Thiên sư nói: không được.

Có đệ tử khác nữa nói: con theo thầy đi được.

Thiên sư hỏi: một ngày đi bao nhiêu dặm?

Đệ tử đáp: 90 dặm.

Thiên sư nói: không được.

Người này không được, người kia cũng không được; cuối cùng thị giả của Thiên sư nói: con theo thầy đi được.

Thiên sư hỏi: một ngày đi bao nhiêu dặm?

Thị giả đáp: không biết, thầy đến đâu thì con đến đó.

Thiên sư nói: vậy là được.

Thiên sư ngồi ngay lại tịch liền và Thị giả đứng một bên cũng tịch luôn, tịch là người đòi cho là chết. Quan lớn thấy hoảng sợ, chứng tỏ oai quyền của vua chỉ dùng cho người thường, dùng cho Thiên sư thì không được. Bởi vì Thiên sư sanh tử tự do, nói đi là đi liền.

***Hỏi: Khi mình mạnh khỏe thì tinh thần cao có thể không sợ chết, nhưng lúc đau nặng hoặc trước giờ chết thì tinh thần xuống thấp nên thấy sợ lắm. Vậy tham Tổ Sư Thiên có giúp được qua cái sợ này không?***

Đáp: Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô lão tử diệc vô lão tử tận”, không có già không có chết, làm sao còn sợ gì nữa! Vì mình chấp thật có sanh tử nên sợ chết, nếu mình tin lời Phật nói vốn không có sanh tử thì không sợ chết. Nhưng Phật nói trong kinh không có sanh tử, sự thật sanh tử rõ ràng, người nào cũng thấy có sanh tử. Như tôi già rồi thì cái tử sẽ đến, làm sao không có sanh tử? Phật có 4 thí dụ trong kinh Viên Giác để chứng tỏ tại sao mình có sanh tử, tôi gom lại thành một thí dụ.

Tâm mình hoạt động không ngừng, tự nhiên thấy có sanh tử; như thân mình xoay sẽ thấy căn nhà xoay. Trong Kinh nói không có sanh tử cũng không có sanh tử hết, sanh tử hết là Niết bàn; vốn không có sanh tử làm sao có sanh tử hết! Như căn nhà vốn không có xoay, làm sao có căn nhà ngưng xoay? Căn nhà xoay và ngưng xoay đều do thân mình xoay sanh ra cảm giác sai lầm mà thấy, thật ra không có căn nhà xoay và ngưng xoay.

Nếu tâm ngưng hoạt động thì sanh tử luân hồi cũng ngưng. Pháp của Phật Thích Ca từ Tiểu thừa đến Đại thừa, dạy ngưng tâm hoạt động thì sanh tử tự dứt, tức muốn mình trong chiêm bao thức tỉnh, là sanh tử luân hồi trong chiêm bao tự tiêu. Cho nên, tham thiền phát hiện bản thể của mình cùng khắp không gian thời gian, vốn không có sanh tử tự nhiên không còn sợ sanh tử.

***Hỏi: Một người không có gia đình, không có trách nhiệm đến vợ con, lúc chết ít sợ hơn người có gia đình có trách nhiệm; vì người có gia đình có trách nhiệm sợ sau khi mình chết không ai lo cho vợ con. Con nghĩ một phần lớn cái sợ lúc sắp chết của người có gia đình có trách nhiệm là cái sợ này, vậy làm sao giúp được qua cái sợ đó?***

Đáp: Vì chấp thật sanh tử nên có cái sợ đó, Phật đã dùng nhiều thứ phương tiện, dùng những chuyện ngoài đời mình hiểu biết để chứng tỏ sanh tử vốn không thật. Nếu đã biết sanh tử không thật thì ở trong hoàn cảnh nào có trách nhiệm hay không trách nhiệm đều không sợ.

Như Thiên sư sắp chết, mời các môn đồ đãi tiệc chay, ăn xong tự mình vô trong hòm nằm xuống, bảo đệ tử đóng đinh đem đi thiêu. Đệ tử thấy Thầy không bệnh, mà khi không vô trong hòm bảo đem đi thiêu; như vậy ai đâu có dám! Các đệ tử không tin.

Vài ngày sau đệ tử lên mở nắp hòm xem thì Thiên sư ngồi dậy mắng các đệ tử: các người theo tôi nhiều năm, sao không tin lời của tôi! Nếu tôi sanh tử không tự do, làm sao dám vô trong hòm bảo các người đóng đinh đem đi thiêu? Các người ngu si quá! Bây giờ đãi tiệc lại, gọi là tiệc ngu si. Ăn xong cũng vô trong hòm nằm, bảo các đệ tử: dậy nắp hòm lại đóng đi đem đi thiêu, nếu người nào mở nắp hòm thì không phải đệ tử của tôi.

Đệ tử đóng đinh nắp hòm lại đem đi thiêu, nếu sanh tử không tự do làm sao Ngài dám làm vậy! Mình có thực hành tự nhiên không có sợ, đạt đến chỗ sanh tử tự do. Mình không thực hành thì không chứng tỏ, mà chỉ nghe người ta nói nên phải sợ.

Đang nhắm mắt chiêm bao tiếp xúc cái tách, cái bình, cái bàn... đều có thật; tiếp xúc nóng lạnh đều biết, bị người ta đánh cũng biết đau; trong chiêm bao có thiện tri thức giải thích cái bàn, cái bình... đều không thật; luôn cả thân ông cũng không thật, người đang chiêm bao không tin. Khi thức tỉnh chiêm bao thấy những việc trong chiêm bao không còn.

Cho nên, tự mình phải thức tỉnh, Phật dạy mình ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh; nếu tham thiền được minh tâm kiến tánh thì mở mắt chiêm bao thức tỉnh, mới chứng tỏ lời Phật không có lừa gạt mình.

**Hỏi: Kiếp trước làm ác nên kiếp này phải trả quả, nếu vậy chấp nhận; nhưng không thấy kiếp trước, mà kiếp này trả quả là vô lý. Vậy làm sao biết kiếp trước và kiếp này có liên quan?**

Đáp: Phật pháp nói nhân quả là tam thế nhân quả (quá khứ, hiện tại, vị lai), thường thường khi người chết thì chuyện kiếp trước quên; nhưng cũng có người nhớ chuyện kiếp trước.

Đừng nói không thấy chuyện kiếp trước mà cho là không có, như cha mẹ, ông bà nội thì mình biết, còn ông bà nội của ông bà nội thì mình có biết không? Không biết. Không biết mà nói không có làm sao đúng! Vì mình thấy nhiều nhất được 5 đời trước hay 5 đời sau, còn đời thứ 6 không thấy cho là không có thì không đúng. Có cái thấy và không thấy, những cái mình thấy đâu phải đúng!

Như thấy cái bàn yên tịnh, nhưng khoa học chứng tỏ cái bàn này đang động; cái bàn có 2 thứ động: theo quả đất xoay chuyển mà động và các vật chất do nhiều nguyên tử tụ lại thành. Mỗi hạt nguyên tử ở chính giữa có trung tử, chu vi có nhiều điện tử, ngày đêm xoay không ngừng xung quanh trung tử, nó chuyển động nhưng mình không thấy; con mắt nhìn không thấy, nhưng dùng kính hiển vi sẽ thấy. Nếu tin con mắt thấy cho là thật, làm sao đúng với sự thật! Nhiều cái biết của bộ óc không thể đúng.

**Hỏi: Muốn tu thiền thì tâm phải tịnh, không màng thế sự, suy nghĩ, tính toán, bon chen. Nhưng mới ban đầu tu làm sao được như thế, dù rằng nhu cầu tối thiểu như ăn, mặc, ở cũng phải lo. Kính xin Thiền sư chỉ giáo được chu toàn?**

Đáp: Vua kiến tánh vẫn làm vua, thừa tướng kiến tánh vẫn làm thừa tướng, thượng thư kiến tánh vẫn làm thượng thư... nghề nào cũng theo nghề đó, chứ không phải bỏ nghề mà đi tu mới được kiến tánh. Pháp môn Tổ Sư Thiền do Phật Thích Ca đích thân truyền, chỉ là 4 chữ “từ nghi đến ngộ”. Nghi là nhân, ngộ là quả; có nghi sẽ có ngộ, mình chỉ nhờ câu thoại đầu khởi nghi tình thì đi đứng nằm ngồi đều là thì giờ để mình tham, không phải bỏ nghề hay tìm một chỗ vắng lặng ngồi tham.

Nhưng mình phải tập lần lần, không phải bước đầu tiên tham không gián đoạn. Ngày đêm có 24 tiếng đồng hồ, bắt đầu tập nhiều nhất là một tiếng, 23 tiếng bị gián đoạn; nhưng tập được một thời gian giảm bớt sự gián đoạn còn lại 22 tiếng, tập thời gian nữa còn 21 tiếng, cứ như thế đến 24 tiếng tham được liên tục chỉ có nghi tình, lúc đó gọi là thoại đầu.

Bây giờ nói tham thoại đầu nhưng chưa đến thoại đầu, đến thoại đầu là câu thoại tự mật là sắp kiến tánh; lúc ấy muốn bỏ nghi tình cũng không bỏ được và muốn không kiến tánh cũng không được, gặp cơ duyên thì nghi tình tan rã được kiến tánh. Mình cần phải đi, có đi mới có đến; nếu không đi thì không đến, đi nhanh đến mau, đi chậm đến lâu.

**Hỏi: Người tu pháp môn Tịnh Độ khi chết vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc, còn pháp môn Tổ Sư Thiền tham chưa ngộ, chết rồi gặp lại pháp môn Tổ Sư Thiền không?**

Đáp: Ở Việt Nam tôi thường lấy Chợ Lớn đi Sài Gòn để thí dụ, mục đích kiến tánh như Chợ Lớn đi Sài Gòn. Chợ Lớn đến Sài Gòn là 100 bước, nếu kiếp này mình đi 5 bước thì kiếp sau đi thêm 95 bước; kiếp này đi 50 bước thì kiếp sau đi thêm 50 bước, kiếp này đi

99 bước thì kiếp sau đi thêm một bước; tức là có nhân sẽ có quả, tham thiền là gieo chánh nhân nên chánh quả sẽ đến. Vì pháp môn tham thiền này là do Phật Thích Ca đích thân truyền, thuộc về chánh nhân.

**Hỏi: Trợ niệm có giúp ích gì cho người lâm chung tu Tịnh Độ?**

Đáp: Muốn giải quyết vấn đề sanh tử thì phải giải quyết trước khi chết, nếu tới lâm chung mà nhờ người khác giúp mình thì rất khó hy vọng. Bất cứ tu pháp môn nào cũng phải trước khi chết giải quyết trước. Những người còn sống có lục căn lanh lợi, mà thuyết pháp họ còn không nghe, giải thích cũng còn không tin, huống là người chết. Người sống thường tụng kinh, nhưng không thực hành theo lời Phật dạy; đến khi chết, mình giúp cũng không được.

Chết rồi thường thường đi đầu thai liền, người thường cho chết biến thành ma quỷ, đó là không đúng. Chết là đi đầu thai, tạo nghiệp cõi trời sanh cõi trời, tạo nghiệp người sanh cõi người, tạo nghiệp tu la sanh cõi tu la, tạo nghiệp súc sanh sanh cõi súc sanh, tạo nghiệp quỷ sanh cõi nga quỷ, chứ không phải chết rồi thành quỷ, tạo nghiệp địa ngục sanh cõi địa ngục, là theo nghiệp đã tạo mà đi đầu thai; tức là chết cũng là lúc đó đi đầu thai, thường thường không có thân trung âm.

Thân trung âm là đặc biệt, có nghiệp thiện và nghiệp ác bằng nhau, chưa có thể phân biệt được sanh thiện đạo hay ác đạo. Lục đạo có tam thiện đạo (cõi trời, cõi người, cõi a tu la), có tam ác đạo (súc sanh, nga quỷ, địa ngục). Nếu thiện nhiều hơn ác một chút thì sanh thiện đạo, ác nhiều hơn thiện một chút thì sanh ác đạo. Như tôi kể chuyện Ung Bá Huy có thân trung âm, ông nổi niệm ác một chút là ăn cắp nên đầu thai thành heo, nổi niệm không ăn cắp một chút thì sanh con người.

Con cháu muốn cứu người thân của mình đã chết, đừng sát sanh để cúng thì có ích cho người chết; không đốt vàng mã, vì những thứ này người ta quan niệm xuống âm phủ dùng. Nếu sanh tam thiện đạo không có dùng vàng mã, mà đốt vàng mã là muốn cho người thân mình ở âm phủ dùng để chịu khổ; chuyện này thật ngu si nhưng người ta không biết, cứ làm theo truyền thống của thần giáo ngày xưa, chứ Phật giáo không có những thứ này.

#### **Phần 4**

**Hỏi: Khi lâm chung thì tứ đại tan rã rất đau đớn, niệm Phật thấy dễ hơn tham thiền. Xin thầy cho biết ý kiến?**

Đáp: Quyết định được vãng sanh hay không là do đại nguyện, thực hành đại nguyện của mình phát; nếu không đúng theo đại nguyện của mình phát, đừng nói lâm chung mười niệm được vãng sanh, lúc lâm chung được muôn ngàn niệm cho đến nhứt tâm bất loạn cũng không được vãng sanh. Đúng theo tông chỉ Tịnh Độ thì một niệm cũng được vãng sanh hay khỏi niệm cũng được vãng sanh.

Tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, tu Tịnh Độ đúng theo tông chỉ Tịnh Độ, tham Tổ Sư Thiền phải đúng theo tông chỉ của Tổ sư thiền, tu chỉ quán phải đúng tông chỉ của tông Thiền thai, tu Duy thức phải đúng theo tông chỉ của tông Duy thức. Nếu tu bậy bạ muốn lấy niệm Phật cho là chắc chắn, đó là lừa gạt người, bởi vì không đúng. Mình phát nguyện giả là ký ngân phiếu giả, chỉ có tội làm sao có công đức để vãng sanh! Đó không phải do niệm Phật hay là không niệm Phật.

Tham thiền là gieo chánh nhân được chánh quả, kiếp sau phải được tiếp tục, vì nhân quả không sai.

**Hỏi: Chúng con thấy pháp môn Tổ Sư Thiền và Tịnh Độ đều rất khó. Vậy có nên tu Tứ Diệu Đế đắc quả A la hán, sau đó tiếp tục tu Tổ Sư Thiền để kiến tánh không?**

Đáp: Tứ Diệu Đế của Tiểu thừa, pháp tu của Tiểu thừa là Ngũ đình tâm quán, có 5 thứ quán để đình chỉ tâm (ngưng tâm hoạt động). Năm thứ quán đó là: Sở tức quán, Bất tịnh quán, Nhân duyên quán, Từ bi quán, Lục thức quán. Nhiều người tu Sở tức quán là đếm hơi thở, có người đếm hít vô, có người đếm thở ra, đếm từ một đến mười, rồi từ mười trở lại một để tập trung tinh thần một chỗ làm cho tâm ngưng nghỉ hoạt động, nhưng phải có 37 phẩm trợ đạo.

Tứ Diệu Đế gồm có: khổ, tập, diệt, đạo. Cuộc sống hằng ngày đều có khổ, có 4 thứ khổ (sinh, lão, bệnh, tử), tám thứ khổ cho đến 84.000 thứ khổ. Phải biết khổ đó từ đâu mà có? Là do tập tích chứa, chấp nó là thật mới có cái khổ này. Cho nên phải tu đạo (vừa kể là Ngũ đình tâm quán), chỉ chọn một thứ quán trong 5 thứ quán, cũng phải nhờ 37 phẩm trợ đạo để trợ giúp mới được chứng diệt (Niết bàn), tức ra khỏi sanh tử luân hồi là chứng quả A la hán.

Nhưng pháp môn này rất phức tạp và khó, nên xưa nay không thấy ai chứng quả, đừng nói chứng quả A la hán, chứng sơ quả Tu đà hoàn cũng chưa thấy. Các nước Tiểu thừa (Tích Lan, Campuchia, Lào, Thái Lan) tu pháp Tiểu thừa cũng không thấy chứng sơ quả. Mình là nước Đại thừa, bình thường các Pháp sư dạy tu pháp Đại thừa, như Tịnh Độ cũng là Đại thừa, Đại thừa còn gọi là Bồ tát thừa, nên cư sĩ cũng có thọ giới Bồ tát. Trong giới Bồ tát có nói dạy người ta tu pháp Tiểu thừa là phạm giới và tự mình tu pháp Tiểu thừa cũng phạm giới.

Tại sao? Như mình đang học đại học rồi bỏ, xuống dưới tiểu học để học; mình học phải lên, mà không lên lại xuống! Cho nên trong giới Bồ tát là phạm giới. Mấy nước Tiểu thừa không biết có Đại thừa, không nhìn nhận Đại thừa và không có Bồ tát. Năm 1974 tôi đến Bangkok gặp một sư Tích Lan, tất cả nước Tích Lan không nghe câu “Nam mô A Di Đà Phật”, không biết có Phật A Di Đà. Vì các nước Tiểu thừa thì khác, mà Việt Nam, Trung Quốc thịnh hành Đại thừa lại tán thán Tiểu thừa! Tức là bỏ đại học xuống học tiểu học.

**Hỏi: A la hán các lậu đã hết, sanh tử không còn; có khi nào vào thế gian sanh vọng tâm bị đọa không? Như vị A la hán cỡi con ngỗng bay xuống kinh thành nhận sự cúng dường của hoàng hậu; khi bà đánh lễ tay chạm vào bàn chân của A la hán, vị này nổi vọng tâm lên, sau đó không dùng thần thông để bay, phải đi bộ về núi tu thời gian lâu được thần thông như cũ. Con không biết chuyện này có thật không?**

Đáp: Chuyện này có thật, Tiểu thừa tu đứng bước đầu được sơ quả Tu đà hoàn dịch là nhập lưu. Tại sao gọi là nhập lưu? Nhập thánh lưu, tức là lia khỏi lục trần, không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp làm ô nhiễm. Chứng sơ quả đã được như thế, bây giờ người ta tu vì không biết, như các câu hỏi không đúng với Phật pháp, chỉ tự mình coi sách rồi tưởng tượng cho là vậy hay không phải vậy.

Thiền sư Đạo Anh đệ tử của tổ Động Sơn, ở cách thầy không xa; nửa tháng rồi không về thầy dùng cơm ngô. Động Sơn sai người sang hỏi Đạo Anh: sao nửa tháng nay không về ăn ngô?

Đạo Anh đáp: có thiên thần cúng dường.

Động Sơn sai người bảo Đạo Anh về.

Động Sơn nói: tôi tưởng ngươi là con người, mà tu như vậy sao? (quở công phu kém nên để thiên thần thấy).

Đạo Anh trở về tu tiếp tục, thiên thần xuống muốn cúng dường nhưng tìm không ra. Vì dùng công phu nhiều thì hào quang mạnh, nên quỷ thần không thể thấy được.

**Hỏi: Kính xin Sư Phụ chỉ dẫn cách thực hành Tổ sư thiền?**

Đáp: Ví dụ đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vi. Tại sao gọi là thoại đầu? Thoại là một lời nói, đầu là trước chưa khởi niệm muốn nói câu thoại này, gọi là thoại đầu. Nếu khởi niệm muốn nói câu thoại dù chưa nói ra miệng cũng là thoại vi, nghĩa là một niệm chưa sanh khởi gọi là thoại đầu. Chỗ một niệm chưa sanh khởi là vô thi vô minh, nếu khởi lên một niệm gọi là nhứt niệm vô minh. Cuộc sống hằng ngày đều trong nhứt niệm vô minh, từ niệm này qua niệm khác, ngày đêm không ngừng.

Tham thiền cũng dùng nhứt niệm vô minh, nhứt niệm vô minh cũng là tác dụng của bộ óc. Nhưng mình dùng cái không biết của bộ óc để chấm dứt cái biết của bộ óc. Như hỏi câu thoại đầu thứ nhất trong Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền là “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết. Không biết là tham thiền. Thoại đầu là một niệm chưa sanh khởi là vô thi vô minh.

Tại sao gọi là vô minh? Minh là sáng, vô minh là không sáng (đen tối), phải nhìn ngay chỗ mịt mù đen tối, không biết chỗ đó là cái gì? Là nghi tình. Vừa nhìn chỗ đen tối, vừa hỏi câu thoại để tăng cường nghi tình, như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết chưa có trời ta là cái gì, không biết là tăng cường cái nhìn chỗ đen tối. Tối ngày nhìn và hỏi câu thoại, tức từ thoại vi đến thoại đầu là đường đi ý thức, cũng là phạm vi nhứt niệm vô minh, nhưng dùng niệm không biết đến thoại đầu (đầu sào trăm thước).

Tham chưa đến thoại đầu, nhưng cũng gọi là tham thoại đầu; mục đích đến thoại đầu, tiến thêm một bước là kiến tánh. Thoại đầu là nguồn gốc của ý thức, sát na lia ý thức là kiến tánh. Lia ý thức, Thiền sư Lai Quả nói là lọt vào hư không, phải té xuống cho chết, rồi sống lại; Thiền Tông gọi là tuyệt hậu tái tô. Chết rồi sống lại có hai thứ: tiểu tử tiểu hoạt và đại tử đại hoạt.

Tiểu tử tiểu hoạt là chết, nhưng còn cái xác rồi sống lại; đại tử đại hoạt là chết, luôn cái xác cũng tan rã rồi sống lại. Xác chết dụ cho cảnh giới ngộ, tiểu ngộ còn cho mình có ngộ, ôm cảnh giới ngộ (trụ nơi ngộ). Nếu có sở trụ chướng ngại dụng tự tánh hoạt bát vạn năng, nên gọi là tiểu ngộ.

Đại ngộ là không trụ nơi ngộ. Tại sao? Vì có ngộ thì có mê để đối đãi, do cái mê được ngộ. Đã ngộ triệt để thì hết mê, hết mê phải hết ngộ. Nếu còn ngộ tức còn mê thì nằm trong tương đối. Triệt ngộ là bước vào tuyệt đối, không có mê không có ngộ. Cho nên, Thiền Tông nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”, tức là không trụ cảnh giới ngộ.

Mình cứ đề câu thoại đầu, hỏi thầm trong bụng tối ngày sáng đêm, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, đi cầu ngủ nghỉ hỏi hoài. Hỏi khít khít và vừa nhìn chỗ mịt mù đen tối (vô thi vô minh). Đó là cách tham Tổ sư thiền.

**Hỏi: Sao gọi là từ nghi đến ngộ?**

Đáp: Nghi là không biết không hiểu, nếu một vật gì đã hiểu biết rồi thì hết nghi, Tổ Sư Thiền chỉ chú trọng chữ nghi, gọi là nghi tình; tình là tình trạng của nghi cũng là tình trạng không hiểu không biết của bộ óc. Vì cái biết của bộ óc có hạn chế, biết chỗ này, không biết chỗ kia, có lúc biết, có lúc không biết, cái biết của bộ óc không đúng với thực tế.

Cho nên, Phật Thích Ca muốn mình tự ngộ. Ngộ cái gì? Ngộ Phật tánh của mình. Cái biết của Phật tánh gọi là chánh biến tri, thì cái biết đó cùng khắp không gian thời gian, không có cái nào thiếu sót, không còn cái gì không biết. Cùng khắp thời gian là khác cái biết của bộ óc, cái biết của bộ óc thì ngủ mê không biết, chết giấc không biết, chết rồi không biết, không cùng khắp thời gian.

Cái biết Phật tánh thì ngủ mê vẫn biết, chết giấc vẫn biết, chết rồi vẫn biết; nếu chết rồi không biết thì không phải cái biết Phật tánh. Tham thiền là từ nghi đến ngộ, tức cái biết của Phật tánh hiện lên cùng khắp không gian thời gian; không có lúc nào không biết, không có chỗ nào không biết. Vì vậy, nói Phật pháp vô lượng vô biên, vì bản thể của tâm mình vốn vô lượng vô biên cùng khắp không gian thời gian. Tham thiền là muốn phát hiện Phật tánh của mình. Cơ bản tham thiền là: tin tự tâm và phát nghi tình.

Thế nào là tin tự tâm? Tin tâm mình cùng với tất cả chư Phật không khác, bản thể cùng khắp không gian thời gian, siêu việt số lượng, tất cả năng lực đều đầy đủ. Bây giờ mình không phát hiện năng lực của mình sẵn có là do cái nghiệp của mình che khuất. Tu hành là quét sạch tất cả cái nghiệp đó thì cái biết Phật tánh hiện lên, tất cả thần thông, trí huệ, đều đầy đủ. Cái bản năng chúng sanh tùy theo nghiệp mà hiện ra chút đỉnh.

Như con dơi không có con mắt nhưng bay không đụng vách tường, nó sẵn có năng lực ra đa. Nhà khoa học học bản năng của con dơi tạo ra cái ra đa. Trong đài 50 có thí nghiệm, mình lật sách nó cũng biết, đếm tiền nó cũng phân biệt được, trong nhà thờ ồn ào ca hát không làm ảnh hưởng nó bắt muỗi. Con dơi sanh ra có bản năng ra đa, chứ không phải học hay nghiên cứu mới có. Con chim ở trên hư không cách mặt nước biển rất xa, mà cá lội ở dưới biển, có làn sóng biển, nhưng con chim chụp được con cá; bản năng đó sẵn có, không phải do học mà có.

Bộ óc con người cấu tạo rất tinh vi, nhà khoa học học cấu tạo tinh vi bộ óc con người, phát minh cái máy điện toán, con người sanh ra đều có bộ óc tinh vi đó. Những cái này tùy theo nghiệp, đầu thai thành người có bộ óc tinh vi, đầu thai con dơi thì có ra đa. Nếu tất cả nghiệp sạch hết thì năng lực thần thông, trí huệ vô lượng vô biên hiện ra. Mục đích Phật Thích Ca truyền pháp môn này là từ nghi đến ngộ, muốn mình ngộ bản tâm của mình đủ thứ năng lực sẵn có, chứ không phải do học mà có, không phải do tu mới có.

**Hỏi: Con còn tại gia phải dùng bộ óc để làm việc, tham thoại đầu đến lúc nào đó thì bộ óc không xử dụng được. Vậy phải làm sao để công việc không bị trở ngại?**

Đáp: Tham thoại đầu là muốn cho bộ óc không biết để cái biết Phật tánh hiện lên, cái biết của bộ óc rất hạn chế, không đúng với thật tế. Nếu hiện được cái biết của Phật tánh thì làm việc khỏi cần qua bộ óc.

Cô Trì Hằng Thiền là thợ may lúc khởi nghi tình thì bộ óc không biết mà cắt áo rất khéo, không cắt lộn, cho đến người em hỏi mấy phen mấy tấc, cô không biết; vô lý! Không biết làm sao cắt? Nhưng sự thật không biết, cô vẫn cắt xong cái áo. Bây giờ phát minh những

kiểu mới, những người khác phải nghiên cứu, rồi mới cắt được; còn cô khỏi cần nghiên cứu, đem lại cắt liền, khỏi cần qua bộ óc.

Cái biết Phật tánh làm gì cũng được. Trương Quốc Anh là túc cầu viên làm thủ môn, khi tham thiền thì bộ óc không biết, không thấy trái banh, nhưng trái banh nào đến đều chụp được; cho nên trận đấu nào có Trương Quốc Anh là thắng. Cắt áo và chụp banh không có nguy hiểm, nếu bộ óc không biết mà lái xe rất nguy hiểm nhưng không bao giờ đụng xe. Bác sĩ Thuận tham thiền khởi lên nghi tình không thấy xe cộ, lái xe từ Rạch Giá đến Sài Gòn nhưng không bị đụng xe. Có hai tài xế xe khách Sài Gòn đi Chợ Lớn khởi lên nghi tình cũng không bị đụng xe.

Hiện được cái biết của Phật tánh một chút là hơn cái biết của bộ óc rất nhiều. Ở Việt Nam không có viết nguyên tử nhập cảng, viết hết mực, lấy ruột viết bôm mực vô xài tiếp. Có một thanh niên 20 tuổi bôm mực nguyên tử, khi chưa tham thiền thì một ngày bôm được bốn mươi mấy cây, lúc tham thiền bộ óc không biết bôm được tám mươi mấy cây. Lại bốn mươi mấy cây ra mực không đều, tám mươi mấy cây ra mực đều; không những số lượng tăng thêm, mà chất lượng cũng tốt hơn.

Nếu dùng cái biết của Phật tánh thay thế cái biết của bộ óc thì làm việc nhanh hơn, tốt hơn. Bởi vì cái bản năng tự mình sẵn có, như con dơi, con chim ăn cá, con ong... đều có bản năng của nó; chỉ theo cái nghiệp hiện ra bản năng một chút cũng xài, nếu hiện ra hết bằng như chư Phật, không sợ bộ óc không làm việc được; Phật tánh làm việc thay cho bộ óc, tốt hơn muôn triệu ngàn lần.

***Hỏi: Làm thế nào để phá vỡ nghi tình?***

Đáp: Tham thiền là không cho bộ óc suy nghĩ, tìm hiểu, để cho cái biết Phật tánh hiện ra; cho nên có ý muốn phá nghi tức là muốn ngộ cũng không được. Điều thứ nhất của Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền là phá ngã chấp “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, nếu cầu phá nghi được ngộ cũng là cầu; công phu của mình đến mức sẽ được ngộ, cầu để phá nghi được ngộ thì không thể ngộ.

***Hỏi: Làm thế nào để khắc phục dục tính?***

Đáp: Trước kia chưa tham thiền hay thích đi nhà hàng ăn uống, sau tham thiền một thời gian không thích đi nhà hàng ăn uống nữa. Chưa tham thiền muốn mặc đồ đẹp, sau tham thiền một thời gian không thích mặc đồ đẹp. Đó là tự nhiên như vậy, vì nghi tình là không biết; bộ óc không biết thì không biết xấu đẹp, không biết có dục tính hay không dục tính, khỏi cần trừ dục tính, dục tính tự động trừ. Nghi tình là cây chổi automatic quét sạch tất cả thì cái dụng của tự tánh hiện ra vô lượng vô biên.

***Hỏi: Làm sao biết mình ngồi thiền đúng hay sai? Ngồi thiền sai có hại gì không? Nếu sai làm sao sửa?***

Đáp: Tham Tổ Sư Thiền khỏi cần ngồi, Lục Tổ nói “đạo do tâm ngộ bắt tại tọa”, ngộ do tâm chứ không phải do thân. Tâm là vô thi vô chung không có sanh diệt, vĩnh viễn không có biến đổi, tồn tại chân thật. Thân này từ từ biến đổi, cuối cùng chết đem thiêu thành tro, chôn thành đất. Cho nên tu hành chú trọng tâm ngộ, chứ không chú trọng thân ngồi. Lục Tổ nói “ngồi lâu trói thân không có ích lợi”. Tôi dạy Tổ Sư Thiền của Phật Thích Ca là không chú trọng ngồi.



Nói về thiền thì Tổ Sư Thiền khác hơn tất cả thiền, tất cả thiền đều chú trọng ngồi, mà Tổ Sư Thiền không cần ngồi; đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, đi cầu... đều tham thiền, đang làm công việc, đang đá banh, lái xe... đều tham thiền được, đang ngủ mê cũng tham thiền. Ban đầu mình tập phải bị gián đoạn, ngày đêm 24 tiếng đồng hồ sẽ gián đoạn 23 tiếng, rồi từ từ gián đoạn bớt lại, cho đến ngày đêm không giây phút nào gián đoạn.

**Hỏi: Làm sao phá trừ được vô minh bao phủ khắp mọi nơi?**

Đáp: Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô vô minh diệt vô vô minh tận”, không có vô minh cũng không có vô minh hết. Vô minh là mê thành chúng sanh, vô minh hết là ngộ thành Phật; vốn không có mê thì không có ngộ, vốn không có vô minh thì không có vô minh hết chúng nhập Niết bàn, và “vô lão tử diệt vô lão tử tận”, vốn không có sanh tử làm sao có sanh tử hết! Vậy mình thấy có vô minh có sanh tử rõ ràng. Tại sao? Vì vọng tâm hoạt động nên thấy có sanh tử, thấy có vô minh. Nếu vọng tâm ngưng hoạt động tự nhiên không có vô minh, không có sanh tử.

Khi thân mình xoay thì thấy căn nhà xoay, thân xoay mau thì căn nhà xoay mau, không thể không thấy căn nhà xoay được. Muốn căn nhà ngưng xoay thì thân phải ngưng xoay, thân không ngưng xoay thì căn nhà xoay mãi. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng dụ cho cứu cánh Niết bàn. Nhưng căn nhà vốn không xoay, tại sao nói là căn nhà ngưng xoay? Phải căn nhà xoay mới nói ngưng xoay.

Phật đã nói vốn không có vô minh, cho nên khởi trừ vô minh. Tham thiền khởi lên nghi tình thì vô minh không trừ mà tự trừ, lúc ngộ mới biết không có vô minh, vốn không có sanh tử. Vì vậy người ngộ rồi sanh tử tự do.

**Hỏi: Làm sao tránh được con đường tu hành sai lầm của mình?**

Đáp: Tu pháp môn nào phải đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, tu Tịnh Độ đúng theo tông chỉ Tịnh Độ, tu tông Thiên Thai phải đúng chỉ quán thiền của tông Thiên Thai, tu Tổ Sư Thiền đúng theo tông chỉ của Tổ Sư Thiền. Nếu theo đúng tông chỉ thì không có sai lầm đường tu, không đúng tông chỉ là sai lầm. Bởi vì mỗi tông mỗi phái khác nhau, tông chỉ cũng khác. Tôi dạy Tổ Sư Thiền điều thứ nhất là vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ. Thực hành được 9 chữ này là đúng tông chỉ, không thể bị tẩu hỏa nhập ma.

Nếu cái tách không có cái không thì không sử dụng được, cái bàn không có cái không thì không thể để đồ, cái ghế không có cái không thì không ngồi được, cái nhà không có cái không thì quý vị không thể ngồi. Cho nên cái không rộng chừng nào thì cái dụng rộng chừng nấy. Tham Tổ Sư Thiền có nghi tình là cây chổi automatic quét trống không, quét không được bao nhiêu thì cái dụng được bấy nhiêu. Như bác sĩ Thuận, Trương Quốc Anh, Trì Hằng Thiền, họ quét không được chút đỉnh thì hiển bày được cái dụng chút đỉnh.

Đến khi ngộ triệt để và về sau từ từ dứt hết tập khí thì dụng bằng như chư Phật. Tập khí dứt nhiều chừng nào thì cái dụng Phật tánh hiện ra nhiều chừng nấy, dứt hết tập khí không còn cái gì nữa, được cái dụng vô lượng vô biên cùng khắp không gian thời gian.

**Hỏi: Làm sao rửa sạch hết nghiệp?**

Đáp: Nghiệp là do tâm tạo, khởi cần rửa, tham thiền tự nhiên rửa sạch. Cái nghi là không biết của bộ óc, như mình bôm bong bóng tự bùng nổ. Tham thiền cứ tối ngày sáng đêm, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, đi cầu làm việc... đều giữ nghi tình làm cho bộ óc

không biết gì hết. Hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Không biết. Cái không biết là tham thiền, tối ngày sáng đêm giữ cái không biết, một ngày kia sẽ đến thoại đầu.

Tham thoại đầu nhưng chưa đến thoại đầu. Ví dụ cây viết để giải thích hai chữ thoại đầu: đầu trên cây viết là thoại đầu, đầu dưới cây viết là thoại vĩ. Tại sao nói là thoại đầu? Thoại là một lời nói, đầu là trước khi lời nói; trước khi chưa nổi niệm muốn nói lời nói này gọi là thoại đầu, tức là một niệm chưa sanh khởi.

Tham thiền là từ thoại vĩ đang đến thoại đầu, ở giữa đường; đường này là đường đi ý thức, cũng còn tác dụng của bộ óc. Nhưng dùng cái không biết của bộ óc (nghi tình), một ngày kia đến thoại đầu thì đường đi ý thức đã hết, trước mắt thanh thanh tịnh tịnh, chỗ này gọi là thoại đầu (vô thi vô minh, đầu sào trăm thước), từ đầu sào trăm thước tiến lên một bước là kiến tánh.

### ***Hỏi: Làm sao đến ngộ?***

Đáp: Chỉ giữ nghi tình sẽ được ngộ, nuôi cái nhân cho mạnh đến mức là được. Bây giờ mình ngủ mê, tham thiền không được, nhưng công phu đến mức thì ngủ mê vẫn còn tham; ban đầu làm việc không tham được, nhưng lâu ngày làm việc cũng tham được. Đó là phải tập lần lần, chứ không phải mới tham mà làm được.

Mới tập tham trong 24 tiếng đồng hồ thì gián đoạn hết 23 tiếng, tập lần lần từ 23 tiếng bớt lại còn 22 tiếng gián đoạn, cứ tập như thế đến 24/24 ngày đêm không còn gián đoạn. Nếu không có giây phút nào gián đoạn là đến thoại đầu, sắp kiến tánh, có khi một hai bữa hay một tuần lễ, nửa tháng, một tháng sẽ kiến tánh.

### ***Hỏi: Lúc tuổi già đến gần chỗ Ngài để tu hay vào thiền viện mà tu?***

Đáp: Tổ Sư Thiền rất thích hợp cho những người đang làm việc để tu, bất cứ nghề nào vẫn làm y như cũ. Lịch sử Thiền Tông có ghi: vua kiến tánh vẫn làm vua, thừa tướng kiến tánh vẫn làm thừa tướng, thượng thư kiến tánh vẫn làm thượng thư, cho đến người buôn bán tay bưng vai gánh đi rao ngoài đường cũng được kiến tánh, có làm nghề gì cũng được kiến tánh, chứ không phải bỏ nhà hay đến chỗ vắng lặng để tu.

Ở Việt Nam, có người hỏi tôi: con muốn tham thiền nhưng trong lu gạo của con hết, làm sao con tu?

Tôi trả lời: dạy tham thiền đâu bảo ông bỏ nghề, ngồi đó để trời giúp cho ăn! Làm nghề gì vẫn làm y như cũ. Tham thiền không những không chướng ngại kiếm gạo, lại giúp cho ông kiếm gạo nhiều.

Đang làm việc đang tham thì khó một chút, nếu mình quyết tâm thì cũng làm được; ở thiền đường tu dễ hơn, nhưng cũng tùy theo hoàn cảnh của mình, chứ khỏi cần bỏ nghề đi tu.

### ***Hỏi: Mục đích tham thiền của Thiền sư là gì?***

Đáp: Tham Tổ Sư Thiền là từ nghi đến ngộ, mục đích là phát hiện bản năng của mình để dùng tích cực, không phải tiêu cực. Nghĩa chữ Phật là tự giác, giác tha; tức là tự mình giác ngộ, giác ngộ cho tất cả chúng sanh. Tại sao phải giác ngộ? Giác ngộ là thành Phật, tôi giác ngộ nên tôi là Phật, ông giác ngộ nên ông là Phật, người nào giác ngộ thì người ấy là Phật.

Ngày xưa Phật Thích Ca đã giác ngộ, người ta hỏi: ông là gì?

Phật đáp: tôi là người giác ngộ.

Đáng lẽ gọi Phật là người giác ngộ nhưng không gọi, mà lại gọi là Phật; gọi Phật thành quen, có người cho Phật là một thần linh. sự thật Phật cũng là người, nhưng người giác ngộ khác hơn người chưa giác ngộ. Người giác ngộ làm chủ cho mình được tự do tự tại, nếu chưa giác ngộ thì không làm chủ chính mình, nên không được tự do tự tại.

Bây giờ không làm chủ chính mình, không muốn già vẫn già, không muốn bệnh vẫn bệnh, không muốn chết vẫn chết; nếu ngộ thì được sanh tử tự do. Trong Lịch sử Thiên Tông ghi có 7.000 Tổ được sanh tử tự do. Thân này không phải tồn tại chân thật của ta. Tại sao? Vì biến đổi thường xuyên từ giây từ phút, nhưng mình không biết. Phật tánh không bắt đầu cũng không cuối cùng, vĩnh viễn không biến đổi, tồn tại chân thật của ta.

Nếu có biến đổi thì không phải chân thật của ta. Tại sao? Mẹ đẻ ra đứa bé, cho đứa bé là ta; đến khi đứa bé lớn bằng con nít thì cho con nít là ta; con nít trưởng thành người lớn, cho người lớn là ta; người lớn biến thành người già, cho người già là ta; người già chết đem chôn dưới đất biến thành đất, nói đất đó là ta được không? Nếu đất đó không phải ta, thì người già không phải ta, người trẻ không phải ta, con nít không phải ta, đứa bé cũng không phải ta.

Vì thân này biến đổi cuối cùng phải thành tro thành đất, còn cái vĩnh viễn chân thật của ta không thể biến đổi. Tham thiền là muốn phát hiện chân thật tồn tại của ta, nhưng người ta không biết cứ lưu luyến cái giả dối của ta, nên phải chịu đủ thứ khổ, đến chừng chết cũng chưa hết. Vì phải đi đầu thai chỗ khác chịu khổ nữa, gọi là sanh tử luân hồi. Phật Thích Ca dạy tham Tổ Sư Thiền muốn mình kiếp này chấm dứt tất cả khổ, tự mình làm chủ cho mình.

**Hỏi: Làm thế nào để định được tâm?**

Đáp: Tham thiền không những định được tâm, ngài Lai Quả nói “giữ được nghi tình thì giới, định, huệ đầy đủ, tất cả kinh của Phật, các tôn giáo, tất cả công thương kỹ nghệ của thế gian đều đầy đủ”. Nếu còn thiếu sót thì không phải cái biết của Phật tánh. Khởi lên nghi tình thì bộ óc không biết, không biết nên không phạm giới.

Trong giới luật nhà Phật có 3 cấp trì giới:

1-Cấp phổ thông tu sĩ tụng giới nhớ giới điều, rồi y theo mà giữ.

2-Thiền giới có thiền định là giới, nếu giữ được nghi tình một phút là một phút này không phạm giới, giữ được một ngày thì một ngày không phạm giới; bởi vì bộ óc không biết nên không phạm giới, gọi là thiền giới.

3-Lậu tận giới tức là chứng quả rồi. Nếu chưa chứng quả nhờ thiền định giữ được giới, có khi nghi tình gián đoạn cũng có thể phạm giới, còn chứng quả rồi thì không bao giờ phạm giới.

Bộ óc không biết là không có suy nghĩ cái này cái kia thì tự nhiên được định, giữ được một phút thì một phút được định, giữ một ngày thì một ngày được định, giữ được một tháng thì một tháng được định. Định lâu ngày tự nhiên phát huệ, cho nên giữ được nghi tình thì giới định huệ được đầy đủ. Người hỏi này là đối với loạn nói là định, kỳ thật trong Thiên Tông không có loạn cũng không có định. Lục Tổ nói “tâm địa chẳng loạn là tự tánh định”, giữ được nghi tình không có loạn tức là định.

**Hỏi: “Chúng sanh đều có Phật tánh”, nhưng không biết tìm ra tánh. Xin Pháp sư chỉ pháp tìm ra tánh?**

Đáp: Phật tánh sẵn có, khỏi cần tìm; nếu tìm thì vĩnh viễn không thấy Phật tánh, vì tìm là do bộ óc. Vừa rồi nói không cho bộ óc tìm hiểu, suy nghĩ; cái biết của bộ óc hết, cuối cùng không biết của bộ óc cũng tan rã. Biết và không biết của bộ óc sạch thì cái biết của Phật tánh hiện lên.

Cái biết của bộ óc là tướng bệnh, cái biết của Phật tánh là tướng mạnh; khi nào tướng bệnh còn thì tướng mạnh hiện ra không được. Tại sao? Vì tướng bệnh là xanh vàng ốm yếu, tướng mạnh là hồng hào. Khi đang xanh vàng ốm yếu, làm sao hồng hào hiện ra được? Phải hết tướng bệnh thì tướng mạnh hiện lên. Cho nên, Phật tánh khỏi cần tìm, vì tìm là chướng ngại, chỉ cần giữ nghi tình lâu ngày được bùng vỡ thì Phật tánh hiện, gọi là kiến tánh thành Phật.

**Hỏi: Trước kia con đã tạo nhiều tội, hôm nay con biết sám hối, ăn chay, ngồi thiền. Vậy khi lâm chung con có trả nghiệp hết không?**

Đáp: Phật pháp nói “nhứt thiết duy tâm tạo”, tất cả do vọng tâm tạo ra; phải có nhân có quả, nhưng nhân yếu thì quả yếu đến sau, nhân mạnh thì quả mạnh đến trước. Như mình thiếu người này, người kia; chủ nợ có thể lực mạnh phải trả trước, chủ nợ có thể lực yếu trả sau.

Nhân quả cũng vậy, ở Việt Nam nhiều người vượt biên trên biển hết lương thực chịu chết đói; nhưng người đó đều có vàng mới đi vượt biên, nhà giàu có tiền làm sao chết đói! Vì kiếp trước đã có gieo nhân chết đói làm cho người ta chết đói, kiếp này phải chịu quả chết đói; cho nên có tiền cũng chết đói. Nhân quả thiện ác không thể trừ với nhau, làm thiện phát tài đi vượt biên, làm ác cho người ta bị chết đói nên chịu quả chết đói.

Tu hành có thể sửa lại nhân quả, như kiếp trước mình tạo cho người ta chết đói, tâm lực chỉ 1 độ; nếu tu thành Phật thì tâm lực 1 triệu độ, kiếp trước mình không tu tâm lực chỉ 1 độ, kiếp này không tu tâm lực cũng 1 độ thì cái quả chết đói sẽ đến; cho nên có tiền đi vượt biên cũng phải bị chết đói. Tham thiền nếu tâm lực từ 1 độ lên 2 độ cho đến 10 độ, cái quả của 10 độ sẽ đến trước, vì nhân mạnh; nhân 1 độ yếu kéo lại sau.

Nếu tâm lực lên 10 độ mà không tham thiền nữa thì cái quả 10 độ hết tới 9 độ, 9 độ hết tới 8 độ, đến 1 độ là cái quả làm cho người ta chết đói phải có. Tâm lực 10 độ mà tiếp tục tham thiền đến một triệu độ thành Phật. Mặc dù đã thành Phật, nhưng cái nhân làm cho người ta chết đói vẫn còn, nên phải ưu tiên độ người đó trước được giải thoát. Vì vậy, trước kia tạo bao nhiêu ác đừng sợ, bắt đầu từ bây giờ không làm ác nữa; nếu làm ác nữa thì tâm lực ác mạnh thêm thì quả mau đến.

Những tội trước mình sám hối hết, từ đây về sau không tạo việc ác nữa. Hai chữ sám hối người ta chưa hiểu rõ. Trong Pháp Bảo Đàn giải thích sám hối: sám (tiếng Phạn) là sám diệt nghiệp trước, hối (tiếng Hán) là hối lỗi sau này không làm nữa. Nếu sáng sám hối mà chiều làm ác thì không bao giờ hết tội. Mình chỉ làm thiện để tạo cho nhân thiện mạnh hơn nhân ác nên quả tốt đến trước, nhân ác yếu thì cái quả kéo lại sau; khi nào thành Phật trở lại độ những người trước kia mình đã làm ác thì cái quả sẽ hết.

**Hỏi: Làm sao để tập trung tư tưởng?**

Đáp: Tập trung tư tưởng rất dễ! Khởi lên nghi tình là tư tưởng tập trung rồi. Hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Bộ óc không biết thì tư tưởng được tập trung. Nếu giữ không biết một ngày thì ngày nay không phiền não, không có phiền não là tâm được thanh tịnh, thanh tịnh lâu được phát trí huệ, phát ra năng lực của bản thể là thần thông biến hóa đầy đủ.

**Hỏi: Tham thiền có cần ăn chay không?**

Đáp: Tôi nói cần và không cần là tương đối, tham thiền là phát hiện bản thể tuyệt đối, không có nói cần hay không cần. Ăn chay là nhân quả, mình tạo nhân gì thì có quả nấy, giết một mạng phải trả một mạng, ăn một cục thịt phải trả một cục thịt. Nếu ông không sợ người ta ăn mình thì ăn người ta. Nếu sợ người ta ăn mình thì đừng ăn người ta. Bởi vì đó là nhân quả.

Ăn chay là tránh sát sanh, nếu trứng không trống thì ăn được. Tại sao? Vì con gà đẻ ra trứng không trống nên không thể ấp ra gà con, nếu cái trứng này không ai ăn cũng hư thúi; vậy ăn trứng gà này giống như ăn cứt gà, không có hại đến ai. Uống sữa bò là giết lương thực của bò con, uống mật ong thì giết lương thực của con ong, việc này còn dính mắc nhân quả. Ăn trứng gà không trống không dính mắc nhân quả. Cho nên, ăn trứng gà không trống còn tốt hơn uống sữa và uống mật ong.

**Hỏi: Xin Thầy giải thích rõ về thiền?**

Đáp: Chữ thiền là tổng danh có đủ thứ thiền: Phạm phu thiền, Ngoại đạo thiền, Tiểu thừa thiền, Đại thừa thiền và Tối thượng thừa thiền (Tổ sư thiền). Nhưng tôi chỉ nói về Tổ Sư Thiền là từ nghi đến ngộ của Phật Thích Ca đích thân truyền là pháp thiền trực tiếp, không qua văn tự lời nói. Phật đưa cành hoa lên, Ma Ha Ca Diếp mỉm cười, Phật ấn chứng Ma Ha Ca Diếp được ngộ. Đây là bắt đầu của Thiền tông.

Tổ Sư Thiền khác với các thiền khác là chỉ cần khởi lên nghi tình thì từ nghi đến ngộ. Như hỏi “khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Cảm thấy không biết. Không biết là thiền rồi, cách thực hành rất giản dị rất dễ, ai cũng thực hành được. Nhưng tin tự tâm rất khó, mình tin tự tâm đầy đủ tất cả, rồi thực hành được 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”.

Vì tâm mình cùng khắp không gian thời gian, đã khắp không gian thì ngoài không gian không có không gian, ở ngoài còn không có làm sao đắc? Đắc là đắc ở ngoài, cầu là cầu ở ngoài; như tất cả gia tài đều ở trong nhà mình mà mình còn cầu gì nữa, còn đắc gì nữa. Cho nên, cần phải tin tự tâm, rồi phát hiện được tự tâm của mình, làm chủ cho mình được tự do tự tại.

**Hỏi: Tại sao nhiều người luyện thiền bị tẩu hỏa nhập ma?**

Đáp: Có nhiều thứ thiền, mỗi tông mỗi phái đều có thiền riêng của tông phái đó; muốn tu thiền của tông phái nào phải đúng theo tông chỉ của tông phái đó thì khỏi bị tẩu hỏa nhập ma, nếu tự mình làm tài khôn coi sách tự tu rất nguy hiểm. Tham Tổ Sư Thiền cần thực hành 9 chữ “vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, bảo đảm không bị tẩu hỏa nhập ma. Nếu có cầu, có đắc, có sợ thì ma thừa dịp này nhập vào, vì không đúng tông chỉ.

Nếu muốn thực hành được 9 chữ trên thì ngày đêm quyết tử tham, hỏi câu thoại đầu cảm thấy không biết gì hết, lâu ngày đến thoại đầu sẽ kiến tánh thì cái biết Phật tánh hiện lên. Bình thường mình làm nghề gì cứ theo nghề đó làm mà tu, chứ không phải bỏ nghề theo thầy để tu.

### **Hỏi: Làm sao để biết tâm mình ở đâu?**

Đáp: Nếu tâm mình có ở đâu là không phải tâm mình, vì tâm mình cùng khắp không gian thời gian nên không thể chỉ ra ở đâu. Cùng khắp không gian thời gian thì không thể tướng tượng.

Lấy cơ thể để chứng tỏ: cảm giác cơ thể này là cảm giác của lớp da, cảm giác lớp da thì người nào cũng cùng khắp không gian thời gian cơ thể, nên không có chỗ để chỉ, không có chỗ để búng. Nếu búng tay tay biết, búng đầu đầu biết, những chỗ không búng không biết thì cảm giác không cùng khắp không gian cơ thể.

Nói về thời gian thì không có lúc búng. Tại sao? Vì lúc búng mới biết, lúc không búng không biết. Sự thật cảm giác lớp da không dính dáng búng và không búng. Lúc búng và không búng, lớp da của cơ thể đều có cảm giác. Cảm giác không bao giờ gián đoạn. Do bộ óc nhận biết sai lầm cho có lúc búng mới biết, lúc không búng không biết.

Phật tánh mình cùng khắp không gian thời gian, không phải có đối tượng mới biết, không có đối tượng thì không biết. Không có đối tượng cũng biết, vì bản thể cùng khắp không gian nên không có chỗ, cùng khắp thời gian thì không có lúc. Nếu có chỗ nên không cùng khắp không gian, có lúc thì không cùng khắp thời gian. Vậy, đã cùng khắp nên không thể nói tâm mình ở đâu, vì chỗ nào cũng có.

Như ánh sáng nhiều cây đèn đều cùng chung một ánh sáng, không có hai ánh sáng. Ánh sáng nào là cây đèn số 1, ánh sáng nào thuộc cây đèn số 2... không thể chỉ ra, vì ánh sáng cùng khắp không gian thì không có chỗ.

Ở đây có mấy trăm người cũng cùng chung một bản thể Phật tánh, không thể hai Phật tánh; cho nên nói Phật tánh bất nhị, không có chỗ để chỉ; vì tâm của người nào cũng cùng khắp không gian thời gian, tuy chưa kiến tánh vẫn cùng khắp vậy.

Ánh sáng cùng khắp thì sự tương đối tiêu diệt, tương đối là có và không. Nếu có ngã thì quý vị chỉ ánh sáng nào thuộc cây đèn số 1 của ta? Chỉ ra thì có ngã mới thành lập được. Nếu không có ngã thì quý vị chỉ chỗ nào không có ánh sáng đèn số 1 của ta? Chỉ ra được nói là vô ngã. Có ngã và vô ngã đều không thể chỉ ra, vì ánh sáng cùng khắp không gian, nên có ngã và vô ngã đều không có.

Ở Việt Nam, có người lập ra ngòi thiền không đúng theo tông chỉ của Tổ sư dạy, có người dùng câu danh hiệu Phật để đè nén vọng tưởng, có người dùng niệm chú để đè nén vọng tưởng; tối ngày niệm Phật và niệm chú để đè nén vọng tưởng, ban đầu đè nén thấy thanh thanh tịnh tịnh, thấy trong tâm nhẹ nhàng rất khỏe; nhưng tu đến mức cao, có người tu được thần thông thường có 3 kết quả: ói máu, phát điên và phá giới. Vì tạm thời đè nén vọng tưởng tham, sân, si, chứ không phải tiêu hết.

Theo vật lý, đè mạnh chừng nào thì phản lực mạnh chừng nấy, như đánh banh mạnh vào tường thì dội lại mạnh. Đè nén lâu ngày thấy trong người khỏe, nhưng lâu ngày có sức cao thành linh phát lên không khống chế được, có người bị ói máu, có người phát điên, có người phá giới. Cho nên, mình muốn tu thiền nào phải đúng theo tông chỉ của thiền đó, đừng có tự mình lập ra đường lối tu thì rất nguy hiểm.

Có người hành đạo, mình phải phân biệt chánh tà; như chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh; chấp ngã là tà, phá chấp ngã là chánh. Chánh pháp luôn luôn phá ngã chấp, nếu không phá ngã chấp, người nào tu theo ngã chấp đến mức cao thì sẽ có 3 kết quả trên.

***Hỏi: Mỗi lần nghe kinh là con muốn khóc, không biết tại sao?***

Đáp: Mỗi lần nghe kinh có cảm xúc, kinh dạy cho mình tu giải thoát; mình không có hoàn cảnh để tu giải thoát cũng có thể khóc.

Ngài Lai Quả nói “thấy người ta chết thì lòng tôi nóng như lửa, không phải nóng vì người khác mà vì mình”. Bởi không biết ngày nào chết đến mình, có thể đêm nay, ngày mai chết; nhưng sau này rồi sẽ chết. Có người nghe bác sĩ nói mình có bệnh ung thư sáu tháng hay một năm phải chết, sợ quá; sự thật sanh ra con người là bị bệnh ung thư, vì sanh ra rồi đợi chết, không biết ngày nào chết; nhưng một ngày nào đó sẽ chết.

Cho nên, Phật dạy trước khi chết phải giải quyết cái chết đó, phải biết tại sao chết? Tại sao mình không làm chủ cái chết? Mình sợ chết thì phải làm chủ cái chết mới được. Nếu nói là ta thì ta phải làm chủ cho ta chứ! Phật Thích Ca muốn mọi chúng sanh đều làm chủ cho ta. Muốn làm chủ cho ta thì biết ta là cái gì? Cái ta chân thật không biến đổi mới là chân thật của ta, còn biến đổi tự nhiên phải sanh rồi chết.

Tham thiền là phát hiện tồn tại chân thật của ta vĩnh viễn không có biến đổi, thì sanh diệt là thừa, vốn không có sanh tử, như Bát Nhã Tâm Kinh nói.

***Hỏi: Làm sao thấy được linh hồn sống lại kiếp sau?***

Đáp: Linh hồn theo thể xác này biến đổi, không phải là sự chân thật của ta.

Có một ông già bệnh sợ chết, hỏi: nếu tôi chết rồi đem đi thiêu rồi linh hồn ra sao?

Tôi nói: nhà Phật không nhìn nhận linh hồn.

Tôi giải thích nhiều nhưng ông không hiểu. Tôi hỏi: ông có chiêm bao không?

Ông ấy nói: có.

Tôi nói: thân của ông nằm trên giường ngủ thấy chiêm bao, thân trên giường không phải là thân chiêm bao phải không?

Ông ấy đáp: phải.

Tôi nói: thân chiêm bao tiếp xúc với thể giới chiêm bao, tiếp xúc cái tách, cây viết, cái bàn... đều có thật chất, tiếp xúc nóng lạnh biết nóng lạnh, luôn cả thân chiêm bao bị người ta đánh cũng biết đau; giả sử trong chiêm bao có thiện tri thức giải thích: cái tách, cái bàn, cây viết... đều không thật; luôn cả thân chiêm bao của ông cũng không thật, thân chiêm bao không tin nổi. Tại sao? Nói không thật sao tiếp xúc cái nào cũng có thật? Thân tôi không thật sao người ta đánh tôi biết đau? Nếu trong chiêm bao tỉnh dậy tự mình chứng tỏ những cái thật hồi nãy không còn, luôn cả thân chiêm bao tìm không ra. Thân chiêm bao là linh hồn của ông, lúc chiêm bao thì có nhưng thức tỉnh không có.

Tôi đang thuyết pháp và các vị đang nghe pháp là ở trong mở mắt chiêm bao, tiếp xúc cái gì cũng có thật. Phật giải thích cái này cái kia đều không thật mà mình không thể tin, nhưng tham thiền đến kiến tánh như ở trong nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh, tự mình chứng tỏ, nên gọi là chứng ngộ mới biết chiêm bao là không thật. Chưa thức tỉnh thì ai nói có lý cũng không tin, vì tiếp xúc cái nào cũng thấy thật.

Trong chiêm bao tin là thật, nên trong chiêm bao khóc, khi thức tỉnh thấy còn có nước mắt; trong chiêm bao sợ, thức tỉnh thấy trái tim còn đập mạnh. Người thức tỉnh thấy tất cả không thật chỉ là chiêm bao.

Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô ngũ uẩn, vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức”, cái nào cũng nói không có, mà mình không tin. Nhưng tham thiền kiến tánh, khỏi cần Phật giải thích, tự mình chứng tỏ, nên gọi là chứng ngộ.

**Hỏi: Tu đến mức độ nào mới có hào quang?**

Đáp: Bây giờ khỏi cần tu cũng có hào quang, nhưng hào quang yếu không sáng. Hào quang yếu nên quý sứ bắt được, còn hào quang sáng thì quý sứ không thấy mình nên không thể bắt.

Có một vị trụ trì kiến tánh có hào quang rất sáng, thần già lam ở chùa mấy chục năm muốn thấy mặt trụ trì mà không thể thấy được.

Thần già lam hỏi vị trụ sự: tôi muốn thấy mặt trụ trì làm sao?

Trụ sự nói: dễ mà! Ngày mai ăn cơm trưa, ông đem thùng cơm lật ngược lại rồi sẽ thấy.

Thần già lam làm theo chỉ dẫn của trụ sự thì cơm đổ ra lung tung, vị trụ trì thấy vậy lớn tiếng “các ông không biết giữ gìn của thí chủ, làm như vậy là mang tội”, lúc lớn tiếng thì hào quang xuống thấp, thần già lam đến trước đánh lễ, đánh lễ xong thì hào quang khôi phục, thần già lam không thấy mặt trụ trì nữa. Ma quỷ còn có hào quang, huống chi con người, ai cũng có hào quang.

**Hỏi: Phật Thích Ca giải được nghiệp chướng của người khác không?**

Đáp: Phật Thích Ca không thể giải được nghiệp chướng cho người khác, luôn cả cha mẹ của Phật cũng không thể giải được nghiệp chướng. Nếu giải nghiệp được thì không có nhân quả, người nào tạo nghiệp gì phải chịu quả nấy.

Như ăn no phải tự mình ăn, cha mẹ thương con không thể ăn no giùm cho con. Con có hiếu với cha mẹ cũng không ăn no giùm cho cha mẹ. Cha mẹ muốn no thì cha mẹ phải tự ăn, con muốn no thì con phải tự ăn; không thể ăn giùm cho ai được.

Cho nên, nghiệp mình tạo mà người khác không thể giải được; nếu giải được nghiệp người khác thì Phật Thích Ca đại từ đại bi giải được hết, bây giờ không còn chúng sanh nữa.

**Hỏi: Thiền Tông có nghi để ngộ, Tịnh Độ có tín, hạnh, nguyện để đến ngộ. Vậy nghi và tín khác nhau như thế nào?**

Đáp: Pháp môn nào đều cũng phải tin, như Thiền Tông có tin 10 phần thì nghi được 10 phần, nên ngộ được 10 phần. Tham Tổ Sư Thiền có hai căn bản là: tin tự tâm và phát nghi tình. Thiền Tông khác với Tịnh Độ, Thiền Tông có tin tự tâm nhưng phát nghi tình, nghi tình có dấu hỏi; tức là tình trạng nghi không hiểu không biết. Tín, nguyện, hạnh của Tịnh Độ thì bộ óc phải biết. Thiền Tông dùng nghi tình là cây chổi automatic quét sạch bệnh chấp thật, còn Tịnh Độ nuôi tâm chấp thật, nghịch lại chấp có ta là thật, chấp có Phật là thật, có cõi Cực Lạc là thật.

Tịnh Độ không có nghi là không có nhân ngộ, vì nghi là nhân, ngộ là quả; cho nên không có nghi thì không có ngộ, phải sanh về Cực Lạc chuyển qua tham thiền phát nghi rồi mới ngộ. Tổ Sư Thiền bắt đầu tham thiền là phát nghi, chứ khỏi cần sanh về Cực Lạc mới phát nghi. Tông Thiên Thai tu tam chỉ tam quán đến mức cao rồi phát nghi.



Chỉ quán thiên là hệ duyên chỉ, tùy duyên chỉ và thể chơn chỉ. Đến thể chơn chỉ thì lúc đó phát nghi. Vậy làm sao phát nghi? Phải có tam quán (không quán, giả quán, trung quán). Ban đầu quán cái tách này là giả, cái kia là giả, tất cả đều là giả; nhưng quán riet tất cả giả không phải thật giả thì quán không, không cũng chẳng phải thật không; rồi quán trung, giả với không là hai đầu, hai đầu còn không có thì chính giữa làm sao có? Trung cũng không thành lập, vậy tại sao? “Tại sao?” là nghi tình, do nghi này mới được ngộ.

Tông phái nào cũng từ nghi đến ngộ, cho đến nhà khoa học cũng từ nghi mà được ngộ. Như học trò làm toán không ra, cứ nghi trong đầu, rồi thành linh nghĩ ra. Pháp thế gian là đi nghiên cứu tìm hiểu, gọi là hồ nghi. Tham thiền là không cho bộ óc đi nghiên cứu, tìm hiểu, để nuôi nghi tình miên mật rồi bùng vỡ, tức là ngộ. Vì vậy, niệm Phật của Tịnh Độ khác hơn nghi tình của Thiên Tông. Tịnh Độ niệm Phật tới vãng sanh chỉ là bất thối (không sụt lui), chứ không phải ngộ.

***Hỏi: Thế nào là thần chú?***

Đáp: Thần chú thuộc về Mật Tông , tại sao không dịch thần chú? Vì tác dụng thần chú hơi giống như nghi tình, tức là không cho bộ óc biết; nên không dịch nghĩa, để mình tụng âm mà không biết gì; là giữ được không biết thì bộ óc thanh tịnh, nhưng không có dấu hỏi nên không có nghi, vì thể không thể ngộ.

Tâm được thanh tịnh lâu ngày phát ra thần thông, người tu Mật Tông dễ có thần thông. Nếu dùng thần chú để đè nén vọng tưởng cho đến phát thần thông nhưng vẫn còn nguy hiểm, cho nên muốn tu Mật Tông cũng phải đúng tông chỉ Mật Tông mới được.

***Hỏi: Thế nào không chấp kinh điển?***

Đáp: Người mù bẩm sinh không thấy mặt trời là dụ cho người chưa ngộ, người mắt sáng là dụ cho người đã ngộ. Người mù không thấy mặt trời, hỏi người mắt sáng “mặt trời như thế nào?” Người mắt sáng diễn tả mặt trời là tròn với nóng, người mắt sáng diễn tả mặt trời thì đúng, nhưng người mù nghe người mắt sáng cho tròn với nóng là mặt trời là sai. Tại sao? Vì thiếu gì đồ tròn với nóng mà cho là mặt trời.

Tôi biết ông Trương, quý vị chưa gặp ông Trương nên không biết; tôi diễn tả thật kỹ về ông Trương cho quý vị nghe, nhưng quý vị gặp ông Trương ở ngoài đường không biết. Vì chỉ nghe lời nói của tôi, không phải đích thân gặp. Khi nào gặp, tôi giới thiệu đây là ông Trương, sau này ở đâu gặp cũng biết.

Cho nên, Phật nói trong kinh điển muốn trị hết bệnh mù của chúng sanh, để tự mình đích thân thấy; không bị lời nói của Phật lừa gạt, chứ đừng đuổi theo lời nói của Phật cho là chân lý. Nếu cho lời nói của Phật là chân lý, ấy là sai lầm. Tất cả tôn giáo khác, giáo chủ ngồi thiền ngộ được có chân lý, tự mình làm giáo chủ để hoằng dương chân lý của mình ngộ.

Cái ngộ của Phật Thích Ca là vô thi (không có sự bắt đầu), không có sự bắt đầu là nghĩa vô sanh (không có sanh khởi). Nếu có sanh khởi thì có sự bắt đầu, cho nên người chứng ngộ là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Nếu đã vô sanh thì sao sanh ra chân lý! Có chân lý thì có giả lý, tức có tương đối.

Vì vậy, Phật vừa nói liền phủ định (kiến lập rồi phủ định), cũng như không có tam thừa, mà nói có tam thừa, không có Phật mà nói có Phật, nói rồi tự mình phủ định. Kinh Lăng Già nói “chẳng có Phật nhập Niết bàn, chẳng có Niết bàn của Phật”. Tự mình thuyết

pháp, rồi tự mình phủ định, nói “tôi thuyết pháp 49 năm, nhưng chưa từng nói một chữ; ai nói Phật có thuyết pháp, thì người ấy phi báng Phật”, rất mâu thuẫn, nhưng sự thật không phải.

Cho nên, ngài Nguyệt Khê nói “chỉ biết kiến lập mà không biết phủ định chẳng phải Phật, nếu chỉ biết phủ định mà không biết kiến lập chẳng phải Phật”, Phật kiến lập rồi tự phủ định. Tại sao? Bởi không kiến lập thì không thể độ chúng sanh, không phủ định để chúng sanh chấp thật thì không thể ngộ. Ngoại đạo căn cứ kinh điển của Phật để công kích không thể được, vì Phật đã phủ định rồi. Phải hiểu theo ý của Phật, chứ không đui theo lời nói.

Kinh Lăng Già nói “Phật thuyết pháp chẳng đọa vào văn tự”. Chính Tổ Sư Thiên là bất lập văn tự (không qua văn tự), không qua văn tự không phải phế bỏ văn tự. Thuyết pháp cũng phải dùng văn tự lời nói để thuyết pháp, nhưng không chấp văn tự lời nói là chân lý, chỉ là phương tiện; Phật nói phương tiện đó là ngón tay chỉ mặt trăng, tất cả kinh điển đều là ngón tay, Phật tánh là mặt trăng; mình phải nhờ ngón tay để ngó mặt trăng, nếu không nhờ ngón tay thì khó thấy mặt trăng. Nhưng bây giờ người học Phật không nhờ ngón tay để ngó thấy mặt trăng, lại nhìn ngón tay, nghiên cứu ngón tay, ở trong ngón tay tìm mặt trăng, cũng như trong kinh Phật tìm chân lý.

Nên trong kinh Lăng Nghiêm, Phật quở những người đó, nói “các ngươi không những không thấy được mặt trăng, cũng không biết ngón tay và không phân biệt được hai tướng sáng tối”. Tại sao? Mặt trăng sáng, ngón tay không sáng, sao lại muốn trong ngón tay tìm mặt trăng? Tức là không hiểu sáng và tối. Ngón tay không phải mặt trăng, mà cho là mặt trăng tức không biết ngón tay, cũng không thấy mặt trăng.

**Hỏi: Phật nói trong kinh Kim Cang “muốn hàng phục vọng tâm hãy dẹp trừ vọng tưởng” tham câu thoại đầu là dẹp vọng tưởng làm sao đến chỗ như như?**

Đáp: Trong kinh Kim Cang đầu nói dẹp trừ vọng tưởng! Trong kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều là nghĩa 3 câu. Nghĩa 3 câu là như thế nào? Phật nói chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh. Phật nói thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Phật nói đệ nhất ba la mật, tức phi đệ nhất ba la mật, thị danh đệ nhất ba la mật.

Câu thứ nhất chấp chúng sanh là thật chúng sanh, câu thứ nhì là chẳng phải chúng sanh, câu thứ 3 là giả danh; tức là câu thứ nhất chúng sanh là giả danh, câu thứ nhì chẳng phải chúng sanh là giả danh, câu thứ 3 giả danh cũng là giả danh. Nếu chấp thật giả danh cũng còn có sở trụ.

Lục Tổ nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang đến câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” liền ngộ. Vô sở trụ là bản thể của Phật tánh. Tại sao muốn vô sở trụ? Dụ cái tay là bản thể của Phật tánh hoạt bát vạn năng, muốn lấy cây viết, mặt kiến... đều được. Nếu có sở trụ thì hoạt bát vạn năng bị mất, như trụ cây viết thì lấy cái gì cũng không được; nên tay buông cây viết thì lấy cái gì đều được. Tự làm nắm tay, trong tay không có gì thì cái dùng của tay cũng mất, muốn lấy thứ gì không được; vì vậy, nắm tay cần phải buông để khôi phục cái dụng của tay.

Đây là nghĩa vô sở trụ, sanh kỳ tâm là cái dụng. Nếu tâm có sở trụ thì chướng ngại cái dụng, như tay trụ cây viết hay tay tự làm nắm tay. Cho vọng tưởng là thật thì tâm đã trụ nơi vọng, làm sao phá được vọng? Phật nói “vô vô minh”, vốn không có vọng, tại sao còn lấy vọng để phá vọng?

Nghi tình là không biết của bộ óc, nhưng dùng bộ óc không biết thì vô trụ. Tại sao? Không biết có thì không trụ nơi có, không biết không có thì không trụ nơi không, không biết cũng có cũng không thì không trụ nơi cũng có cũng không, không biết chẳng có chẳng không thì không trụ chẳng có chẳng không; lia tứ cú là không trụ, do nghi tình vốn là không trụ. Vì không biết nên không trụ, có trụ là phải biết.

Cho nên, giữ được nghi tình là thực hành nghĩa 3 câu của kinh Kim Cang, quét sạch tất cả, quét câu thứ nhất, quét câu thứ nhì, quét câu thứ 3. Tự động quét, khởi căn khởi tâm muốn quét. Nếu khởi tâm muốn quét thì tâm muốn quét cũng là vọng, nên quét không được.

-----